VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

HÀ NGỌC HẢI

QUYỀN CON NGƯỜI CỦA BỊ CAN TRONG GIAI ĐOẠN ĐIỀU TRA VỤ ÁN HÌNH SỰ Ở NƯỚC TA HIỆN NAY

Chuyên ngành: Luật hình sự và tố tụng hình sự

Mã số : 60.38.01.04

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC: GS. TS. NGUYỄN NGỌC ANH

HÀ NỘI, 2016

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi; các số liệu, tư liệu được sử dụng trong Luận văn là trung thực, có xuất xứ rõ ràng; những phát hiện đưa ra trong Luận văn là kết quả nghiên cứu của chính tác giả Luận văn.

TÁC GIẢ LUẬN VĂN

Hà Ngọc Hải

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU 1

Chương 1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ QUYỀN CON NGƯỜI CỦA BỊ CAN TRONG GIAI ĐOẠN ĐIỀU TRA VỤ ÁN HÌNH SỰ Ở NƯỚC TA HIỆN NAY 8

1.1. Nhận thức về quyền con người 8

1.2. Nhận thức về giai đoạn điều tra vụ án hình sự, bị can và quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự 11

1.3. Chuẩn mực quốc tế về quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự 21

Chương 2. THỰC TRẠNG BẢO ĐẢM QUYỀN CON NGƯỜI CỦA BỊ CAN TRONG GIAI ĐOẠN ĐIỀU TRA VỤ ÁN HÌNH SỰ Ở NƯỚC TA HIỆN NAY 30

2.1. Quy định của pháp luật tố tụng hình sự hiện hành về quyền và bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự 30

2.2. Thực tiễn bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự ở nước ta hiện nay 41

Chương 3: TĂNG CƯỜNG BẢO ĐẢM QUYỀN CON NGƯỜI CỦA BỊ CAN TRONG GIAI ĐOẠN ĐIỀU TRA VỤ ÁN HÌNH SỰ Ở NƯỚC TA HIỆN NAY 62

3.1. Phương hướng nâng cao bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự ở nước ta hiện nay 62

3.2. Những giải pháp nâng cao bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự ở nước ta hiện nay 64

KẾT LUẬN 75

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO 77

DANH MỤC CÁC BẢNG BIỂU

Bảng 2.1: Tình hình khởi tố, điều tra tội phạm của Cơ quan điều tra trên phạm vi toàn quốc từ năm 2010 đến năm 2015 44

Bảng 2.2: Số vụ án, bị can được Viện kiểm sát các cấp đình chỉ điều tra từ năm 2010 đến năm 2015 45

Bảng 2.3: Số vụ án, bị can được Viện kiểm sát các cấp tạm đình chỉ điều tra từ năm 2010 đến năm 2015..... 45

Bảng 2.4: Tình hình đình chỉ điều tra vụ án, bị can từ năm 2010 đến năm 2015 do Cơ quan điều tra trong Công an nhân dân thực hiện 46

Bảng 2.5: Viện kiểm sát không phê chuẩn lệnh bắt, tạm giam, gia hạn, hủy bỏ và thay đổi biện pháp ngăn chặn từ tạm giam sang biện pháp khác từ năm 2010 đến năm 2015 47

Bảng 2.6: Số trường hợp quá hạn tạm giam trên phạm vi cả nước từ năm 2010 đến năm 2014..... 53

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Quyền con người là giá trị mang tính phổ biến chung của nhân loại, là kết quả của quá trình đấu tranh, phát triển lâu dài của tất cả các dân tộc, nhân dân trên toàn thế giới. Quyền con người được đặt trong mối quan hệ với nghĩa vụ, trách nhiệm của mỗi cá nhân đối với xã hội và được giải quyết trên cơ sở đảm bảo lợi ích xã hội. Bảo đảm quyền con người là bảo đảm dân chủ, bảo đảm hiệu quả, hiệu lực nhà nước cũng như quyền và lợi ích hợp pháp của công dân. Kể từ khi Liên hợp quốc được thành lập, quyền con người thu hút sự quan tâm rộng rãi của dư luận và có sự tác động mạnh mẽ tới các quan hệ chính trị, pháp lý, xã hội ở tất cả các cấp độ quốc gia, khu vực và quốc tế. Nó không chỉ là nhận thức, là quan điểm mà thể hiện bằng các quy phạm pháp luật được các quốc gia thừa nhận chung, phản ánh quy luật và hướng tất yếu của xã hội loài người cũng như sự hình thành các cơ chế bảo đảm để quyền con người được thực thi trên thực tế.

Tại Việt Nam, việc bảo đảm và thúc đẩy quyền con người là mục tiêu nhất quán của Đảng và Nhà nước ta; luôn đề cao sự tôn vinh, tôn trọng quyền con người; đã, đang và sẽ luôn nỗ lực để thực hiện quyền con người, trước tiên là thông qua việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật, đồng thời thông qua việc đẩy mạnh phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội.

Trong giai đoạn xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và cải cách tư pháp hiện nay, việc bảo đảm quyền con người bằng Hiến pháp và pháp luật, đó là nguyên tắc của toàn bộ tiến trình đấu tranh cách mạng, tiến hành công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về "Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020" đã khẳng định: "Đòi hỏi của công dân và xã hội đối với cơ quan tư pháp ngày càng cao, các cơ quan tư pháp phải thật sự là chỗ dựa của nhân dân trong việc bảo vệ công lý, quyền con người, đồng thời phải là công cụ hữu hiệu bảo vệ pháp luật và pháp chế xã hội chủ nghĩa" [2]. Trong văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XII của Đảng đã xác định nhiệm vụ: "Tiếp tục đẩy mạnh việc thực hiện Chiến lược

cải cách tư pháp, xây dựng nền tư pháp trong sạch, vững mạnh, dân chủ, nghiêm minh, từng bước hiện đại; bảo vệ pháp luật, công lý, quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức và cá nhân" [14, tr.178, 179].

Trong tố tụng hình sự, giai đoạn điều tra là giai đoạn đầu tiên và giữ vai trò quan trọng trong toàn bộ quá trình đi tìm sự thật khách quan của vụ án. Thực tiễn đã chỉ ra rằng: "Những kết quả khả quan cũng như những sai lầm tư pháp nghiêm trọng nhất bỏ lọt tội phạm, làm oan người vô tội.. .thường bắt nguồn từ giai đoạn điều tra" [46, tr.45]. Có thể khẳng định, ở một mức độ nào đó giai đoạn điều tra quyết định hành công hay thất bại của việc đấu tranh phòng, chống tội phạm. Chỉ có qua điều tra mới có thể biết rõ tình hình vụ án, xác định có tội phạm hay không.

Trong giai đoạn điều tra, cơ quan điều tra có thẩm quyền theo quy định của tố tụng áp dụng các biện pháp ngăn chặn hạn chế tự do hay một số biện pháp liên quan, ảnh hưởng đến quyền con người. Nếu giai đoạn điều tra thực hiện đúng pháp luật, sẽ bảo đảm được quyền con người, còn nếu giai đoạn này có bất kỳ sai lầm thì nhiều hay ít sẽ dẫn tới hệ quả tiêu cực xâm phạm quyền con người.

Thực tiễn những năm qua ở Việt Nam cho thấy, trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự cơ bản đã bảo đảm quyền con người; tuy vậy, còn xảy ra hành vi xâm phạm đến quyền con người, quyền cơ bản của công dân. Những vi phạm đó xảy ra là do nhiều nguyên nhân, trong đó có bất cập, hạn chế của pháp luật, cơ chế, nhận thức, thái độ của người tiến hành tố tụng, các quy định về chế độ trách nhiệm của Nhà nước, cơ quan, người tiến hành tố tụng đối với công dân... Thực tiễn này đòi hỏi phải được nghiên cứu, tổng kết rút kinh nghiệm để đề xuất các giải pháp góp phần bảo đảm tốt hơn quyền con người trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự.

Xuất phát từ tình hình nêu trên việc chọn vấn đề: "***Quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự ở nước ta hiện nay***" làm đề tài luận văn thạc sĩ, là vấn đề có ý nghĩa lý luận và thực tiễn sâu sắc.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Trong khoa học pháp lý Việt Nam, vấn đề bảo đảm quyền con người nói chung, quyền con người trong hoạt động tư pháp cũng như quyền con người trong

điều tra hình sự đã được các trung tâm nghiên cứu và nhiều tác giả nghiên cứu từ nhiều góc độ, với các mức độ khác nhau .

Có thể chia các công trình thành các nhóm chính sau đây:

- *Nhóm thứ nhất* - từ góc độ nghiên cứu về quyền con người nói chung có một số công trình khoa học tiêu biểu sau:*"Quyền con người trong thế giới hiện đại"* do PGS. Phạm Khiêm Ích và GS,TS. Hoàng Văn Hảo chủ biên, Viện Thông tin Khoa học Xã hội xuất bản năm 1995 ; *"Tìm hiểu vấn đề nhân quyền trong thế giới hiện đại"* do TS. Chu Hồng Thanh chủ biên, nhà xuất bản Lao động, Hà Nội, 1996; Báo cáo tổng thuật Đề tài KX.07-16 nghiên cứu về *"Các điều kiện đảm bảo quyền con người, quyền công dân trong sự nghiệp đổi mới đất nước"* do GS,TS. Hoàng Văn Hảo chủ nhiệm... Đặc biệt, đáng chú ý là cuốn sách: *"Giáo trình lý luận và pháp luật về quyền con người"* của tập thể tác giả do GS,TS. Nguyễn Đăng Dung, TS. Vũ Công Giao, ThS. Lã Khánh Tùng (đồng chủ biên) và cuốn sách nhiều tập *"Quyền con người"* tiếp cận đa ngành, liên ngành của GS,TS. Võ Khánh Vinh chủ biên, nhà xuất bản Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2010; v.v.

Trong các công trình này, các tác giả đã nghiên cứu khái niệm và các đặc điểm Nhà nước pháp quyền nói chung, Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa nói riêng; nghiên cứu về mối quan hệ giữa quyền con người và quyền công dân; nghiên cứu vấn đề bảo đảm quyền con người và đưa ra các cơ chế bảo đảm quyền con người trong Nhà nước pháp quyền.

- *Nhóm thứ hai* - các công trình nghiên cứu là các sách chuyên khảo, các bài viết liên quan đến bảo vệ quyền con người trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự như: *"Cải cách tư pháp ở Việt Nam trong xây dựng Nhà nước pháp quyền",* do GS,TSKH. Lê Cảm, TS. Nguyễn Ngọc Chí (chủ biên), nhà xuất bản đại học quốc gia, Hà Nội, 2004; *"Các tội xâm phạm quyền tự do, dân chủ của công dân theo luật hình sự Việt Nam"* của TS. Trịnh Tiến Việt (chủ biên), nhà xuất bản Chính trị quốc gia Hà Nội, 2010; *"Về tự do cá nhân và biện pháp cưỡng chế tố tụng hình sự"* của TS. Trần Quang Tiệp, nhà xuất bản Chính trị quốc gia Hà Nội, 2005; *"Những nguyên tắc cơ bản của luật tố tụng hình sự Việt Nam"* của trường đại học Luật Hà Nội, nhà xuất bản Công an nhân dân, 2000; *"Bảo vệ quyền con người trong luật*

hình sự, luật tố tụng hình sự Việt Nam" của TS. Trần Quang Tiệp, nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Hà Nội, 2004; *"Bảo vệ các nhóm dễ bị tổn thương trong tố tụng hình sự"* của Trung tâm nghiên cứu quyền con người - quyền công dân và trung tâm nghiên cứu tội phạm học và tư pháp hình sự trực thuộc Khoa Luật - Đại học quốc gia Hà Nội nhà xuất bản đại học Quốc gia Hà Nội, 2011; *"Bảo vệ quyền con người bằng pháp luật tố tụng hình sự"* của PGS, TS. Nguyễn Ngọc Chí, Tạp chí Khoa học, chuyên san Luật học, số 23(2)/2009; v.v.

Trong các công trình này, các tác giả nghiên cứu việc bảo vệ quyền con người trong hoạt động tư pháp hình sự nói chung. Do phạm vi rộng nên các tác giả chỉ nghiên cứu sơ lược các nội dung mà chưa đi sâu nghiên cứu toàn diện đối với những đối tượng khác nhau. Quyền của bị can, bị cáo, người bị tạm giam trước khi xét xử được nghiên cứu tương đối sơ lược.

- *Nhóm thứ ba* - các công trình nghiên cứu là các đề tài nghiên cứu khoa học, luận văn, luận án liên quan đến bảo vệ quyền con người trong giai đoạn điều tra các vụ án hình sự như: Đề tài khoa học cấp đại học Quốc gia "*Bảo vệ quyền con người bằng pháp luật hình sự và pháp luật tố tụng hình sự trong giai đoạn xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam"* do GS,TSKH. Lê Cảm, TS. Nguyễn Ngọc Chí, Ths. Trịnh Quốc Toản (đồng chủ trì), Hà Nội, 2004; Đề tài trọng điểm cấp Đại học Quốc gia Hà Nội: *"Quyền con người trong lĩnh vực tư pháp hình sự: Lý luận, thực trạng và hướng hoàn thiện pháp luật"* do GS.TSKH. Lê Văn Cảm (chủ trì), Hà Nội, 2013; Luận án tiến sĩ luật học *"Thực hiện quyền bào chữa của bị can, bị cáo trong tố tụng hình sự"* của tác giả Hoàng Thị Sơn, bảo vệ tại đại học Luật Hà Nội, 2003; Luận án tiến sĩ luật học *"Bảo đảm quyền con người của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo trong tố tụng hình sự Việt Nam"* của tác giả Lại Văn Trình, bảo vệ tại đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh, 2011; v.v...

Ngoài ra, còn một số công trình nghiên cứu của các tác giả khác đã được công bố trong các tập san, tạp chí chuyên ngành như: Tạp chí Nhà nước và pháp luật, Tạp chí Dân chủ và pháp luật, Tạp chí Toà án nhân dân, Tạp chí Lập pháp, Tạp chí Công an nhân dân...

Mặc dù đã có nhiều công trình khoa học nghiên cứu về lĩnh vực quyền con

người, nhưng nhìn chung, những công trình nghiên cứu nêu trên chủ yếu đề cập đến những vấn đề lý luận chung về quyền con người, từng lĩnh vực hoạt động cụ thể về quyền con người, về tổ chức và hoạt động của các bộ máy Nhà nước, về việc xây dựng pháp luật về bảo đảm quyền con người nói chung. Trong đó, chỉ có một vài khía cạnh đề cập cụ thể về quyền con người trong hoạt động tư pháp. Những nghiên cứu về quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự ở nước ta hiện nay chưa được nghiên cứu một cách toàn diện và trực tiếp về cả lý luận và thực tiễn.

Như vậy tổng quan tình hình nghiên cứu đề tài tái khẳng định rằng, việc nghiên cứu đề tài "***Quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự ở nước ta hiện nay***" là cấp thiết, không trùng lặp với các công trình đã công bố.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích

Mục đích của luận văn là nghiên cứu một số vấn đề lý luận và thực tiễn về quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự ở nước ta. Trên cơ sở đó đề xuất các giải pháp góp phần bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự ở nước ta hiện nay.

3.2. Nhiệm vụ

Để đạt được mục đích nghiên cứu trên, nhiệm vụ nghiên cứu đặt ra là:

- Làm rõ những vấn đề lý luận về quyền con người và bảo vệ quyền con người trong giai đoạn điều tra các vụ án hình sự;

- Phân tích các quy định của ngành luật tố tụng hình sự liên quan đến quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự; tìm ra những hạn chế và nguyên nhân của bất cập trong thực tiễn thi hành;

- Tham khảo kinh nghiệm của pháp luật quốc tế về bảo đảm quyền con người trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự;

- Dự báo tình hình, đề xuất các giải pháp, kiến nghị nhằm nhằm nâng cao việc bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

- Luận văn nghiên cứu vấn đề lý luận quyền con người của bị can và bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự ở nước ta.

- Phân tích, đánh giá các quy định của pháp luật hiện hành và thực tiễn áp dụng để đưa ra những kiến nghị, giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả việc bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự ở nước ta.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

Phạm vi nghiên cứu của luận văn được giới hạn như sau:

- Phạm vi nội dung: Luận văn nghiên cứu những vấn đề chung về quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự; quy định của Bộ luật tố tụng hình sự hiện hành và thực tiễn bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự ở nước ta;

- Phạm vi không gian: Luận văn khảo sát, đánh giá thực tiễn bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự trên phạm vi cả nước, trong đó tập trung nghiên cứu sâu ở các vụ án hình sự do Cơ quan điều tra trong Công an nhân dân thụ lý.

- Phạm vi thời gian: tình hình và số liệu thống kê liên quan đến quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự ở nước ta được trích dẫn, viện dẫn từ các báo cáo chính thức từ năm 2010 đến năm 2015 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ Công an.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

Luận văn được thực hiện trên cơ sở phương pháp luận của Chủ nghĩa Mác-Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh và các quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về Nhà nước và pháp luật, về Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, về bảo đảm quyền con người. Đồng thời, trong quá trình nghiên cứu, tác giả sử dụng những phương pháp nghiên cứu của chuyên ngành luật hình sự, tố tụng hình sự và các phương pháp nghiên cứu cụ thể như: phân tích, tổng hợp, so sánh, đối chiếu, thống kê, khảo sát, thực tiễn...

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

Là công trình nghiên cứu tương đối có hệ thống về quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự ở nước ta hiện nay; do đó kết quả rút ra qua nghiên cứu có ý nghĩa lý luận và thực tiễn; cụ thể là:

Luận văn góp phần làm phong phú thêm lý luận về quyền con người trong tố tụng hình sự nói chung và trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự nói riêng. Đồng thời luận văn cùng góp phần nâng cao kiến thức và hiểu biết về quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự và các công cụ pháp lý để bảo đảm quyền của họ; góp phần thay đổi thái độ, hành vi trong việc đối xử với bị can, đặc biệt là của một bộ phận cán bộ công chức thực thi pháp luật.

7. Cơ cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu và kết luận, danh mục chữ viết tắt, danh mục tài liệu tham khảo. Nội dung của luận văn kết cấu gồm 3 chương, cụ thể như sau:

- Chương 1. Những vấn đề chung về quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự ở nước ta hiện nay.

- Chương 2. Thực trạng bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự ở nước ta hiện nay.

- Chương 3. Tặng cường bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự ở nước ta hiện nay.

Chương 1
NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ QUYỀN CON NGƯỜI CỦA BỊ CAN TRONG GIAI ĐOẠN ĐIỀU TRA VỤ ÁN HÌNH SỰ Ở NƯỚC TA HIỆN NAY

1.1. Nhận thức về quyền con người

1.1.1. Khái niệm quyền con người

Quan niệm về quyền con người xuất hiện rất sớm trong lịch sử chính trị - tư tưởng của nhân loại (được ghi nhận trong Bộ luật Hammurabi - khoảng năm 1780 TCN). Thuật ngữ quyền con người thường được sử dụng, nhưng cho đến nay chưa có quan niệm thống nhất. Các học giả quốc tế thường viện dẫn khái niệm quyền con người của Văn phòng Cao ủy Liên hợp quốc, quyền con người là những bảo đảm pháp lý toàn cầu có tác dụng bảo vệ các cá nhân và các nhóm chống lại những hành động hoặc sự bỏ mặc mà làm tổn hại đến nhân phẩm, những sự được phép và tự do cơ bản của con người.

Để nhìn nhận đầy đủ, khách quan nhất về quyền con người, chúng ta phải nhìn nhận dưới ánh sáng của Học thuyết Mác - Lênin - một chỉnh thể thống nhất thể hiện những tư tưởng nhân văn chân chính nhất của loài người, là sự kế thừa một cách biện chứng những giá trị tinh hoa của con người. Theo đó, con người là sản phẩm của tự nhiên - xã hội, chịu sự tác động của các quy luật khách quan của tự nhiên - xã hội, hay nói cách khác, con người là thực thể thống nhất biện chứng giữa mặt tự nhiên và xã hội. Vì vậy, quyền con người không chỉ thuần túy là những quyền tự nhiên mà nó gồm tổng hòa các mối quan hệ xã hội, chịu sự tác động các quy luật vận động và phát triển xã hội; không có quyền con người đứng ngoài xã hội cũng như con người đứng ngoài xã hội. Việc đưa ra khái niệm đúng đắn về quyền con người phải giải quyết được các quan hệ giữa cá nhân với xã hội, giữa tính nhân loại với tính giai cấp, giữa các giá trị đạo đức, văn hóa với pháp luật và quyền lực nhà nước, giữa quan hệ quốc tế với lợi ích quốc gia, giữa khả năng và nhu cầu tự nhiên với những nỗ lực chủ quan.

Vì thế, có thể đưa ra khái niệm quyền con người như sau: là những giá trị và nhu cầu tự nhiên vốn có và chỉ có ở con người - thành viên xã hội, được nhà nước ghi nhận, thể chế hóa bằng pháp luật quốc gia và các thỏa thuận pháp lý quốc tế.

1.1.2. Một số quyền con người cơ bản

Quyền con người là một phạm trù đa diện, có nội dung bao trùm lên nhiều lĩnh vực khác nhau trong xã hội. Trên cơ sở lý luận và thực tiễn của vấn đề này, khoa học pháp lý đã chia quyền con người theo các lĩnh vực hoạt động của đời sống con người thành hai nhóm chính: các quyền dân sự; chính trị và các quyền về kinh tế, văn hóa. Các quyền này được ghi nhận trong Tuyên ngôn toàn thế giới về quyền con người (UDHR) năm 1948 sau đó được cụ thể hóa trong hai công ước về quyền con người của Liên hợp quốc năm 1966, gồm: Công ước về các quyền dân sự, chính trị (ICCPR) và Công ước về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa (ICESCR).

- *Nhóm quyền về dân sự,* bao gồm: quyền không bị phân biệt đối xử, được thừa nhận và bình đẳng trước pháp luật; quyền sống, tự do và an ninh cá nhân; quyền xét xử công bằng; quyền được bảo vệ không bị tra tấn, đối xử hoặc trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo hoặc hạ nhục; quyền được bảo vệ để khỏi bị bắt làm nô lệ hay nô dịch; quyền được bảo vệ để khỏi bị bắt, giam giữ tùy tiện; quyền được đối xử nhân đạo và tôn trọng nhân phẩm của những người bị tước tự do; quyền xét xử công bằng; quyền tự do đi lại, cư trú; quyền được bảo vệ đời tư; quyền tự do chính kiến, niềm tin, tín ngưỡng, tôn giáo; quyền kết hôn, lập gia đình và bình đẳng trong hôn nhân...

- *Nhóm các quyền về chính trị,* bao gồm: quyền tự do lập hội; quyền tự do ý kiến và biểu đạt; quyền được tham gia vào đời sống chính trị; quyền tự do hội họp một cách hòa bình; quyền bầu cử, ứng cử...

- *Nhóm các quyền về kinh tế,* bao gồm: quyền làm việc và hưởng thù lao công bằng, hợp lý; quyền tự do kinh doanh; quyền sở hữu; quyền sở hữu hợp pháp về thừa kế; quyền được hưởng và duy trì tiêu chuẩn sống thích đáng; quyền được sống trong môi trường trong lành; quyền tiếp cận các dịch vụ y tế...

- *Nhóm các quyền về xã hội,* bao gồm: quyền được hưởng an sinh xã hội; quyền được hỗ trợ về gia đình; quyền được hưởng sức khỏe về thể chất và tinh thần; quyền trẻ em; quyền thanh niên; quyền người cao tuổi...

- *Nhóm các quyền về văn hóa,* bao gồm: quyền được giáo dục; quyền nghiên cứu, phát minh, sáng chế; quyền được tham gia vào đời sống văn hóa và được hưởng các thành tựu khoa học...

Thời đại ngày nay cùng với sự thay đổi thường xuyên và nhanh chóng trên

tất cả các lĩnh vực của đời sống chính trị - kinh tế - xã hội, quyền con người được phát triển không ngừng, phong phú hơn cả về nội dung và hình thức. Trong tiến trình phát triển đó, có một số quyền con người chưa được pháp điển hóa bằng các điều ước quốc tế mà chủ yếu được đề cập đến trong một số tuyên bố, tuyên ngôn quốc tế và khu vực cũng như pháp luật của một số quốc gia, vùng lãnh thổ trên thế giới, không có hiệu lực pháp lý ràng buộc với các quốc gia; gồm một số quyền sau:

- *Quyền tự quyết dân tộc:* là quyền của các quốc gia, dân tộc đối với chủ quyền trên lãnh thổ của mình như: quyền tự do lựa chọn các thể chế chính trị, kinh tế, quyền được trợ giúp không điều kiện về kỹ thuật và tài chính từ các tổ chức quốc tế và các quốc gia khác trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ.

- *Quyền phát triển:* chủ thể của quyền phát triển là các nước đang phát triển, nghèo đói, đang phải gánh chịu các hậu quả nặng nề của các cuộc chiến tranh; đang gặp phải những khó khăn trầm trọng về kinh tế như đói nghèo, dốt nát, bệnh tật.... vì vậy họ có quyền được giúp đỡ về kinh tế, tài chính từ các quốc gia, tổ chức khác đặc biệt các quốc gia phát triển.

- *Quyền về môi trường:* là quyền của mọi người trong thế hệ hiện tại và tương lai được sống trong môi trường trong lành, có lợi cho sức khỏe. Sự phát triển bền vững của đất nước, chất lượng cuộc sống, sức khỏe của dân cư và an ninh quốc gia chỉ có thể được đảm bảo trong điều kiện bảo tồn và gìn giữ được tình trạng môi trường trong sạch.

- *Quyền của những người đồng tính, lưỡng tính, chuyển giới*: là quyền được nhà nước, cộng đồng thừa nhận, tôn trọng, không phân biệt đối xử; quyền được tự do kết hôn; quyền được nhận nuôi con nuôi; quyền được bảo đảm các quyền con người khác mà không bị phân biệt do xu hướng tình dục và giới tính của họ.

- Các quyền khác như quyền với các nguồn tài nguyên thiên nhiên; quyền được sống trong hòa bình; quyền được thông tin và các quyền về thông tin...

Ngoài ra, căn cứ vào mức độ điều chỉnh của pháp luật, quyền con người được phân thành các quyền cơ bản và các quyền pháp lý khác. Quyền cơ bản của công dân (hay quyền hiến định) là các quyền quan trọng nhất, cơ bản nhất thể hiện mối quan hệ cơ bản nhất giữa Nhà nước và công dân được ghi nhận trong Hiến pháp, làm cơ sở cho việc cụ thể hóa các quyền pháp lý khác. Quyền pháp lý khác là

sự cụ thể hóa các quyền cơ bản của công dân trong các lĩnh vực pháp lý khác nhau được ghi nhận trong các văn bản pháp luật cụ thể.

Các quyền con người liên quan rất chặt chẽ với nhau, chúng tác động lên nhau rất lớn và phải được coi trọng như nhau. Thực tế cho thấy, mọi sự hạn chế các quyền dân sự, chính trị đều sẽ làm suy yếu sự phát triển mọi mặt của của quốc gia và do đó làm giảm mức độ hưởng thụ các quyền về kinh tế, văn hóa, xã hội của người dân. Trong khi đó, sự nghèo nàn về các điều kiện kinh tế, văn hóa, xã hội chắc chắn làm tổn hại đến khả năng và mức độ tham gia của người dân vào đời sống chính trị của đất nước.

1.2. Nhận thức về giai đoạn điều tra vụ án hình sự, bị can và quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự

1.2.1. Khái niệm, nhiệm vụ của giai đoạn điều tra vụ án hình sự

1.2.1.1. Khái niệm điều tra vụ án hình sự

Theo các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự thì, điều tra là một giai đoạn của tố tụng hình sự, là hoạt động của Cơ quan điều tra và các cơ quan khác được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra nhằm xác định hành vi phạm tội và người đã thực hiện hành vi phạm tội đó, lập hồ sơ đề nghị truy tố; xác định nguyên nhân và điều kiện phạm tội, yêu cầu các cơ quan, tổ chức hữu quan áp dụng các biện pháp khắc phục; tôn trọng sự thật, tiến hành điều tra một các khách quan, toàn diện, đầy đủ, làm rõ những chứng cứ xác định có tội và những chứng cứ chứng minh vô tội, những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị can. Hoạt động điều tra do thủ trưởng, phó thủ trưởng Cơ quan điều tra, điều tra viên tiến hành theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự. Các hoạt động điều tra tố tụng hình sự được tiến hành dưới sự kiểm sát của Viện kiểm sát và sự tham gia của người bào chữa nhằm bảo đảm cho hoạt động điều tra tuân theo các nguyên tắc và thủ tục do pháp luật tố tụng hình sự quy định.

Trong tố tụng hình sự, giai đoạn điều tra bắt đầu từ khi có quyết định khởi tố vụ án hình sự, kết thúc bằng hành vi kết thúc điều tra mà hình thức pháp lý thể hiện là bản kết luận điều tra. Thực chất của hoạt động điều tra là quá trình tìm kiếm, thu thập chứng cứ để chứng minh; đết quả của sự tìm kiếm, thu thập tài liệu, chứng cứ của Cơ quan điều tra là cơ sở cho các quyết định truy tố của Viện kiểm sát, là cơ sở cho các phán quyết của Tòa án. Như vậy, các quyết định tố tụng hình sự của Viện

kiểm sát và Tòa án phục thuộc rất nhiều vào chất lượng và kết quả của hoạt động điều tra. Điều tra nhanh chóng, chính xác thì việc truy tố và xét xử mới nhanh chóng và có chất lượng. Ngược lại, hoạt động điều tra kéo dài, kết quả điều tra không chính xác sẽ dẫn đến những hậu quả bất lợi cho xã hội, tổ chức và công dân như gây oan, sai, xâm phạm quyền con người, giảm lòng tin của nhân dân đối với Nhà nước.

Điều tra vụ án hình sự có thể được hiểu là: hoạt động nghiên cứu, tìm hiểu, thu thập thông tin, tài liệu, chứng cứ để khám phá các hành vi phạm tội của các Cơ quan điều tra và cơ quan khác được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra nhằm xác định sự thật của vụ án, lập hồ sơ đề nghị xử lý, tìm ra nguyên nhân và điều kiện phạm tội, yêu cầu các cơ quan, tổ chức hữu quan áp dụng các biện pháp khắc phục, ngăn ngừa. Điều tra tội phạm gồm điều tra tố tụng hình sự và điều tra trinh sát được tiến hành bằng các biện pháp do pháp luật quy định.

1.2.1.2. Nhiệm vụ của giai đoạn điều tra

Hoạt động điều tra bảo đảm cho việc kết luận điều tra vụ án được khách quan, toàn diện và chính xác, đúng sự thật, đúng quy định của pháp luật. Trường hợp chứng minh được bị can đã thực hiện tội phạm thì phải đề nghị truy tố bị can. Kết quả công tác điều tra là cơ sở để Viện kiểm sát truy tố bị can trước pháp luật. Trường hợp qua điều tra chứng minh được không có hành vi phạm tội xảy ra, hành vi không cấu thành tội phạm hoặc có căn cứ khác để đình chỉ điều tra theo quy định của pháp luật thì phải ra quyết định đình chỉ điều tra, tránh làm oan người vô tội.

Vai trò của giai đoạn điều tra vụ án hình sự được thể hiện cụ thể hơn trong các nhiệm vụ của giai đoạn điều tra, cụ thể là:

- Thu thập tài liệu chứng cứ, bước đầu xác định trên thực tế có tội phạm xảy ra hay không, tính chất, mức độ nguy hiểm của tội phạm và ai là người phạm tội, làm cơ sở cho việc ra quyết định truy tố, quyết định đưa vụ án ra xét xử (hoặc quyết định đình chí vụ án), đảm bảo cho hoạt động xé xử đúng người, đúng tội.

- Thông qua hoạt động điều tra vụ án, Cơ quan điều tra phát hiện được nguyên nhân và điều kiện phát sinh tội phạm để từ đó đưa ra các biện pháp, kiến nghị phòng ngừa thích hợp.

- Qua hoạt động điều tra vụ án, Cơ quan điều tra xác định được tính chất, mức độ thiệt hại do tội phạm gây ra (thiệt hại về vật chất, tài liệu, danh dự, nhân

phẩm, thể chất...), làm cơ sở cho Tòa án khi xét xử quyết định mức bồi thường thiệt hại được chính xác (giải quyết phần dân sự trong bản án hình sự).

- Thông qua hoạt động điều tra vụ án hình sự, Cơ quan điều tra góp phần vào việc giáo dục công dân ý thức chấp hành pháp luật, tôn trọng các quy tắc sống, lợi ích chung của cộng đồng và cũng như lợi ích hợp pháp của người khác.

Về bản chất, điều tra tố tụng hình sự là quá trình nhận thức khách quan về sự việc phạm tội đã xảy ra trong thực tế thông qua nhận thức của các điều tra viên và cán bộ điều tra khác, vì cậy mục đích của giai đoạn điều tra có đạt được hay không bên cạnh những yếu tố cơ sở pháp lý tốt, cơ sở vật chất đảm bảo còn phụ thuộc và khả năng nhận thức và thái độ của điều tra viên và cán bộ điều tra.

1.2.2. Khái niệm bị can và quyền con người của bị can

1.2.2.1. Bị can

Thuật ngữ bị can được sử dụng trong luật tố tụng hình sự từ những văn bản tố tụng đầu tiên của nước ta. Nhưng khái niệm pháp lý về bị can được quy định lần đầu trong Bộ luật tố tụng hình sự năm 1988 (Điều 34) và được sử dụng lại nguyên văn trong Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003.

Theo điều 49 Bộ luật tố tụng hình sự, bị can là người đã bị khởi tố về hình sự. Bị can là người mà Cơ quan điều tra có đủ căn cứ xác định rằng đã thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội được Bộ luật hình sự quy định là tội phạm nên đã ra quyết định khởi tố bị can. Kể từ thời điểm quyết định khởi tố bị can, tức Nhà nước thể hiện sự buộc tội đối với con người cụ thể, bị can là người chính thức bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị buộc tội. Đây là điểm khác biệt liên quan đến việc bảo đảm quyền con người của họ trong tố tụng hình sự.

Từ góc độ áp dụng các biện pháp cưỡng chế, là người đã bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị can có thể bị áp dụng các biện pháp cưỡng chế tố tụng nghiêm khắc hơn so với người tham gia tố tụng khác. Bị can có thể bị tạm giam và các biện pháp ngăn chặn khác như cấm đi khỏi nơi cư trú, bảo lãnh, đặt tiền hoặc tài sản có giá trị để bảo đảm; bị can có thể bị kê biên tài sản, bị truy nã nếu bỏ trốn; bị can được hỏi cung v.v...

Từ góc độ bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của con người, là người đã bị buộc tội vì có căn cứ xác định là đã thực hiện tội phạm, bị can là người dễ có nguy cơ bị xâm phạm các quyền tự do dân chủ, nhất là quyền bất khả xâm phạm về thân thể, quyền

được bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm. Các xâm phạm này có thể xuất phát từ cơ quan, người tiến hành tố tụng (như truy bức, dùng nhục hình trong điều tra) hoặc từ cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân (trả thù của người bị hại, quyết định tạm đình chỉ công tác của cơ quan, tổ chức).

Từ góc độ xác định địa vị tố tụng, do khả năng có thể bị áp dụng nhiều biện pháp cưỡng chế tố tụng hình sự, do chính thức đã bị truy cứu trách nhiệm hình sự và hậu quả pháp lý nặng nề phát sinh từ việc truy cứu đó, do khả năng bị xâm phạm quyền con người cao hơn, bị can được quy định có nhiều quyền tố tụng, trách nhiệm tố tụng được nới rộng để làm cơ sở pháp lý cho bị can bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, bác bỏ việc buộc tội hoặc bảo vệ mình trước khả năng bị xâm phạm các quyền, lợi ích hợp pháp trong quá trình tố tụng hình sự giải quyết vụ án hình sự.

Từ góc độ bảo đảm quyền con người, các biện pháp cưỡng chế tố tụng, các hạn chế tố tụng đối với bị can chỉ ở mức cần và đủ để đạt được mục đích tố tụng là phát hiện nhanh chóng, xử lý công minh tội phạm và người phạm tội.

1.2.2.2. Những quyền con người của bị can

Từ lý luận về quyền con người, có thể đưa ra khái niệm về quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự như sau: là những quyền con người của người đã bị cơ quan tố tụng có thẩm quyền khởi tố về hình sự mà nhà nước có nghĩa vụ phải ghi nhận trong Hiến pháp, pháp luật và bảo đảm thực hiện trên thực tế. Như vậy, bị can có tất cả các quyền con người được quy định trong Hiến pháp 2013 gồm các quyền như: quyền bình đẳng trước pháp luật; quyền sống; tính mạng con người được bảo hộ, không bị tước đoạt tính mạng trái luật; quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về sức khoẻ, danh dự và nhân phẩm; không bị tra tấn, bạo lực, truy bức, nhục hình hay bất kỳ hình thức đối xử nàokhác xâm phạm thân thể, sức khỏe, xúc phạm danh dự, nhân phẩm; không bị bắt nếu không có quyết định của Toà án nhân dân, quyết định hoặc phê chuẩn của Viện kiểm sát nhân dân, trừ trường hợp phạm tội quả tang; quyền hiến mô, bộ phận cơ thể người và hiến xác theo quy định của luật; quyền bất khả xâm phạm về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân và bí mật gia đình; có quyền bảo vệ danh dự, uy tín của mình; quyền bí mật thư tín, điện thoại, điện tín và các hình thức trao đổi thông tin

riêng tư khác; quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, theo hoặc không theo một tôn giáo nào; người bị buộc tội được coi là không có tội cho đến khi được chứng minh theo trình tự luật định và có bản án kết tội của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật; người bị buộc tội phải được Tòa án xét xử kịp thời trong thời hạn luật định, công bằng, công khai; trường hợp xét xử kín theo quy định của luật thì việc tuyên án phải được công khai; không bị kết án hai lần vì một tội phạm; quyền tự bào chữa, nhờ luật sư hoặc người khác bào chữa; người bị bắt, tạm giữ, tạm giam, khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án trái pháp luật có quyền được bồi thường thiệt hại về vật chất, tinh thần và phục hồi danh dự. Các quyền con người đó "chỉ có thể bị hạn chế theo quy định của luật trong trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe cộng đồng" (khoản 2 Điều 14 Hiến pháp năm 2013).

Theo quy định tại khoản 2 Điều 49 Bộ luật tố tụng hình sự, trong giai đoạn điều tra, truy tố bị can có quyền: được biết mình bị khởi tố về tội gì; được giải thích về quyền và nghĩa vụ; trình bày lời khai; đưa ra tài liệu, đồ vật, yêu cầu; đề nghị thay đổi người tiến hành tố tụng, người giám định, người phiên dịch theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự; tự bào chữa hoặc nhờ người khác bào chữa; được nhận quyết định khởi tố; quyết định áp dụng, thay đổi hoặc hủy bỏ biện pháp ngăn chặn; bản kết luận điều tra; quyết định đình chỉ, tạm đình chỉ điều tra; quyết định đình chỉ, tạm đình chỉ vụ án; bản cáo trạng, quyết định truy tố; các quyết định tố tụng khác theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự; khiếu nại quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Bị can còn có các quyền khác như: được bảo đảm các quyền công dân khác mà không bị pháp luật hạn chế hoặc nghiêm cấm khi bị tạm giữ hoặc bị xác định là bị can, bị cáo (Điều 4 Bộ luật tố tụng hình sự); bị can, bị cáo có quyền, nhưng không buộc phải chứng minh là mình vô tội (Điều 10 Bộ luật tố tụng hình sự); được sử dụng tiếng nói và chữ viết của dân tộc mình (Điều 24 Bộ luật tố tụng hình sự); được bồi thường thiệt hại do cơ quan hoặc người có thẩm quyền tiến hành tố tụng gây ra (Điều 30 Bộ luật tố tụng hình sự).

1.2.2.3. Bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự

Bảo đảm quyền con người là việc Nhà nước bằng sức mạnh và ý chí của mình để các quyền của con người được thực thi và không bị xâm phạm trong đời sống chính trị, dân sự, kinh tế, xã hội. Thông qua các bảo đảm chính trị, kinh tế, tư tưởng, tổ chức, pháp luật, Nhà nước tạo cho con người được thực thi các quyền cơ bản của mình, đồng thời loại bỏ những rào cản làm hạn chế, hoặc không được thực thi các quyền đó.

Bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự là một bộ phận của bảo đảm quyền con người nói chung được ghi nhận trong Hiến pháp năm 2013, các đạo luật của hệ thống pháp luật Việt Nam và phạm trù trong hoạt động thực tiễn điều tra của các cơ quan bảo vệ pháp luật.

Giai đoạn điều tra vụ án hình sự là lĩnh vực hoạt động phức tạp bởi trình tự, thủ tục cũng như sự tham gia vào lĩnh vực hoạt động này của nhiều loại chủ thể có quyền và nghĩa vụ khác nhau. Bị can có quyền và nghĩa vụ liên quan trực tiếp đến hoạt động điều tra của các cơ quan tiến hành tố tụng, do đã thực hiện hành vi vi phạm pháp luật hình sự. Quyền và nghĩa vụ của bị can được giải quyết theo trình tự thủ tục tố tụng hình sự.

Tóm lại, bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra các vụ án hình sự là việc bảo đảm các yếu tố cần và đủ cho quá trình thực hiện quyền con người trong giai đoạn điều tra nhằm làm cho hoạt động này có hiệu lực, hiệu quả cao nhất. Các yếu tố cơ bản bao gồm: có hệ thống quy phạm pháp luật về lĩnh vực này đầy đủ, hệ thống các cơ quan điều tra có chất lượng; có cơ sở vật chất - kỹ thuật, nguồn lực cán bộ đáp ứng tốt mọi yêu cầu trong hoạt động điều tra, có cơ chế giám sát chặt chẽ và thông suốt.

1.2.2.4. Sự cần thiết của việc bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự ở nước ta

Bản chất của của giai đoạn điều tra các vụ án hình sự là việc xác định chân lý khách quan, tìm ra sự thật của vụ án, trong quá trình này cơ quan tiến hành tố tụng phải thực hiện thẩm quyền của mình theo nguyên tắc "được làm những gì mà pháp luật cho phép" còn bị can "được làm những gì mà pháp luật không cấm". Theo quy định của pháp luật, các chủ thể được tiến hành thực hiện các quan hệ tố tụng một

cách công khai, trực tiếp, dân chủ nhằm giải quyết các vấn đề liên quan đến hành vi vi phạm pháp luật, các tranh chấp về quyền, nghĩa vụ và các yêu cầu khác của những người tham gia tố tụng.

Dưới góc độ quyền con người, ta nhận thấy sự cần thiết phải bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra được thể hiện:

Thứ nhất, xét về vị trí của người tiến hành tố tụng hình sự là người nhân danh Nhà nước thực hiện các hoạt động tố tụng hình sự theo quy định của pháp luật. Khi thực hiện nhiệm vụ chỉ tuân theo pháp luật, chịu trách nhiệm trước pháp luật và được pháp luật bảo vệ. Người tiến hành tố tụng hình sự là người giữ vị trí trung tâm trong hoạt động tố tụng hình sự. Người tiến hành tố tụng hình sự có vị trí mang tính độc lập về nhiệm vụ, quyền hạn trong khi thực hiện các hoạt động tố tụng được giao. Khi họ thực thi nhiệm vụ, không cá nhân, tổ chức hay cơ quan nào được can thiệp, tác động để có thể buộc họ làm trái pháp luật; không cá nhân, tổ chức hay cơ quan nào được lấy thẩm quyền hành chính để thay thế, chỉ đạo hoạt động tố tụng của họ, trừ khi người đó cố tình vi phạm pháp luật. Các hoạt động tố tụng của người tiến hành tố tụng hình sự là việc áp dụng pháp luật để xử lý các hành vi vi phạm pháp luật, được trực tiếp sử dụng quyền lực Nhà nước trong khi thi hành công vụ; có ảnh hưởng trực tiếp đến tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản, quyền và lợi ích hợp pháp khác của công dân.

Những người tham gia tố tụng là đối tượng chịu sự tác động của những hoạt động tố tụng của người tiến hành tố tụng ở mức độ ít hay nhiều. Do đó việc bảo đảm quyền con người trong tố tụng hình sự nói chung và bảo vệ quyền con người trong giai đoạn điều tra nói riêng là vấn đề được đặt lên hàng đầu.

Thứ hai, giai đoạn điều tra vụ án hình sự là một quá trình làm sáng tỏ sự thật khách quan của vụ án, đòi hỏi các cơ quan tiến hành tố tụng, đặc biệt là Cơ quan điều tra phải áp dụng nhiều biện pháp tố tụng được quy định trong Bộ luật tố tụng hình sự, trong đó có cả các biện pháp ngăn chặn để bảo đảm việc phát hiện và xử lý tội phạm, tránh tình trạng bỏ lọt tội phạm, ngăn chặn tội phạm có khả năng bỏ trốn, tiếp tục phạm tội. Đây là vấn đề nhạy cảm liên quan trực tiếp đến tính mạng, tài sản, danh dự, nhân phẩm, quyền và lợi ích hợp pháp khác của công dân, đến nhiều mặt của đời sống xã hội. Vì vậy, đòi hỏi công tác điều tra phải hết sức chính xác, thận trọng khách quan đúng pháp luật.

Thứ ba, để đạt được mục đích phát hiện, điều tra, xử lý chính xác, khách quan tội phạm và người phạm tội, Nhà nước cần phải ban hành một số quy định hạn chế quyền con người của công dân nói chung, người tham gia tố tụng nói riêng. Quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra gắn rất chặt chẽ với các quy định về các biện pháp điều tra và quy định các biện pháp ngăn chặn được áp dụng trong tố tụng hình sự. Tuy nhiên, do sự thiếu hợp tác của người tham gia tố tụng với người tiến hành tố tụng trong việc đi tìm, xác định sự thật khách quan của các chứng cứ liên quan đến vụ án, nên các quyết định của người tiến hành tố tụng không phản ánh được chính xác, toàn diện nội dung sự việc, hoặc do sự tác động chi phối từ bên ngoài vào hoạt động điều tra, sự chi phối, tác động này có thể là do lãnh đạo của cấp trên đối với cấp dưới, của cơ quan tiến hành tố tụng đối với người tiến hành tố tụng, cũng có thể do quen biết, người thân của người tham gia tố tụng... nên các quyết định trong hoạt động điều tra dễ thiếu sự khách quan, trung thực, đầy đủ. Hay do một bộ phận những người tiến hành tố tụng bị hạn chế về trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tha hóa về đạo đức lối sống trong việc thực hiện các chức năng, thẩm quyền của mình làm cho quyết định của họ trong vụ án thiếu khách quan, toàn diện, đầy đủ và không đúng pháp luật. Hơn nữa, các hạn chế, các biện pháp cưỡng chế được quy định và thực hiện chỉ ở mức độ cần và đủ để phát hiện, xử lý tội phạm, người phạm tội mà không ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền con người.

Vì vậy, trong hoạt động điều tra nhiệm vụ không bỏ lọt tội phạm phải đi liền với không làm oan người vô tội; nhiệm vụ phát hiện xử lý tội phạm phải đi liền với việc bảo vệ quyền con người. Hoạt động điều tra phải được thực hiện trên cơ sở coi trọng các yếu tố đó; bỏ qua hoặc coi nhẹ yếu tố nào nói trên đều ảnh hưởng nghiêm trọng đến mục đích tố tụng. Nếu muốn chứng minh tội phạm, xử lý tội phạm bằng bất cứ giá nào thì dễ dẫn đến vi phạm quyền con người; ngược lại nếu quá chú ý đến việc bảo đảm quyền con người thì sẽ làm cho hoạt động điều tra thiếu hiệu quả, không thể phát hiện, xử lý kịp thời người phạm tội, thậm chí bỏ lọt tội phạm.

Các hoạt động trong giai đoạn điều tra có ý nghĩa xác lập cơ sở để truy cứu trách nhiệm hình sự, thực hiện quyền công tố. Nếu hoạt động điều tra đúng pháp luật, sẽ bảo vệ được quyền con người, tuy nhiên "điều tra quá lớn mà không bị hạn chế thì sẽ dễ xâm hại đến quyền con người, mà trong giai đoạn điều tra quá coi

trọng sự bảo vệ quyền con người thì không đạt được mục đích điều tra" [31, tr.44]. Trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự, một mặt phải bảo đảm đầy đủ các yêu cầu là thu thập chứng cứ phạm tội, truy bắt tội phạm, chứng minh sự thật vụ án, mặt khác phải bảo đảm quyền lợi cơ bản của bị can, đồng thời không ngừng cải biến, điều chỉnh sao cho phù hợp với trình độ phát triển của xã hội, nỗ lực thực hiện những động thái bình ổn và cân bằng của mối quan hệ giữa hoạt động điều tra và bảo đảm tôn trọng quyền con người.

Thứ tư, thông qua hoạt động điều tra làm rõ sự thật khách quan của vụ án, Cơ quan điều tra đã giữ vững và bảo đảm pháp chế, ổn định trật tự xã hội, góp phần xây dựng Nhà nước pháp quyền. Về phía mình, Nhà nước pháp quyền lại tiếp tục làm cho pháp luật về tổ chức và điều tra của Cơ quan điều tra, về các nguyên tắc của hoạt động điều tra được hoàn thiện hơn, đầy đủ hơn, tôn trọng và bảo đảm quyền con người của bị can hơn, cũng như bảo đảm giải quyết vụ án hình sự được khách quan, công bằng, dân chủ và đúng pháp luật hơn.

1.2.2.5. Các bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự

Bảo đảm quyền con người là một quá trình phụ thuộc vào nhiều điều kiện khác nhau như chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội và pháp luật; trong đó pháp luật có vai trò, vị trí quan trọng hàng đầu. Các hoạt động điều tra nhằm xác lập chân lý khách quan của hành vi phạm tội đã xảy ra trong quá khứ, tạo cơ sở quan trọng cho việc đạt được mục đích chung của tố tụng hình sự. Như đã nói, những kết quả khả quan cũng như sai lầm tư pháp nghiêm trọng nhất như bỏ lọt tội phạm, làm oan người vô tội... thường bắt nguồn từ giai đoạn điều tra. Vị trí của giai đoạn điều tra đối với công tác xét xử không chỉ giới hạn ở số lượng và chất lượng chứng cứ mà Cơ quan điều tra có thể cung cấp cho Tòa án mà thậm chí "trong nhiều trường hợp sự nhận định, đánh giá tội phạm của Cơ quan điều tra và của Viện kiểm sát còn quy định cả giới hạn xét xử" [31, tr.30].

Bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra là một lĩnh vực bảo đảm quyền con người trong hoạt động tư pháp. Để bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự bên cạnh việc củng cố và tăng cường các đảm bảo quyền con người nói chung, còn phải bảo đảm các yếu tố mang tính đặc trưng riêng có của quyền con người của bị can trong hoạt động điều tra.

Các bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự bao gồm:

- Đối với hệ thống các quy phạm pháp luật về quyền con người của bị can trong hoạt động điều tra, phải được quy định đầy đủ, cụ thể, trong đó có các quyền quan trọng như: quyền yêu cầu Cơ quan điều tra bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, quyền tự bào chữa hoặc nhờ người khác bào chữa. Đảm bảo tính hợp pháp của các biện pháp cưỡng chế, chống lại sự tùy tiện, loại trừ những sai lầm trong hoạt động điều tra của mình. Bị can có quyền đưa ra chứng cứ buộc tội, gỡ tội nhằm đảm bảo tính nghiêm minh công bằng của pháp luật, của chế độ xã hội. Giữa hai mặt đối lập của Điều tra viên và bị can trong quá trình điều tra vụ án luôn tồn tại khách quan, do vậy, bên có quyền buộc tội không thể lấy quyền của mình để áp đặt buộc bên kia phải nhận tội trong điều kiện thiếu khách quan. Mỗi bên sử dụng quyền của mình được pháp luật quy định và tự mình thực thi quyền đó để giải quyết các vấn đề phát sinh trong quan hệ tố tụng chính là bảo vệ quyền con người.

- Để bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra các vụ án hình sự, yếu tố quyết định vẫn là con người trong việc tổ chức và tiến hành các hoạt động. Thủ trưởng, Phó thủ trưởng Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Kiểm sát viên, người bào chữa tham gia vào các hoạt động điều tra, quyết định các vấn đề liên quan đến quyền và nghĩa vụ của bị can như: tính mạng, tự do, tài sản... của bị can, danh dự, uy tín, tài sản của các bên đương sự và những người tham gia tố tụng khác liên quan... Vì vậy, họ phải là người có trình độ chuyên môn nghiệp vụ phù hợp, có kinh nghiệm công tác, đồng thời phải là người có phẩm chất chính trị, phẩm chất đạo đức trong sáng, có bản lĩnh vững vàng. Đó là yếu tố cần và đủ để trong hoạt động điều tra hình sự bảo đảm được tính khách quan, toàn diện, đầy đủ, đúng pháp luật, bảo vệ được quyền và lợi ích của công dân, góp phần giữ vững an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội.

- Bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự còn phụ thuộc một phần không nhỏ vào cơ sở vật chất, điều kiện sinh hoạt của các chủ thể khi tham gia tố tụng. Nhà nước quan tâm đến các điều kiện sinh hoạt, ăn ở của bị can, tạo điều kiện thuận lợi trong việc đi lại, bảo vệ an toàn tính mạng, sức khỏe đối với người làm chứng; quan tâm nhiều hơn đến điều kiện làm việc, chế độ sinh hoạt và an toàn của Điều tra viên, Kiểm sát viên chính là thước đo ưu việt về

khả năng bảo đảm quyền con người trong giải quyết vụ án hình sự.

- Bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự là việc bảo đảm các điều kiện, yếu tố cần và đủ cho quá trình thực hiện quyền con người của bị can trong điều tra vụ án hình sự nhằm làm cho hoạt động này có hiệu lực, hiệu quả cao nhất. Các yếu tố cơ bản như: có hệ thống các quy phạm pháp luật về lĩnh vực này đầy đủ, không ngừng được hoàn thiện; có hệ thống các cơ quan tư pháp hoàn chỉnh, có chất lượng, hoạt động có hiệu quả; có cơ sở vật chất, kỹ thuật đáp ứng với yêu cầu của hoạt động, có cơ chế giám sát chặt chẽ, thông suốt, có sự tham gia đông đảo của các cơ quan Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội và công dân...

Đối với bất kỳ vụ án hình sự nào thì giai đoạn điều tra cũng là hết sức cần thiết và quan trọng. Có thể khẳng định rằng nếu thiếu các hoạt động điều tra thì Tòa án không có cơ sở để xét xử vụ án. Kết quả giải quyết vụ án hình sự phụ thuộc rất nhiều vào giai đoạn điều tra, chỉ khi điều tra vụ án được nhanh chóng, kịp thời, chính xác thì mới đẩy nhanh và mạnh tiến độ tố tụng để giải quyết vụ án.

1.3. Chuẩn mực quốc tế về quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự

1.3.1. Quyền được suy đoán vô tội

Đây là quyền pháp lý rất quan trọng, xuyên suốt quá trình tố tụng từ khi khởi tố đến khi xét xử và bản án chưa có hiệu lực pháp luật. Nhận thức đầy đủ quyền này có ý nghĩa quan trọng trong hoạt động điều tra, nắm được tinh thần của các các quy định và áp dụng các hình thức đối xử thích hợp với người bị giam giữ chờ xét xử. Theo Nguyên tắc 8 Tập hợp các nguyên tắc về bảo vệ tất cả những người bị giam hay tù dưới bất kỳ hình thức nào (được Đại Hội đồng Liên Hợp Quốc thông qua bằng Nghị quyết 43/173 ngày 09/12/1988) quy định: "Những người đang bị giam phải được đối xử đúng với địa vị chưa bị kết án của họ. Do vậy bất cứ khi nào có thể, họ phải được tách riêng khỏi những người đang bị cầm tù". Điều 2 - Quy ước đạo đức của quan chức thi hành pháp luật nêu rõ: "Trong khi thực hiện nhiệm vụ của mình, các cán bộ thi hành pháp luật phải tôn trọng, bảo vệ nhân phẩm và duy trì, nêu cao quyền con người của tất cả mọi người" [39, tr.3].

1.3.2. Quyền tự do

Được Điều 9 ICCPR ghi nhận và bảo vệ thường được gọi là "quyền tự do và

an toàn cá nhân" hoặc hẹp hơn là "quyền không bị giam giữ một cách tùy tiện". Quyền này được quy định ngắn gọn tại Điều 9 UDHR, Điều 6 của Hiến chương Châu Phi về quyền con người và quyền dân tộc, Điều 7 của Công ước Châu Mỹ về quyền con người, Điều 5 của Công ước châu Âu về bảo vệ quyền con người và tự do cơ bản.

Tinh thần điều luật không coi quyền tự do là tuyệt đối bảo vệ các cá nhân khỏi bị bắt hoặc giam giữ trong mọi trường hợp. Trong thực tế, việc các nhà nước tước tự do của cá nhân vi phạm pháp luật nghiêm trọng đã luôn tồn tại trong lịch sử và sẽ còn tiếp tục là một phương thức chính đáng để nhà nước kiểm soát các cá nhân trong thẩm quyền tài phán của mình, tuy nhiên nhấn mạnh yếu tố "không ai bị bắt, giam giữ hay lưu đày một cách tùy tiện". Ủy ban Nhân quyền (CHR) đã giải thích thuật ngữ "tùy tiện" tại Điều 9 của ICCPR được hiểu việc tước tự do của một cá nhân phải phù hợp với thủ tục tố tụng pháp luật quy định, bản thân pháp luật và việc thực thi pháp luật không được mang tính tùy tiện, bởi sự tùy tiện là điều có ý nghĩa rộng hơn bao gồm các yếu tố của sự không phù hợp, bất công và thiếu khả năng dự báo chứ không chỉ giới hạn trong phạm vi quy định pháp luật. Việc quyết định có giam giữ hay không giam giữ ở giai đoạn này, các quy định quốc tế đều xác định tránh áp dụng biện pháp giam giữ. Và nếu có áp dụng việc giam giữ trước khi xét xử phải được sử dụng như là biện pháp cuối cùng trong tố tụng hình sự, quy tắc 6.1 của Các quy tắc chuẩn, tối thiểu của Liên hợp quốc về những biện pháp không giam giữ (Các quy tắc Tokyo, 1990) chỉ rõ: "Giam giữ trước khi xét xử được sử dụng như phương án cuối cùng trong quá trình tố tụng hình sự, khi xét thấy cần thiết cho việc điều tra hành vi bị coi là phạm tội và cần thiết để bảo vệ xã hội và các nạn nhân" [42, tr.04].

1.3.3. Quyền được thông tin

Được quy định tại Điều 9 (2) ICCPR, Nguyên tắc 10, 11(2), 13, 14 của Tập hợp các nguyên tắc về bảo vệ tất cả những người bị giam hay tù bất kỳ hình thức nào, Điều 7 (4), Điều 8 (2) (B) Công ước Châu Mỹ về quyền con người, Điều 5 (2) Công ước châu Âu về bảo vệ quyền con người và Tự do cơ bản. Theo đó bất cứ ai bị bắt đều có quyền biết được chính xác lý do khiến mình bị bắt và được thông báo kịp thời về bất cứ cáo buộc nào chống lại mình.

Yêu cầu thông tin về lý do khởi tố, bắt giữ, tạm giam là cho phép bị can nhận

biết được tính hợp pháp của việc khởi tố, bị giam giữ, do đó họ phải nhận được sự thông báo rõ ràng về cơ sở pháp lý và thực tiễn cho việc khởi tố, bắt giữ, tạm giam.

Nguyên tắc 5 của Các nguyên tắc cơ bản về vai trò của luật sư, Nguyên tắc 17 của Tập hợp các nguyên tắc về bảo vệ tất cả những người bị giam hay tù bất kỳ hình thức nào cho thấy một trong những quyền quan trọng nhất mà người bị bắt giữ hay giam giữ cần biết đó là họ được quyền tư vấn pháp lý (có luật sư trợ giúp theo lựa chọn của mình) do đó thông tin này cần được cung cấp ngay lập tức khi bị bắt hay giam giữ hoặc khi bị buộc là đã phạm một tội hình sự.

Để có hiệu quả, thông tin phải được truyền đạt bằng ngôn ngữ có thể hiểu được, do đó theo Nguyên tắc 14, Nguyên tắc 16 (2) Tập hợp các nguyên tắc về bảo vệ tất cả những người bị giam hay tù dưới bất kỳ hình thức nào, Điều 36 Công ước Viên về quan hệ lãnh sự thì một người bị bắt, giam giữ hay bị tù có quyền được được hiểu đầy đủ các thông tin qua ngôn ngữ mình hiểu thông qua sự giúp đỡ miễn phí của phiên dịch.

Quyền này đặc biệt có ý nghĩa với người nước ngoài hoặc người thuộc các dân tộc thiểu số. "Việc được thông báo không chậm trễ vì lý do buộc tội và được sử dụng, hỗ trợ ngôn ngữ của cộng đồng mình trong tố tụng là những điều kiện quan trọng để đảm bảo quyền bào chữa của bị can, bị cáo và người bị bắt" [50, tr.36].

1.3.4. Quyền được bảo vệ bởi luật sư

Được quy định tại Điều 14 (3) (b) của ICCPR, Điều 8 (2) (c) và 8 (2) (d) của Công ước Châu Mỹ về quyền con người, Nguyên tắc 1, 6 Các nguyên tắc cơ bản về vai trò của luật sư, Nguyên tắc 17 (2), 18 Tập hợp các nguyên tắc về bảo vệ tất cả những người bị giam hay tù dưới bất kỳ hình thức nào.

Theo đó những người bị bắt hoặc bị giam giữ có hoặc không có tội hình sự có quyền có luật sư hỗ trợ trong mọi trường hợp không muộn hơn 48 giờ kể từ thời điểm bị bắt tạm giam và được thường xuyên tiếp xúc với luật sư của mình; được phép tiếp đón các luật sư của mình. Bất cứ ai trong hoàn cảnh bị bắt, bị giam giữ mà không có luật sư riêng đều có quyền có một luật sư có kinh nghiệm và năng lực phù hợp với tính chất của tội phạm đã quy kết cho họ về mặt pháp lý một cách hiệu quả và miễn phí nếu họ không có đầy đủ khả năng chi trả cho những dịch vụ như vậy. Tất cả những người bị bắt, giam hay cầm tù được tạo các cơ hội về thời gian, phương tiện đầy đủ để được trao đổi hay tư vấn hoàn toàn riêng với các luật sự mà

không có sự can thiệp hay kiểm duyệt nào. Cảnh sát và các cán bộ nhân viên nhà tù có thể quan sát, chứ không được nghe những trao đổi giữa tù nhân đó với luật sư.

1.3.5. Quyền được tiếp cận với thế giới bên ngoài

Các quyền của bị can, bị can bị tạm giam tiếp cận với thế giới bên ngoài là biện pháp bảo vệ cơ bản chống lại vi phạm nhân quyền như tra tấn, ngược đãi và mất tích. Nguyên tắc 19, Nguyên tắc 15, 16 (1) và (4), 24 Tập hợp các nguyên tắc về bảo vệ tất cả những người bị giam hay tù dưới bất kỳ hình thức nào. Một người bị giam tù có quyền được các thành viên của gia đình người đó đến thăm, trao đổi thư từ và phải được tạo cơ hội đầy đủ để liên lạc với thế giới bên ngoài, nhưng vẫn phải tuân thủ những điều kiện và hạn chế hợp lý do luật pháp hay các quy chế hợp pháp quy định. Ngay sau khi bị bắt giữ và sau mỗi lần bị chuyển từ nơi giam hay nơi cầm tù này đến nơi giam hay nơi cầm tù khác, một người bị giam hay bị cầm tù phải có quyền được thông báo hoặc yêu cầu cơ quan có thẩm quyền thông báo cho các thành viên gia đình người đó, hay những người khác mà người đó lựa chọn, biết việc người đó bị bắt giữ, giam hay cầm tù, hoặc việc di chuyển và biết nơi người đó bị giam giữ.

Một người bị giam hay bị cầm tù là người nước ngoài thì người đó cũng phải được thông báo ngay về quyền được liên lạc, bằng các phương tiện thích hợp với đại sứ quán, lãnh sự quán hoặc ngoại giao đoàn của quốc gia mà người đó là công dân, hoặc nếu không, của quốc gia được quyền nhận những thông tin như vậy theo pháp luật quốc tế, hoặc được liên lạc với đại diện của tổ chức quốc tế có thẩm quyền, nếu người đó là người tỵ nạn hoặc là người được một tổ chức liên chính phủ bảo vệ.

1.3.6. Quyền được kịp thời đưa ra trước một thẩm phán hoặc một quan chức có thẩm quyền thực hiện chức năng tư pháp và được xét xử trong thời hạn hợp lý

Quy định tại Điều 9 (3) của ICCPR, Điều 7 (5) Công ước Châu Mỹ về quyền con người, Điều 5 (3) Công ước châu Âu về bảo vệ quyền con người và Tự do cơ bản, Nguyên tắc 11 (1) Tập hợp các nguyên tắc về bảo vệ tất cả những người bị giam hay tù bất kỳ hình thức nào.

Khoản 3 Điều 9 của ICCPR nêu rõ "Bất cứ người nào bị bắt hoặc bị giam giữ hình sự phải được nhanh chóng đưa ra trước một thẩm phán hoặc một quan

chức có thẩm quyền thực hiện chức năng tư pháp và phải được xét xử trong thời gian hợp lý hoặc được trả tự do" [8, tr. 12].

Mục đích của các quy định trên nhằm đánh giá xem có đủ lý do hợp pháp cho việc bị bắt giữ, đánh giá liệu việc giam giữ trước khi xét xử là cần thiết, nhằm ngăn chặn vi phạm các quyền cơ bản của bị can. Trong đoạn 3 của Bình luận chung số 8 "CHR khuyến nghị việc tạm giữ, tạm giam chỉ nên là ngoại lệ càng ngắn càng tốt" [52, tr.275]. "Việc quy định tạm giam một người trong thời gian chờ xét xử không được đưa thành nguyên tắc chung, không nên coi tạm giam là đương nhiên" [52, tr.165]. Từ điểm này nhiều luật gia khẳng định bị can, bị cáo có quyền được tại ngoại để chờ xét xử.

1.3.7. Quyền được xem xét về tính hợp pháp của việc giam giữ

Quyền này được quy định tại Điều 9 (4), (5) của ICCPR, Nguyên tắc 32 Tập hợp các nguyên tắc về bảo vệ tất cả những người bị giam hay tù bất kỳ hình thức nào, Điều 7 (6), Điều 25 Công ước Châu Mỹ về quyền con người, Điều 5 (4), (5) Công ước Châu Âu về bảo vệ quyền con người và tự do cơ bản. Bất cứ người nào do bị bắt hoặc giam giữ mà bị tước tự do đều có quyền yêu cầu được xét xử trước Tòa án, nhằm mục đích để Tòa án có thể quyết định không chậm chễ về tính hợp pháp của việc giam giữ và trả lại tự do cho họ, nếu giam giữ là bất hợp pháp.

Quyền này bảo đảm các quyền tự do và chống lại việc giam giữ tùy tiện và các vi phạm nhân quyền khác. Trong trường hợp sử dụng tạm giữ, tạm giam như là một biện pháp ngăn chặn, việc này không được tiến hành một cách tùy tiện mà phải dựa tiến hành theo các trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật, đồng thời phải đảm bảo được quyền được Tòa án quyết định tính hợp pháp của việc giam giữ, quyền được yêu cầu bồi thường trong trường hợp có oan sai.

Trong một số phán quyết CHR kết luận quyền tiếp cận với luật sư có liên quan chặt chẽ với quyền khiếu nại việc giam giữ, bởi nếu không có luật sư làm người đại diện thì việc khiếu nại giam giữ sẽ khó thực hiện. Đối với nạn nhân của vụ bắt hoặc bị giam giữ trái pháp luật có quyền khiếu nại yêu cầu bồi thường.

1.3.8. Quyền trong khi thẩm vấn

Điều 14 (3) (g) của ICCPR , Điều 8 (2) (g) của Công ước châu Mỹ về quyền con người, Nguyên tắc 21 (2) của Tập hợp các nguyên tắc về bảo vệ tất cả những

người bị giam hay tù bất kỳ hình thức nào quy định quyền của người phạm tội được giữ im lặng trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa là vốn có trong giả định vô tội, không người nào bị buộc đưa ra lời khai chống lại chính mình hoặc phải nhận mình là có tội.

Tại đoạn 41 Bình luận chung số 32, CHR cho rằng "Đảm bảo này cần được hiểu theo nghĩa không có sự can thiệp trực tiếp hoặc gián tiếp hoặc áp lực tâm lý từ các cơ quan điều tra đối với bị can nhằm ép cung. Không chấp nhận đối xử với bị can theo cách trái với Điều 7 của Công ước để buộc bị can phải thú tội. Pháp luật quốc gia phải đảm bảo rằng các lời nói hoặc lời nhận tội thu được trái với nguyên tắc của Điều 7 Công ước không được coi là chứng cứ, trừ khi chúng được sử dụng làm bằng chứng của việc tra tấn hoặc những đối xử khác trái với quy định này; do đó, trách nhiệm của nhà nước là phải đảm bảo rằng những lời khai của bị cáo là do họ tự nguyện.". Điều 11 của Công ước chống tra tấn và các hình thức đối xử hoặc trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo hoặc hạ nhục con người yêu cầu các quốc gia thường xuyên rà soát, xem xét các quy định về thẩm vấn, các phương pháp thẩm vấn nhằm chống lại tra tấn [14, tr.4].

Trong cuộc điều tra, việc thẩm vấn các nhân chứng, các nạn nhân và những người bị tình nghi, việc khám người, kiểm tra xe cộ, nơi ở và sự ngăn chặn thư tín thông tin phải nhằm xác định danh tính nạn nhân; phát hiện nhân chứng, tìm kiếm nguyên nhân, tìm và bắt hung thủ. "Các hoạt động điều tra phải được tiến hành chỉ căn cứ vào pháp luật và với lý do thích đáng, các hoạt động điều tra phải được tiến hành đúng thẩm quyền, đầy đủ, nhanh chóng và cấm các hoạt động xâm phạm đến quyền an ninh cá nhân của con người" [53, tr.22].

1.3.9. Quyền về điều kiện sống

Theo quy tắc 20 (a), (b), 21 (a), (b), 22 (a), (b), 27, 31 của Các tiêu chuẩn tối thiểu của Liên hợp quốc về việc đối xử với tù nhân, 1995, quy tắc 13 Quy tắc tiêu chuẩn tối thiểu của Liên hợp quốc về tư pháp người chưa thành niên, Quy tắc về bảo vệ người chưa thành niên bị tước quyền tự do, các nguyên tắc về đạo đức y học liên quan đến vai trò của nhân viên y tế, đặc biệt là thầy thuốc trong việc bảo vệ tù nhân và những người bị giam giữ chống lại sự tra tấn hay đối xử, trừng phạt tàn ác, vô nhân đạo hoặc hạ nhục; Điều 10 (2) (a) của ICCPR cho thấy:

Những tù nhân bị bắt giữ hay đang chờ xét xử phải được giam giữ riêng với

tù nhân đã tuyên án. Những tù nhân trẻ tuổi chưa xét xử phải được giam giữ riêng với những người lớn tuổi và về nguyên tắc phải được giam giữ trong những nhà tù riêng. Phụ nữ bị giam giữ nên được tổ chức riêng rẽ với những người đàn ông và được giám sát bởi các thành viên nữ của đội ngũ nhân viên. Những tù nhân chưa xét xử phải ngủ một mình trong những buồng riêng, có chú ý đến phong tục địa phương khác nhau...Việc nơi ăn chốn ở đặc biệt là nơi ngủ phải đáp ứng về các yêu cầu về y tế, có chú ý đến các điều kiện không khí, diện tích sàn tối thiểu, ánh sáng, sưởi ấm và thông hơi. Ngay cả nơi vệ sinh cũng phải được thỏa đáng để có thể đáp ứng nhu cầu tự nhiên khi cần thiết.

Về điều kiện thực phẩm: lương thực, thực phẩm phải đủ dinh dưỡng để đảm bảo cho sức khỏe, thể lực và trong chừng mực có thể, nếu muốn, có được các thức ăn từ bên ngoài chi bằng tiền của người bị giam giữ, hoặc nhờ ban quản lý nhà tù hoặc qua gia đình hay bạn bè của họ. Nếu không thì ban quản lý nhà tù phải cung cấp thức ăn cho họ.

Tù nhân chưa xét xử phải được phép mặc quần áo của mình nếu nó sạch và phù hợp; nếu tù nhân đó mặc quần áo tù, thì nó phải khác với quần áo cấp cho những tù nhân đã tuyên án. Tù nhân chưa xét xử được phép kiếm, mua những thứ như sách báo, tài liệu viết và những phương tiện nghề nghiệp khác phù hợp với lợi ích của việc quản lý tư pháp và an ninh, với trật tự của nhà tù, bằng tiền của tù nhân đó hay của một bên thứ ba.

Về dịch vụ y tế: tù nhân phải được tiếp cận các dịch vụ y tế sẵn có. Tại mỗi nhà tù phải có ít nhất là một cán bộ y tế có đủ trình độ, có một số kiến thức tâm sinh lý cung cấp dịch vụ. Các dịch vụ y tế phải bao gồm cảchuyên môn tâm thần để chuẩn đoán, và trong một số trường hợp thích đáng, điều trị những trạng thái thần kinh không bình thường. Điều 6 Quy ước đạo đức của quan chức thi hành pháp luật chỉ rõ: "Các cán bộ thi hành pháp luật phải đảm bảo bảo vệ sức khỏe đầy đủ cho những người mà họ giam giữ và đặc biệt phải hành động tức thì để bảo đảm sự chăm sóc về y tế khi được yêu cầu" [39, tr.15]. Quyền này được xem như là một biện pháp tự vệ, cũng như là một phần của nhiệm vụ của các cơquan chức năng để đảm bảo sự tôn trọng phẩm giá vốn có của con người.

Kết luận chương 1

Quyền con người là những giá trị và nhu cầu tự nhiên vốn có và chỉ có ở con người - thành viên xã hội, được nhà nước ghi nhận, thể chế hóa bằng pháp luật quốc gia và các thỏa thuận pháp lý quốc tế. Khoa học pháp lý đã chia quyền con người theo các lĩnh vực hoạt động của đời sống con người thành hai nhóm chính: các quyền dân sự; chính trị và các quyền về kinh tế, văn hóa.

Điều tra vụ án hình sự là hoạt động nghiên cứu, tìm hiểu, thu thập thông tin, tài liệu, chứng cứ để khám phá các hành vi phạm tội của các Cơ quan điều tra và cơ quan khác được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra nhằm xác định sự thật của vụ án, lập hồ sơ đề nghị xử lý, tìm ra nguyên nhân và điều kiện phạm tội, yêu cầu các cơ quan, tổ chức hữu quan áp dụng các biện pháp khắc phục, ngăn ngừa.

Bị can là người đã bị khởi tố về hình sự. Từ góc độ áp dụng các biện pháp cưỡng chế, là người đã bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị can có thể bị áp dụng các biện pháp cưỡng chế tố tụng nghiêm khắc; từ góc độ bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của con người, bị can là người dễ có nguy cơ bị xâm phạm các quyền tự do dân chủ, nhất là quyền bất khả xâm phạm về thân thể, quyền được bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm; từ góc độ xác định địa vị tố tụng, bị can được quy định có nhiều quyền tố tụng, trách nhiệm tố tụng được nới rộng để làm cơ sở pháp lý cho bị can bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, bác bỏ việc buộc tội hoặc bảo vệ mình trước khả năng bị xâm phạm các quyền, lợi ích hợp pháp trong quá trình tố tụng hình sự giải quyết vụ án hình sự.

Từ góc độ bảo đảm quyền con người, các biện pháp cưỡng chế tố tụng, các hạn chế tố tụng đối với bị can chỉ ở mức cần và đủ để đạt được mục đích tố tụng là phát hiện nhanh chóng, xử lý công minh tội phạm và người phạm tội.

Bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự là một bộ phận của bảo đảm quyền con người nói chung được ghi nhận trong Hiến pháp năm 2013, các đạo luật của hệ thống pháp luật Việt Nam và phạm trù trong hoạt động thực tiễn điều tra của các cơ quan bảo vệ pháp luật. Bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra các vụ án hình sự là việc bảo đảm các yếu tố cần và đủ cho quá trình thực hiện quyền con người trong giai đoạn điều tra nhằm

làm cho hoạt động này có hiệu lực, hiệu quả cao nhất. Các yếu tố cơ bản bao gồm: có hệ thống quy phạm pháp luật về lĩnh vực này đầy đủ, hệ thống các cơ quan điều tra có chất lượng; có cơ sở vật chất - kỹ thuật, nguồn lực cán bộ đáp ứng tốt mọi yêu cầu trong hoạt động điều tra, có cơ chế giám sát chặt chẽ và thông suốt.

Khi nghiên cứu vấn đề bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự ở nước ta hiện nay cần nghiên cứu các chuẩn mực quốc tế về quyền con người của bị can - người bị buộc tội. Đó là quyền được suy đoán vô tội; quyền tự do; quyền được thông tin; quyền được bảo vệ bởi luật sư; quyền được tiếp cận với thế giới bên ngoài; quyền được kịp thời đưa ra trước một thẩm phán hoặc một quan chức có thẩm quyền thực hiện chức năng tư pháp và được xét xử trong thời hạn hợp lý; quyền được xem xét về tính hợp pháp của việc giam giữ; quyền trong khi thẩm vấn; quyền về điều kiện sống

Chương 2
THỰC TRẠNG BẢO ĐẢM QUYỀN CON NGƯỜI CỦA BỊ CAN TRONG GIAI ĐOẠN ĐIỀU TRA VỤ ÁN HÌNH SỰ Ở NƯỚC TA HIỆN NAY

2.1. Quy định của pháp luật tố tụng hình sự hiện hành về bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự

2.1.1. Quy định về biện pháp điều tra

"Biện pháp điều tra là phương tiện để thực hiện hoạt động nhận thức của điều tra viên trong quá trình điều tra từng vụ án cụ thể" [30, tr.24]. Hoạt động tố tụng của Điều tra viên nhằm phát hiện, mô tả và thu thập tài liệu, chứng cứ có ý nghĩa đối với hoạt động điều tra và phòng ngừa tội phạm chủ yếu thông qua việc tiến hành những biện pháp điều tra. Nội dung của biện pháp điều tra là hệ thống những thủ thuật có mối liên hệ hữu cơ với nhau được áp dụng trong giai đoạn điều tra. Viện kiểm sát kiểm sát hoạt động điều tra, bảo đảm mọi hoạt động điều tra đúng pháp luật.

Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 quy định hệ thống những biện pháp điều tra như: khám nghiệm hiện trường, khám xét, hỏi cung bị can, lấy lời khai của người bị hại, lấy lời khai của người làm chứng, đối chất, nhận dạng, thực nghiệm điều tra, trưng cầu giám định. Đồng thời còn quy định những nguyên tắc chung và trình tự tố tụng tiến hành những hoạt động điều tra đòi hỏi phải được nghiêm chỉnh chấp hành trong thực tiễn. Các biện pháp điều tra trong tố tụng hình sự khi được áp dụng sẽ ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của công dân nên Bộ luật tố tụng hình sự quy định chặt chẽ căn cứ, thẩm quyền, thủ tục áp dụng các biện pháp này.

2.1.1.1. Quy định về khởi tố và hỏi cung bị can

- Khởi tố bị can (Điều 126 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003): là một biện pháp tố tụng hình sự trong đó cơ quan có thẩm quyền xác định một người đã thực hiện hành vi phạm tội. Việc khởi tố bị can là một cơ sở dẫn đến hạn chế một số quyền của người bị khởi tố, có ý nghĩa pháp lý bất lợi đối với họ. Để ra quyết định khởi tố bị can, cơ quan có thẩm quyền phải có đủ căn cứ xác định một người đã thực hiện hành vi phạm tội, làm rõ đó là tội phạm gì, quy định điều khoản nào của Bộ luật hình sự. Xác định rõ lý lịch của người thực hiện hành vi phạm tội. Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi ra quyết định khởi tố bị can, Cơ quan điều tra phải gửi

quyết định khởi tố và tài liệu liên quan cho Viện kiểm sát, hồ sơ đề nghị Viện kiểm sát phê chuẩn quyết định khởi tố bị can bao gồm các tài liệu được quy định theo Thông tư liên tịch số 05/2005/TTLT - VKSNDTC - BCA - BQP ngày 07/9/2005 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an và Bộ Quốc phòng về quan hệ phối hợp giữa Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát trong việc thực hiện một số quy định của Bộ luật tố tụng năm 2003. Cơ quan điều tra phải giao quyết định khởi tố bị can và giải thích quyền, nghĩa vụ cho bị can.

- Hỏi cung bị can (Điều 131 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003): là một biện pháp nhằm thu thập chứng cứ từ lời khai của bị can. Chủ thể tiến hành hỏi cung bị can theo quy định tại các điều 19, 20, 21, 22 của Pháp lệnh tổ chức điều tra hình sự năm 2004 (sửa đổi, bổ sung một số điều vào năm 2006, năm 2009). Nhằm bảo đảm quyền lợi cho bị can, tránh việc truy bức, ép buộc phải làm việc nhiều trái quy luật sinh học, khoản 2, Điều 131 - Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 quy định nguyên tắc chung việc hỏi cung bị can không được tiến hành vào ban đêm, trừ trường hợp không thể trì hoãn được, trong trường tiến hành hỏi cung vào ban đêm phải ghi rõ vào biên bản. Địa điểm hỏi cung thường là trụ sở của Cơ quan điều tra trong trường hợp cần thiết có thể tiến hành hỏi cung tại nơi ở của bị can. Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 nghiêm cấm việc bức cung hoặc dùng nhục hình với bị can. Điều tra viên, Kiểm sát viên bức cung hoặc nhục hình đối với bị can phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định của Bộ luật hình sự. Nếu vụ án có nhiều bị can thì hỏi riêng từng bị can không để họ tiếp xúc với nhau, bị can là người chưa thành niên thì khi hỏi cung phải có mặt cha mẹ, người đỡ đầu hoặc thầy, cô giáo. Mỗi lần hỏi cung phải lập biên bản hỏi, nghiêm cấm việc thêm bớt hoặc sửa chữa lời khai. Sau khi hỏi cung, Điều tra viên đọc lại biên bản hoặc để bị can tự đọc, nếu việc hỏi cung được ghi âm phải phát lại để nghe. Biên bản ghi nội dung việc hỏi cung bị can và Điều tra viên cùng ký xác nhận, trong trường hợp cần thiết, Kiểm sát viên có thể hỏi cung, việc hỏi cung được tiến hành theo quy định như Điều tra viên tiến hành hỏi cung bị can.

Để hoạt động hỏi cung bị can đúng các yêu cầu của pháp luật, Viện kiểm sát giám sát hoạt động hỏi cung của Cơ quan điều tra theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003, Điều 15 Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014. Khi thực hiện chức năng kiểm sát hoạt động hỏi cung bị can, chống mọi hình thức

bức cung, dùng nhục hình đối với bị can, Viện kiểm sát phải chú ý tới các vấn đề như sau:

Thứ nhất, việc hỏi cung phải được tiến hành ngay sau khi có quyết định khởi tố bị can; nếu Cơ quan điều tra tiến hành hỏi cung bị can trước khi có quyết định khởi tố bị can thì đây là vi phạm tố tụng. Viện kiểm sát phải yêu cầu Cơ quan điều tra hủy bỏ kết quả hỏi cung đó.

Thứ hai, trong quá trình hỏi cung nếu phát hiện có dấu hiệu mớm cung, bức cung, nhục hình... Kiểm sát viên được phân công kiểm sát điều tra phải trực tiếp xác minh xem Điều tra viên có áp dụng các biện pháp bất hợp pháp đó không, đồng thời tiến hành hỏi cung bị can, kiểm tra lại toàn bộ các lời khai của bị can xem có phù hợp với các chứng cứ khác của vụ án đã được thu thập hay không.

Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 chưa có quy định về việc không công nhận là chứng cứ đối với lời nhận tội của bị can trong trường hợp bức cung, dùng nhục hình. Có thể nói đây là vấn đề cần được xem xét, bởi khi bị can bị bức cung, dùng nhục hình, thì xét về mặt tâm lý, để bảo đảm an toàn cho tính mạng, sức khỏe, họ buộc phải làm theo ý muốn chủ quan của Điều tra viên, Kiểm sát viên, dẫn đến không bảo đảm sự thật khách quan của vụ án.

2.1.1.2. Quy định về khám xét, thu giữ, tạm giữ, kê biên tài sản

- Khám xét là biện pháp điều tra nhằm tìm kiếm dấu vết tội phạm, vật chứng hoặc những đồ vật, tài liệu khác có liên quan đến vụ án. Điều 140 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 quy định về căn cứ khám người, chỗ ở, chỗ làm việc, địa điểm; cụ thể: việc khám người, chỗ ở, chỗ làm việc, địa điểm chỉ được tiến hành khi có căn cứ để nhận định trong người, chỗ ở, chỗ làm việc, địa điểm của một người có công cụ, phương tiện phạm tội, đồ vật, tài sản do phạm tội mà có hoặc đồ vật, tài liệu khác có liên quan đến vụ án. Khi có căn cứ, tài liệu cho rằng chỗ ở, chỗ làm việc, địa điểm của một người bị truy nã đang trốn thì cơ quan điều tra có thể khám chỗ ở, địa điểm. Khi có căn cứ, tài liệu cho rằng trong thư tín, điện tín, bưu kiện, bưu phẩm có những đồ vật, tài liệu khác có liên quan đến vụ án thì Cơ quan điều tra có thể khám thư tín, điện tín, bưu kiện, bưu phẩm.

Điều 141 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 quy định những người có thẩm quyền ra lệnh bắt bị can để tạm giam thì có quyền ra lệnh khám xét. Lệnh khám xét của thủ trưởng, phó thủ trưởng Cơ quan điều tra phải được Viện kiểm sát cùng cấp

phê chuẩn trước khi thi hành. Trong trường hợp không thể trì hoãn, Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra các cấp; người chỉ huy đơn vị quân đội độc lập cấp trung đoàn và tương đương; người chỉ huy đồn biên phòng ở hải đảo và biên giới; người chỉ huy tàu bay, tàu biển, khi tàu bay, tàu biển đã rời khỏi sân bay, bến cảng có quyền ra lệnh khám xét. Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi khám xong, người ra lệnh khám xét phải thông báo bằng văn bản cho Viện kiểm sát cùng cấp. Hoạt động kiểm sát việc khám xét được thực hiện theo các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003, Điều 15 Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014, trong đó Viện kiểm sát các cấp có trách nhiệm áp dụng các biện pháp bảo đảm hoạt động khám xét được tiến hành trên cơ sở tôn trọng các quyền và lợi ích hợp pháp của bị can không được lợi dụng khám xét, xâm phạm một cách trái pháp luật các quyền, lợi ích đó. Trong trường hợp Cơ quan điều tra tiến hành khám xét khẩn cấp, qua kiểm tra hồ sơ, tài liệu do Cơ quan điều tra chuyển đến, Viện kiểm sát thấy việc khám xét là không có căn cứ và không hợp pháp, thì Viện kiểm sát có trách nhiệm yêu cầu Cơ quan điều tra khắc phục ngay hậu quả, đồng thời ra quyết định hủy bỏ kết quả khám xét đó.

- Thủ tục khám người (Điều 142 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003): khi bắt đầu khám người, phải đọc lệnh khám và đưa cho đương sự đọc lệnh khám đó, giải thích cho đương sự và những người có mặt biết quyền và nghĩa vụ của họ. Người tiến hành khám phải yêu cầu đương sự đưa ra những đồ vật, tài liệu có liên quan đến vụ án, nếu đương sự từ chối thì tiến hành khám. Khi khám, nam khám nam, nữ khám nữ và phải có người cùng giới chứng kiến. Có thể tiến hành khám người mà không cần có lệnh trong trường hợp bắt người hoặc khi có căn cứ để khẳng định người có mặt tại nơi khám xét giấu trong người đồ vật, tài liệu cần thu giữ.

- Thủ tục khám chỗ ở, nơi làm việc, địa điểm (Điều 143 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003): khi khám phải có mặt người chủ hoặc người đã thành niên trong gia đình, có đại diện chính quyền xã; phường; thị trấn và người láng giềng chứng kiến... Không được khám chỗ ở vào ban đêm, trừ trường hợp không thể trì hoãn, nhưng phải ghi rõ trong biên bản. Khám nơi làm việc của một người phải có mặt của người đó, trừ trường hợp không thể trì hoãn, có đại diện cơ quan tổ chức nơi người đó làm việc chứng kiến.

- Thu giữu thư tín, điện tín, bưu kiện, bưu phẩm tại bưu điện (Điều 144 Bộ

luật tố tụng hình sự năm 2003): trong quá trình điều tra, khi có căn cứ cho rằng thư tín, điện tín, bưu kiện, bưu phẩm tại bưu điện có liên quan đến vụ án cần phải thu giữ thì Cơ quan điều tra ra lệnh thu giữ, lệnh này phải được Viện kiểm sát cùng cấp phê chuẩn trước khi tiến hành, trừ trường hợp không thể trì hoãn nhưng phải ghi rõ vào biên bản sau khi thu giữ phải thông báo ngay cho Viện kiểm sát cùng cấp biết. Người thi hành lệnh phải thông báo cho người phụ trách cơ quan bưu điện hữu quan trước khi tiến hành, khi thu giữ điện tín, bưu kiện, bưu phẩm phải có đại diện cơ quan bưu điện chứng kiến và ký xác nhận vào biên bảo. Cơ quan ra lệnh thu giữ phải thông báo cho người có điện tín, bưu kiện, bưu phẩm biết.

- Tạm giữ đồ vật, tài liệu khi khám xét (Điều 145 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003): khi khám xét, Điều tra viên có quyền tạm giữ những vật dụng dùng làm công cụ, phương tiện phạm tội, vật mang dấu vết tội phạm, vật là đối tượng của tội phạm; tiền bạc và những vật khác có giá trị chứng minh tội phạm và người phạm tội cũng như tài liệu liên quan trực tiếp đến vụ án. Đối với những đồ vật thuộc loại cấm tàng trữ, lưu hành thì phải thu giữ và chuyển ngay cho cơ quan quản lý có thẩm quyền. Trong trường hợp cần thiết phải niêm phong thì tiến hành niêm phong trước mặt chủ đồ vật hoặc đại diện gia đình, đại diện chính quyền và người chứng kiến.

- Kê biên tài sản (Điều 146 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003): là biện pháp nhằm bảo đảm cho việc thi hành án về tịch thu tài sản, phạt tiền, bồi thường thiệt hại được thuận lợi. Cơ quan có thẩm quyền chỉ được áp dụng biện pháp kê biên tài sản khi bị can bị truy cứu trách nhiệm về tội mà Bộ luật hình sự quy định họ có thể sẽ bị tịch thu tài sản hoặc phạt tiền, hoặc chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật. Những người có quyền ra lệnh bắt bị can để tạm giam cũng có quyền ra lệnh kê biên tài sản. Lệnh của thủ trưởng, phó thủ trưởng Cơ quan điều tra phải được thông báo cho Viện kiểm sát cùng cấp trước khi thi hành. Chỉ được kê biên phần tài sản tương ứng với mức có thể bị tịch thu, phạt tiền hoặc bồi thường thiệt hại. Chỉ kê biên những tài sản có giá trị, không kê biên những tài sản cần thiết, tối thiểu cho cuộc sống và sản xuất hàng ngày của gia đình người bị kê biên. Tài sản bị kê biên được giao cho chủ nhà hoặc người thân thích của họ bảo quản. Trước khi tiến hành kê biên tài sản, người thi hành phải đọc lệnh, giải thích cho đương sự và những người có mặt biết quyền và nghĩa vụ của họ, sau đó tiến hành kê biên. Khi tiến hành kê biên phải có mặt đương sự hoặc người đã thành niên trong gia đình, đại

diện chính quyền xã; phường hoặc thị trấn và láng giềng chứng kiến.

- Người ra lệnh, người thi hành lệnh khám xét, kê biên tài sản, thu giữ, tạm giữ đồ vật, tài liệu, thư tín, điện tín, bưu kiện, bưu phẩm trái pháp luật thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự (Điều 149 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003).

2.1.1.3. Quy định về khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi, xem xét dấu vết trên thân thể, thực nghiệm điều tra, trưng cầu giám định

- Khám nghiệm hiện trường (Điều 150 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003) là biện pháp điều tra trực tiếp tại hiện trường nhằm phát hiện dấu vết tội phạm, vật chứng và những tài liệu khác có ý nghĩa đối với việc giải quyết vụ án hình sự. Khám nghiệm hiện trường có thể tiến hành trước khi khởi tố vụ án hình sự. Trước khi tiến hành khám nghiệm, Điều tra viên phải thông báo cho Viện kiểm sát cùng cấp biết. Kiểm sát viên có mặt để kiểm sát việc khám nghiệm. Khi khám nghiệm phải có người chứng kiến; có thể để cho bị can, người bị hại, người làm chứng và mời nhà chuyên môn tham dự việc khám nghiệm

- Khám nghiệm tử thi (Điều 151 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003): khi phát hiện tử thi Điều tra viên tiến hành khám nghiệm có bác sĩ pháp y tham gia và phải có người chứng kiến. Trong trường hợp phải khai quật tử thi thì phải có quyết định của Cơ quan điều tra và thông báo cho gia đình nạn nhân. Trong mọi trường hợp việc khám nghiệm tử thi phải được thông báo trước cho Viện kiểm sát cùng cấp biết, Kiện kiểm sát phải có mặt để kiểm sát việc khám nghiệm.

- Xem xét dấu vết trên thân thể (Điều 152 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003) là biện pháp điều tra nhằm phát hiện trên người bị xem xét thân thể dấu vết của tội phạm hoặc các dấu vết khác có ý nghĩa đối với vụ án. Khi xem xét dấu vết trên cơ thể, phải có mặt người cùng giới chứng kiến và được người cùng giới tiến hành. Trong trường hợp cần thiết phải có bác sỹ pháp y tham gia. Địa điểm xem xét thân thể phải kín đáo. Người xem xét thân thể không được xâm phạm đến danh dự, nhân phẩm, sức khỏe người bị xem xét thân thể.

- Thực nghiệm điều tra (Điều 153 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003): để kiểm tra và xác minh những tài liệu, những tình tiết có ý nghĩa đối với vụ án. Khi tiến hành thực nghiệm điều tra, phải có người chứng kiến, trong trường hợp cần thiết, người bị tạm giữ, bị can, người bị hại, người làm chứng cũng có thể tham gia.

Không được xâm hại đến danh dự, nhân phẩm, gây ảnh hưởng đến sức khỏe của những người tham gia thực nghiệm điều tra.

- Trưng cầu giám định (Điều 155 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003): là biện pháp điều tra do Cơ quan tiến hành tố tụng thực hiện bằng cách ra quyết định yêu cầu người có chuyên môn nghiên cứu xem xét và kết luận về các vấn đề có ý nghĩa với hoạt động điều tra vụ án mà Cơ quan tiến hành tố tụng nêu trong yêu cầu giám định. Qua đó để phát hiện, thu thập chứng cứ chứng minh tội phạm phục vụ cho yêu cầu điều tra. Sau khi đã tiến hành giám định, nếu bị can, yêu cầu thì cơ quan đã trưng cầu giám định phải thông báo nội dung kết luận giám định cho họ biết, họ được trình bày ý kiến của mình về kết luận giám định, yêu cầu giám định bổ sung hay giám định lại. Trong trường hợp Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát không chấp nhận yêu cầu của bị can, những người tham gia tố tụng khác thì phải nêu lý do cho họ biết.

2.1.2. Các quy định khác về về hoạt động điều tra

- Thời hạn điều tra: quá trình điều tra làm rõ bản chất vụ án là giai đoạn quan trọng của quá trình giải quyết vụ án nhưng không phải vô thời hạn. Vì vậy, để đảm bảo việc xử lý kịp thời tội phạm và đảm bảo quyền con người luật tố tụng hình sự quy định thời hạn của giai đoạn điều tra (Điều 119 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003); Thời hạn phục hồi điều tra; điều tra bổ sung, điều tra lại (Điều 121 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003). Hết thời hạn quy định trên nếu không chứng minh được tội phạm Cơ quan điều tra phải ra quyết định đình chỉ vụ án.

- Vì mục đích tôn trọng và đảm bảo quyền con người mà luật tố tụng hình sự quy định trong một số trường hợp tuy chưa hết hạn hoặc đã hết hạn nhưng việc điều tra được tạm đình chỉ hoặc đình chỉ. Những trường hợp đình chỉ điều tra: có một trong những căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 105 và Điều 107 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 hoặc tại Điều 19, Điều 25 và khoản 2 Điều 69 của Bộ luật hình sự 1999; đã hết thời hạn điều tra mà không chứng minh được bị can đã thực hiện tội phạm.

- Giải quyết các yêu cầu của bị can. Khi bị can có yêu cầu về những vấn đề liên quan đến vụ án thì Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát trong phạm vi trách nhiệm của mình, giải quyết yêu cầu của họ và báo cho họ biết kết quả. Trong trường hợp không chấp nhận yêu cầu thì Cơ quan điều tra hoặc Viện kiểm sát phải trả lời và

nêu rõ lý do. Nếu không đồng ý với kết quả giải quyết của Cơ quan điều tra hoặc Viện kiểm sát thì bị can có quyền khiếu nại. Việc khiếu nại và giải quyết khiếu nại được thực hiện theo quy định tại Chương XXXV Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003.

- Biên bản điều tra: khi tiến hành điều tra phải lập biên bản theo quy định tại Điều 95 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003. Điều tra viên lập biên bản phải đọc lại biên bản cho người tham gia tố tụng nghe, giải thích cho họ biết quyền được bổ sung và nhận xét về biên bản, nhận xét đó được ghi vào biên bản. Người tham gia tố tụng và Điều tra viên cùng ký tên vào biên bản. Trong trường hợp người tham gia tố tụng từ chối ký vào biên bản, thì việc đó phải được ghi vào biên bản và nêu rõ lý do. Nếu người tham gia tố tụng vì nhược điểm về tâm thần hoặc thể chất hoặc vì lý do khác mà không thể ký vào biên bản thì phải ghi rõ lý do; Điều tra viên và người chứng kiến cùng xác nhận. Người không biết chữ thì điểm chỉ vào biên bản.

- Kết thúc điều tra (Điều 162 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003) là việc Cơ quan điều tra đã hoàn thành nhiệm vụ điều tra hoặc hết thời hạn điều tra bằng việc ra quyết định đề nghị truy tố hay quyết định đình chỉ vụ án. Trong quá trình điều tra vụ án, khi đã có đủ chứng cứ chứng minh tội phạm và người phạm tội thì Cơ quan điều tra làm bản kết luận điều tra và quyết định đề nghị truy tố bị can trước Tòa án. Bản kết luận điều tra của Cơ quan điều tra phải nêu rõ đầy đủ hành vi phạm tội cùng những chứng cứ chứng minh tội phạm và người phạm tội đồng thời cũng phải nêu rõ các nguyên nhân, điều kiện phạm tội và các kiến nghị khắc phục, giải quyết. Bản kết luận điều tra phải ghi rõ ngày, tháng, năm, họ tên, chức vụ, chữ ký của người làm bản kết luận điều tra, kèm theo bản kết luận điều tra phải có bản kê về thời hạn điều tra, biện pháp ngăn chặn đã được áp dụng có ghi rõ thời hạn tạm giữ, tạm giam, vật chứng, việc kiện dân sự, biện pháp đảm bảo việc phạt tiền, bồi thường và tịch thu tài sản nếu có.

2.1.3. Các quy định về biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn điều tra

Trong hệ thống các biện pháp cưỡng chế tố tụng hình sự, các biện pháp ngăn chặn có một vị trí đặc biệt quan trọng. Việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn có ảnh hưởng to lớn đến cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm nói chung, giải quyết các nhiệm vụ của tố tụng hình sự nói riêng, đồng thời gắn liền với việc hạn chế các quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, nhất là các quyền tự do cá nhân đã được ghi nhận và đảm bảo trong Hiến pháp.

Biện pháp ngăn chặn là chế định pháp lý quan trọng được quy định tại Chương VI Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 bao gồm các biện pháp: bắt; tạm giữ; tạm giam; cấm đi khỏi nơi cư trú; bảo lĩnh; đặt tiền hoặc tài sản có giá trị để bảo đảm. Nhằm tránh việc lợi dụng của các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng khi áp dụng những biện pháp này xâm hại đến quyền con người nói chung, quyền con người của bị can nói riêng Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 quy định chặt chẽ mục đích, căn cứ, thẩm quyền, thủ tục áp dụng.

- Mục đích của việc áp dụng biện pháp ngăn chặn: ngăn chặn không cho tội phạm tiếp tục xảy ra gây thiệt hại cho xã hội, không để người phạm tội tiếp tục thực hiện tội phạm hoặc cản trở hoạt động điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án, trốn tránh sự trừng phạt của pháp luật. Tạo điều kiện thuận lợi để các cơ quan tiến hành tố tụng giải quyết vụ án nhưng không để người phạm tội có thể xóa bỏ dấu vết phạm tội, tiêu huỷ chứng cứ, làm giả chứng cứ, thông cung giữa những người phạm tội hoặc với người làm chứng, đảm bảo sự có mặt của bị can, bị cáo khi có yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng. Ngoài hai mục đích trên biện pháp ngăn chặn không được áp dụng với bất kỳ mục đích nào khác nhất là đối với ý đồ xâm phạm quyền con người.

- Căn cứ áp dụng biện pháp ngăn chặn: để bảo đảm đạt được mục đích đặt ra của biện pháp ngăn chặn đồng thời bảo vệ các quyền con người không bị xâm hại, Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 quy định căn cứ áp dụng các biện pháp ngăn chặn, đó là: để kịp thời ngăn chặn tội phạm; khi có căn cứ cho rằng bị can, bị cáo tiếp tục phạm tội; khi có căn cứ cho rằng bị can, bị cáo có thể gây khó khăn cho công tác điều tra, truy tố, xét xử; để bảo đảm thi hành án. Việc có hay không áp dụng biện pháp ngăn chặn và áp dụng biện pháp ngăn chặn nào tuỳ thuộc vào tính chất mức độ của hành vi phạm tội, cũng như nhân thân của bị can, bị cáo và điều kiện, khả năng quản lý họ của các cơ quan tiến hành tố tụng. Đối với từng biện pháp ngăn chặn Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 quy định những căn cứ cụ thể cho từng biện pháp tránh sự áp dụng tràn lan.

- Thẩm quyền áp dụng biện pháp ngăn chặn: ngoài biện pháp bắt người trong trường hợp phạm tội quả tang, người có lệnh truy nã bất kỳ ai cũng có quyền bắt quy định tại Điều 82 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003, những biện pháp ngăn chặn khác phải do những người có trách nhiệm của các cơ quan tiến hành tố tụng mới có

thẩm quyền áp dụng.

- Thủ tục áp dụng biện pháp ngăn chặn*:* thủ tục, trình tự khi áp dụng các biện pháp ngăn chặn cũng được quy định chặt chẽ đảm bảo cho việc đấu tranh chống tội phạm có hiệu quả đồng thời không để bị lợi dụng để xâm hại quyền con người. Tương ứng với mỗi biện pháp ngăn chặn luật quy định chi tiết thủ tục áp dụng đối với cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng và các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác tham gia vào quá trình giải quyết vụ án. Đó là các thủ tục về tiến hành, thủ tục lập biên bản, thủ tục ra quyết định, thủ tục phê chuẩn... và thời hạn, thời điểm áp dụng các biện pháp ngăn chặn.

Các biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn điều tra liên quan đến quyền con người của bị can gồm các biện pháp sau:

2.1.3.1. Bắt bị can để tạm giam

Là biện pháp ngăn chặn trong tố tụng hình sự được áp dụng với bị can, bị cáo, nhằm kịp thời ngăn chặn hành vi phạm tội của họ, ngăn ngừa trốn tránh pháp luật, tạo điều kiện thuận lợi cho việc điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án.

Quyết định bị can để tạm giam có tác động trực tiếp đến quyền tự do về thân thể của họ, một trong các quyền nhân thân quan trọng nhất của con người được quy định trong Hiến pháp. Việc bắt người đúng pháp luật sẽ góp phần nâng cao hiệu quả của cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm, ngăn chặn kịp thời những hành vi phạm tội cũng như hành vi trốn tránh pháp luật, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án của người phạm tội, bảo đảm cho việc điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án được thuận lợi. Ngược lại việc bắt người không đúng pháp luật sẽ gây tác hại nhiều mặt như xâm phạm quyền tự do thân thể của công dân, làm giảm uy tín của Nhà nước và cơ quan bảo vệ pháp luật, gây hoang mang trong dư luận.

Điều 80 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 quy định chi tiết thẩm quyền, trình tự bắt bị can để tạm giam. Quy định về việc bắt bị can để tạm giam của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 phù hợp với quy định tại khoản 2, Điều 20 Hiến pháp Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam: "Không ai có thể bị bắt nếu không có quyết định của Tòa án nhân dân, quyết định hoặc phê chuẩn của Viện kiểm sát nhân dân trừ trường hợp phạm tội quả tang..." [38, tr.12]. Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra các cấp ra lệnh bắt bị can để tạm giam phải được Viện kiểm sát cùng cấp phê chuẩn trước khi thi hành. Lệnh bắt phải ghi rõ ngày, tháng, năm, họ tên,

chức vụ của người ra lệnh; họ tên, địa chỉ của người bị bắt và lý do bắt. Lệnh bắt phải có chữ ký của người ra lệnh và có đóng dấu. Người thi hành lệnh phải đọc lệnh, giải thích lệnh, quyền và nghĩa vụ của người bị bắt và phải lập biên bản về việc bắt. Khi tiến hành bắt người tại nơi người đó cư trú phải có đại diện chính quyền xã, phường, thị trấn và người láng giềng của người bị bắt chứng kiến. Khi tiến hành bắt người tại nơi người đó làm việc phải có đại diện cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc chứng kiến. Khi tiến hành bắt người tại nơi khác phải có sự chứng kiến của đại diện chính quyền xã, phường, thị trấn nơi tiến hành bắt người. Không được bắt người vào ban đêm, trừ trường hợp bắt khẩn cấp, phạm tội quả tang hoặc bắt người đang bị truy nã. Việc bắt người phải được lập biên bản. Người ra lệnh bắt, Cơ quan điều tra nhận người bị bắt phải thông báo ngay cho gia đình người đã bị bắt, chính quyền xã, phường, thị trấn hoặc cơ quan, tổ chức nơi người đó cư trú hoặc làm việc biết. Nếu thông báo cản trở việc điều tra thì sau khi cản trở đó không còn nữa, người ra lệnh bắt, Cơ quan điều tra nhận người bị bắt phải thông báo ngay.

2.1.3.2. Tạm giam

Được quy định tại các Điều 88, 89, 90 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003: mục đích của việc tạm giam là tạo điều kiện cho Cơ quan điều tra có căn cứ chứng tỏ bị can sẽ gây khó khăn cho việc điều tra hoặc sẽ tiếp tục phạm tội, cũng như khi cần đảm bảo thi hành án. Việc tạm giam hạn chế rất nhiều đến quyền tự do dân chủ của công dân, áp dụng nó không những ảnh hưởng đến bị can mà cả đối với gia đình họ. Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của bị can, điều luật quy định những trường hợp áp dụng biện pháp khác thay thế cho biện pháp tạm giam như: phụ nữ có thai, đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi, là người già yếu, người bị bệnh nặng... Bị can chưa bị coi là có tội vì đối với người đó chưa có bản án kết tội có hiệu lực pháp luật của Tòa án, địa vị pháp lý của họ khác về bản chất so với địa vị pháp lý của người đang chấp hành hình phạt tù. Cơ quan quản lý giam giữ phải thực hiện đúng chế độ quản lý tạm giam, chế độ đối với người bị tạm giam được quy định tại Quy chế về tạm giữ, tạm giam ban hành kèm theo Nghị định số 89/1998/NĐ-CP ngày 07/11/1998 của Chính Phủ (được sửa đổi bổ sung theo Nghị định số 98/2002/NĐ-CP ngày 27/11/2002 và Nghị định số 09/2011/NĐ- CP ngày 25/11/2011 của Chính phủ).

Biện pháp tạm giam là biện pháp ngăn chặn nhằm tạm thời hạn chế tự do của người bị bắt trong một thời gian do luật định, do vậy, trách nhiệm của Viện kiểm sát phải bảo đảm không được để xảy ra việc áp dụng biện pháp tạm giam oan, sai. Điều đó đòi hỏi việc thực hiện chức năng kiểm sát nhà tạm giữ, tạm giam tại Cơ quan Công an phải thường xuyên như Quy chế về công tác kiểm sát tạm giữ, tạm giam đã định.

2.1.3.3. Cấm đi khỏi nơi cư trú

Được quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003, là biện pháp ngăn chặn ít nghiêm khắc hơn biện pháp tạm giam, bị can bị áp dụng biện pháp này không bị cách li khỏi xã hội mà chỉ bị hạn chế quyền tự do đi lại. Do đó, bị can bị áp dụng biện pháp này đáp ứng các điều kiện: phạm tội ít nghiêm trọng hoặc tội nghiêm trọng; phải có nơi cư trú rõ ràng; việc giám sát họ tại địa phương sẽ không gây nguy hại cho xã hội cũng như ảnh hưởng đến quá trình điều tra vụ án.

2.1.3.4. Bảo lĩnh

Được quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003, đây là biện pháp ngăn chặn được áp dụng thay thế cho biện pháp tạm giam. Vì vậy đối tượng bị áp dụng biện pháp này thường là bị can phạm tội lần đầu, tính chất ít nghiêm trọng, có nơi cư trú rõ ràng, thái độ khai báo thành khẩn hoặc bị can ốm đau, bệnh tật, có cá nhân hoặc tổ chức đứng ra bảo lĩnh. Bị can được bảo lĩnh không bị hạn chế các quyền công dân mà được thực hiện tất cả các quyền này miễn sao việc thực hiện các quyền đó không gây trở ngại cho hoạt động điều tra.

2.1.3.5. Đặt tiền hoặc tài sản có giá trị để bảo đảm

Là biện pháp ngăn chặn thay thế cho biện pháp tạm giam do Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát áp dụng đối với bị can để bảo đảm sự có mặt của họ theo giấy triệu tập. Trường hợp bị can chấp hành đầy đủ nghĩa vụ đã cam đoan thì cơ quan tiến hành tố tụng có nghĩa vụ trả lại cho họ số tiền hoặc tài sản mà họ đã đặt.

2.2. Thực tiễn bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự ở nước ta hiện nay

2.2.1. Khái quát tình hình tội phạm

Trong những năm qua, tình hình tội phạm xảy ra ở nước ta diễn biến phức tạp, một số loại tội phạm có chiều hướng gia tăng, nổi lên một số tội phạm như: các tội phạm xâm phạm an ninh quốc gia; tội phạm có tổ chức, tội phạm có yếu tố nước

ngoài; tội phạm về ma túy; tội phạm về môi trường; tội phạm chống người thi hành công vụ; tội phạm sử dụng công nghệ cao...đáng chú ý ở nhiều vụ có nhiều đối tượng tham gia, hoạt động phạm tội xuyên quốc gia, phương thức, thủ đoạn mới gây nhiều khó khăn cho công tác đấu tranh của các lực lượng chức năng.

Trong lĩnh vực an ninh quốc gia, các thế lực thù địch bên ngoài câu kết chặt chẽ với các đối tượng phản động trong nước, không ngừng tổ chức các chiến dịch tuyên truyền, chống phá Việt Nam trên các lĩnh vực "dân chủ", "nhân quyền". Chúng phê phán, bôi nhọ Chủ nghĩa Mác - Lê Nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, phủ nhận các giá trị của Chủ nghĩa xã hội và Công cuộc đổi mới ở nước ta do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo. Chúng tuyên truyền lối sống tự do, thực dụng "kiểu phương Tây"; kích động chống phá Đảng, Nhà nước, phá hoại khối đại đoàn kết dân tộc, thúc đẩy các đối tượng trong nước có những hành vi vi phạm pháp luật. Chúng kích động đòi đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập, tự do báo chí, tự do ngôn luận, đưa các vấn đề "dân chủ", "nhân quyền" làm khâu quan trọng để chống phá Việt Nam trên nhiều mặt; lôi kéo số cán bộ thoái hóa, biến chất, số đối tượng cơ hội chính trị, bất mãn, thúc đẩy hình thành nhân tố chống đối từ bên trong; can thiệp, gây sức ép vu cáo ta trấn áp những người bất đồng chính kiến, thanh trừng nội bộ, vi phạm nhân quyền và đòi trả tự do cho những "tù nhân chính trị".

Tội phạm có tổ chức, băng ổ nhóm hoạt động theo kiểu "xã hội đen"; tội phạm có yếu tố nước ngoài; tội phạm sử dụng vũ khí nóng và vũ khí tự tạo để gây án; tội phạm liên quan đến các hoạt động đòi nợ thuê, nhất là liên quan đến "tín dụng đen" xảy ra ở nhiều nơi, diễn biến rất nghiêm trọng và phức tạp. Hành vi phạm tội ngày càng có tính chất nguy hiểm, côn đồ, liều lĩnh, hũng hãn với cường độ ngày càng quyết liệt hơn, các vụ sử dụng vật liệu nổ để gây án nhằm mục đích đe dọa, trả thù cá nhân, cướp tài sản có xu hướng gia tăng, đã có một số vụ nhằm vào lãnh đạo chính quyền, Công an địa phương.

Tội phạm giết người có chiều hướng gia tăng, tính chất đặc biệt nghiêm trọng, phức tạp hơn nhất là giết người thân hoặc giết người trả thù có tính chất rất dã man, tàn bạo và và rất quyết liệt trong việc tước đoạt tính mạng người khác, một số vụ giết nhiều người đã xảy ra ở một số địa phương như Nghệ An, Yên Bái, Bình Phước...

Tội phạm kinh tế, tham nhũng diễn ra rất phức tạp, nghiêm trọng, đáng lo

ngại ở các ngành, lĩnh vực kinh tế trọng điểm như tài chính, ngân hàng gây thất thoát rất lớn tài sản của Nhà nước và làm mất lòng tin của nhân dân đối với Đảng và Nhà nước; trong những năm qua đã phát hiện nhiều vụ án lớn trong quản lý kinh tế, tài chính của một số tập đoàn, tổng công ty nhà nước, ngân hành gây thiệt hại số lượng đặc biệt lớn về tài sản của Nhà nước. Tội phạm về tham nhũng còn nhiều tiềm ẩn và chủ yếu vi phạm trong triển khai các dự án, cấp phát vốn, cấp phép xây dựng, quản lý đất đai... ảnh hưởng xấu đến môi trường đầu tư phát triển kinh tế của đất nước. Hoạt động của tội phạm về buôn lậu, gian lận thương mại, trốn thuế có xu hướng gia tăng nhất là buôn lậu vàng, ngoại tệ, buôn bán quặng, khoáng sản trái phép qua biên giới.

Tội phạm về ma túy hoạt động mở rộng hơn về tuyến, đa dạng địa bàn và diện đối tượng, hoạt động ngày càng tinh vi và manh động, sẵn sàng nổ súng để chống trả, chống trả quyết liệt khi bị phát hiện, truy bắt. Các đường dây lớn buôn bán, vận chuyển trái phép tiếp tục hoạt động trên các tuyến, địa bàn trọn điểm: Tây Bắc, Bắc miền Trung, biên giới Việt - Lào, tuyến cảng hàng không quốc tế Nội Bài, Tân Sơn Nhất; xu hướng buôn bán, vận chuyển với số lượng ngày càng lớn với hàng trăm bánh Heroin, hàng chục kilogram ma túy tổng hợp, hàng trăm kilogram ma túy đá; việc tái trồng cây có chứa chất ma túy tại vùng sâu, vùng xa, khu vực biên giới có nguy cơ bùng phát phức tạp hơn.

Tội phạm chống người thi hành công vụ có xu hướng gia tăng, nhất là chống lại lực lượng Công an nhân dân trong khi thi hành công vụ, kể cả một số đối tượng khi bị truy bắt đã sử dụng vũ khí chống trả quyết liệt đối với lực lượng thi hành lệnh bắt.

Hoạt động của các loại tội phạm có sự đan xen, liên kết giữa tội phạm hình sự, kinh tế, ma túy; đối tượng phạm tội về hình sự có xu hướng trẻ hóa, chủ yếu trong độ tuổi thanh thiếu niên hoặc chưa có tiền án, tiền sự; gây án có tính chất bột phát có xu hướng gia tăng, tính chất tội phạm ngày càng nghiêm trọng hơn, hoạt động với cường độ quyết liệt hơn, manh động và bạo lực hơn. Nhóm tội phạm có nguyên nhân xã hội có chiều hướng gia tăng hơn, phản ánh những vấn đề đáng báo động về sự xuống cấp của đạo đức xã hội.

Nguyên nhân của tình hình tội phạm diễn biến phức tạp, xu hướng tăng cao bởi: suy thoái và bất ổn kinh tế làm cho số lượng người mất việc làm tăng cao, đời

sống của bộ phận người lao động không đảm bảo. Sự đổ vỡ hàng loạt các vụ việc "tín dụng đen" làm ảnh hưởng tới trật tự an toàn xã hội, phát sinh nhiều vụ án xâm phạm tính mạng sức khỏe của con người. Một số chuẩn mực đạo đức bị xuống cấp, đặc biệt là lớp trẻ hiện đang bị "đầu độc" bởi quá nhiều thứ văn hóa nghe nhìn, giải trí có nội dung kích động, bạo lực trên internet, game online...Bên cạnh đó, ma túy tổng hợp gây ảo giác mạnh cũng là nguyên nhân khiến gia tăng các vụ trọng án. Một số nơi hoạt động của băng nhóm tội phạm có dấu hiệu "bảo kê" của cán bộ chính quyền cơ sở. Hoạt động quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, tập đoàn kinh tế nhà nước, quản lý trong lĩnh vực khai thác khoáng sản, tài chính, ngân hàng, công nghệ thông tin, xuất nhập cảnh và hoạt động quản lý kinh doanh tại biên giới, cửa khẩu còn yếu kém. Công tác đảm bảo an ninh mạng còn nhiều hạn chế, nhiều lỗ hổng bảo mật trong tổ chức, doanh nghiệp bị các đối tượng khai thác, đánh cắp thông tin. Phong trào đấu tranh phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật của cộng đồng dân cư ở nhiều nơi còn yếu, trước những hành vi bạo lực, trái pháp luật thì người dân còn thờ ơ, né tránh không dám ngăn chặn, đấu tranh.

2.2.2. Thực trạng việc bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự ở nước ta hiện nay

2.2.2.1. Thực trạng khởi tố vụ án, khởi tố bị can

Bảng 2.1: Tình hình khởi tố, điều tra tội phạm của Cơ quan điều tra trên phạm vi toàn quốc từ năm 2010 đến năm 2015

Năm	2010	2011	2012	2013	2014	2015
Số vụ khởi tố mới	*62.746*	*70.411*	*74.389*	*76.326*	*77.500*	*76.326*
Số bị can khởi tố mới	*97.000*	*112.367*	*120.993*	*122.641*	*119.572*	*106.889*

(Nguồn: Số liệu do Cục thống kê tội phạm và công nghệ thông tin,Viện kiểm sát nhân dân tối cao cung cấp)

Tổng hợp thống kê báo cáo của Bộ Công an, từ năm 2010 đến năm 2015, các cơ quan điều tra trong Công an nhân dân và các cơ quan khác trong Công an nhân dân được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra đã khởi tố 538.458 vụ án hình sự, với 822.879 bị can, chiếm gần 99% số lượng vụ án hình sự và trên 99% số bị can bị khởi tố trong toàn quốc.

Từ năm 2010 đến năm 2015, Cơ quan điều tra đề nghị Viện kiểm sát các cấp truy tố 397.043 vụ án/711.804 bị can; Viện kiểm sát các cấp quyết định truy tố 376.032 vụ án/667.119 bị can (chiếm 94% số vụ, 94% số bị can đề nghị truy tố).

2.2.2.2. Thực trạng đình chỉ điều tra, tạm đình chỉ điều tra

Từ năm 2010 đến năm 2015, Viện kiểm sát các cấp đã đình chỉ điều tra, tạm đình chỉ điều tra, trả hồ sơ để điều tra bổ sung cụ thể như sau:

- Viện kiểm sát các cấp đình chỉ điều tra đối với 2.799 vụ án; 5.425 bị can (chiếm 1,4% số vụ án, 0,8% số bị can Cơ quan điều tra đề nghị truy tố).

Bảng 2.2: Số vụ án, bị can được Viện kiểm sát các cấp đình chỉ điều tra từ năm 2010 đến năm 2015

Năm	2010	2011	2012 - 2014	2015
Số vụ	*475*	*562*	*1382*	*380*
Số bị can	*930*	*1305*	*2599*	*591*

(Nguồn: Số liệu do Cục thống kê tội phạm và công nghệ thông tin,Viện kiểm sát nhân dân tối cao cung cấp)

- Viện kiểm sát các cấp tạm đình chỉ điều tra đối với 735 vụ án; 1.285 bị can (chiếm 0,2% số vụ án, 0,2% số bị can Cơ quan điều tra đề nghị truy tố).

Bảng 2.3: Số vụ án, bị can được Viện kiểm sát các cấp tạm đình chỉ điều tra từ năm 2010 đến năm 2015

Năm	2010	2011	2012 - 2014	2015
Số vụ án	*100*	*106*	*249*	*280*
Số bị can	*196*	*206*	*472*	*411*

(Nguồn: Số liệu do Cục thống kê tội phạm và công nghệ thông tin,Viện kiểm sát nhân dân tối cao cung cấp)

- Viện kiểm sát các cấp trả hồ sơ để Cơ quan điều tra điều tra bổ sung đối với 8.535 vụ án; 17.905 bị can (chiếm 2,2% số vụ án, 2,3% số bị can Cơ quan điều tra đề nghị truy tố); riêng sáu tháng đầu năm 2016, Viện kiểm sát các cấp trả hồ sơ để điều tra bổ sung 1.199 vụ án (chiếm 3,2% số vụ Cơ quan điều tra chuyển Viện kiểm

sát đề nghị truy tố).

Từ năm 2010 đến năm 2015, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên không phạm tội đối với 108 bị cáo (năm 2010-2011: 24 trường hợp, năm 2012-2014: 45 trường hợp, năm 2015: 39 trường hợp); Tòa án cấp phúc thẩm tuyên 10 bị cáo không phạm tội.

Theo số liệu của Bộ Công an, giai đoạn 2010-2015, Cơ quan điều tra trong Công an nhân dân tạm đình chỉ điều tra 54.678 vụ án/20.479 bị can, trong đó: tạm đình chỉ do chưa xác định được bị can: 34.422 vụ án(chiếm 63% số vụ án tạm đình chỉ); tạm đình chỉ do chưa biết bị can đang ở đâu: 18.438 vụ án/18.667 bị can (chiếm 34% vụ án, 91% bị can so với số vụ án/bị can tạm đình chỉ); tạm đình chỉ do hết thời hạn điều tra chưa có kết luận giám định: 1.011 vụ án/1.351 bị can (chiếm 3% vụ án, 8% bị can tạm đình chỉ).

Bảng 2.4: Tình hình đình chỉ điều tra vụ án, bị can từ năm 2010 đến năm 2015 do Cơ quan điều tra trong Công an nhân dân thực hiện

Năm	2010	2011	2012	2013	2014	2015
Số vụ án đình chỉ điều tra	*1.608*	*1.557*	*1.517*	*1.217*	*1.889*	*11.807*
Số bị can đình chỉ điều tra	*2.055*	*2.077*	*1.931*	*1.034*	*2.088*	*2.461*
Đình chỉ điều tra do không có sự việc phạm tội và hành vi không cấu thành tội phạm (trường hợp)	*47*	*64*	*40*	*56*	*19*	*35*
Đình chỉ điều tra do không chứng minh được bị can thực hiện tội phạm	*02*	*24*	*23*	*17*	*35*	*34*
Miễn trách nhiệm hình sự	-	-	*291*	*354*	*255*	*135*

(Nguồn: Cục C44 Bộ Công an)

2.2.2.4. Thực trạng áp dụng các biện pháp ngăn chặn

Bảng 2.5: Viện kiểm sát không phê chuẩn lệnh bắt, tạm giam, gia hạn, hủy bỏ và thay đổi biện pháp ngăn chặn từ tạm giam sang biện pháp khác từ năm 2010 đến năm 2015

Năm	2010	2011	2012	2013	2014	2015
Tổng số trường hợp Cơ quan điều tra ra lệnh bắt để tạm giam	*17.415*	*20.659*	*21.192*	*18.764*	*17.423*	*19.129*
Viện kiểm sát không phê chuẩn lệnh bắt để tạm giam	*225*	*250*	*220*	*213*	*164*	*125*
Viện kiểm sát không phê chuẩn gia hạn tạm giam	*14*	*88*	*36*	*16*	*16*	*11*
Viện kiểm sát hủy bỏ tạm giam do không cần thiết	*1.457*	*1.274*	*1.853*	*1.850*	*1.220*	*529*
Viện kiểm sát thay đổi biện pháp ngăn chặn từ tạm giam sang biện pháp khác	*6.896*	*6.460*	*7.620*	*5.816*	*5.428*	*4.317*

(Nguồn: Cục C44 Bộ Công an)

Từ năm 2010 đến năm 2015, Cơ quan điều tra ra lệnh bắt tạm giam 114.582 trường hợp; Viện kiểm sát phê chuẩn lệnh băt, tạm giam 113.385 trường hợp (chiếm 99% số lệnh bắt bị can để tạm giam).

Cũng trong giai đoạn 2010-2015, thay đổi biện pháp ngăn chặn từ tạm giam sang biện pháp ngăn chặn khác là 36.531 trường hợp (chiếm 32% số Viện kiểm sát phê chuẩn lệnh băt, tạm giam); trong đó: cấm đi khỏi nơi cư trú 26.759 trường hợp (chiếm 73%); bảo lĩnh: 9.023 trường hợp (chiếm 25%); đặt tiền hoặc tài sản có giá trị để bảo đảm: 749 trường hợp (chiếm 2%). Sau khi áp dụng thay đổi biện pháp ngăn chặn khác có 8.496 trường hợp bỏ trốn phải ra quyết định truy nã (chiếm 23% số thay đổi biện pháp ngăn chặn), trong đó đã bắt lại 5.488 trường hợp, còn 3.008 bị can chưa bắt lại được.

Trong sáu tháng đầu năm 2016, Viện kiểm sát các cấp không phê chuẩn lệnh tạm giam và lệnh bắt bị can để tạm giam 204 trường hợp, không gia hạn tạm giam 08 bị can, yêu cầu Cơ quan điều tra băt bị can để tạm giam 32 bị can.

2.2.2.4. Thực trạng cơ sở vật chất trại tạm giam, nhà tạm giữ và công tác quản lý giam giữ

Hiện tại, toàn quốc có 83 trại tạm giam (trong Công an nhân dân có 70 trại tạm giam, trong Quân đội nhân dân có 13 trại tạm giam), các trại tạm giam có quy mô giam giữ từ 160 đến 5000 chỗ giam giữ với tổng quy mô là 60.000 chỗ giam giữ. Cả nước có 740 nhà tạm giữ (trong Công an nhân dân có 706 nhà tạm giữ, trong Quân đội nhân dân có 34 nhà tạm giữ) và 224 buồng tạm giữ thuộc các đồn biên phòng ở nơi biên giới, hải đảo xa trung tâm hành chính cấp huyện với tổng quy mô là 44.000 chỗ giam giữ. Từ năm 2010 đến năm 2015 các trại tam giam, nhà tạm giữ tiếp nhận 822.368 lượt người, trong đó tạm giữ 283.374 đối tượng; tạm giam 538.944 đối tượng; đang trực tiếp quản lý giam giữ 47.827 người bị tạm giam, 1.019 người bị tạm giữ; trong đó có 221 người mang quốc tịch nước ngoài.

Giai đoạn từ 2010-2015, có 5.618 trường hợp quá hạn giam giữ, trọng đó 635 trường hợp quá hạn tạm giữ, 4.984 trường hợp quá hạn tạm giam (trách nhiệm của Cơ quan điều tra để quá hạn 495 trường hợp; Viện kiểm sát để quá hạn 189 trường hợp; Tòa án để quá hạn 4.300 trường hợp). Cùng giai đoạn có 349 người bị giam giữ bỏ trốn (22 người bị tạm giữ, 327 người bị tạm giam).

Từ năm 2010 đến năm 2015, có 1.133 người bị giam giữ chết, trong đó chết do tự sát là 197 người (175 trường hợp chết do treo cổ tự sát); chết do bị các đối tượng cùng buồng giam, giữ đánh là 16 người; chết do bệnh lý là 920 người. Sáu tháng đầu năm 2016 có 72 người bị giam giữ bị chết trong nhà tạm giữ, trại tạm giam (16 người chết do tự sát, 56 người chết do bệnh lý hoặc nguyên nhân khác). Cùng giai đoạn có 267 trường hợp người bị tạm giam phạm tội mới, chủ yếu là trốn, cố ý gây thương tích, giết người…

2.2.3. Nhận xét và đánh giá

2.2.3.1. Ưu điểm

Pháp luật tố tụng hình sự nước ta, đặc biệt là Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 quy định rất cụ thể, chặt chẽ trình tự, thủ tục tố tụng trong giải quyết vụ án hình sự để bảo đảm cho việc điều tra tội phạm khách quan, chính xác, bảo đảm quyền con người nói chung, quyền con người của bị can nói riêng.

Việc bảo đảm tốt quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự ở nước ta thời gian qua cơ bản đạt được những kết quả tốt, được nhân dân

ủng hộ, tin tưởng, các nước và tổ chức quốc tế về quyền con người đánh giá cao. Việc thực hiện tốt các bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự ở nước ta hiện nay thể hiện trên một số nội dung cơ bản như sau:

- Việc áp dụng các biện pháp bắt, tạm giữ, tạm giam được tiến hành thận trọng, khắc phục một bước quan trọng việc lạm dụng bắt, tạm giam không cần thiết;

- Việc bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của bị can được chú trọng; bảo đảm quyền có người bào chữa của bị can, tạo điều kiện thuận lợi hơn cho người bào chữa tham gia trong giai đoạn điều tra. Các luật sư tham gia bào chữa cơ bản tuân thủ đúng quy định của pháp luật;

- Việc bảo đảm thời hạn giải quyết vụ án được chú trọng, hạn chế tối đa số vụ án quá thời hạn; tình trạng quá hạn tạm giam được khắc phục. Tình trạng tồn đọng án trong các giai đoạn tố tụng về cơ bản đã được giải quyết;

- Chất lượng công tác điều tra, xử lý các loại tội phạm có chuyển biến tốt hơn, nhiều vụ án đặc biệt nghiêm trọng, dư luận quan tâm được phát hiện, điều tra và xử lý kịp thời; tỷ lệ án kết thúc điều tra tăng lên rõ rệt, đạt trên 80%. Chất lượng điều tra của các cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra từng bước được nâng cao, kịp thời phát hiện tội phạm trong lĩnh vực được giao quản lý;

- Công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động điều tra được chú trọng. Viện kiểm sát các cấp đề cao trách nhiệm, phối hợp chặt chẽ với Cơ quan điều tra ngay từ đầu, chủ động đề ra yêu cầu điều tra đối với nhiều vụ án, bảo đảm việc điều tra có căn cứ, đúng pháp luật. Số vụ kết thúc điều tra chuyển Viện kiểm sát truy tố đạt tỷ lệ cao. Việc đình chỉ, tạm đình chỉ điều tra, vụ án, bị can bảo đảm có căn cứ, đúng pháp luật; những trường hợp phải đình chỉ vụ án, bị can do hành vi không cấu thành tội phạm, hết thời hạn điều tra không chứng minh được tội phạm giảm nhiều qua các năm. Tỷ lệ trả hồ sơ để điều tra bổ sung giảm, số vụ án trả để điều tra bổ sung vì những lý do không xác đáng, trả đi trả lại nhiều lần ngày càng giảm.

- Do có sự chuẩn bị trước cả về đội ngũ cán bộ, cơ sở vật chất và sự hỗ trợ của cơ quan tiến hành tố tụng cấp trên nên nhìn chung các cơ quan tư pháp cấp huyện được tăng thẩm quyền mới theo Điều 170 Bộ luật tố tụng hình sự đều đảm trách tốt nhiệm vụ được giao.

- Công tác giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo trong hoạt động tư pháp có chuyển biến tích cực. Việc tiếp nhận, giải quyết đơn thư, kiểm sát việc giải quyết đơn thư về cơ bản bảo đảm chặt chẽ, đúng thời hạn, thẩm quyền; hạn chế tình trạng khiếu nại, tố cáo kéo dài, bức xúc hoặc khiếu kiện vượt cấp.

- Trong thời gian qua, các trại giam, nhà tạm giữ trong toàn quốc đã cơ bản thực hiện đúng Nghị định số 89/1998/NĐ-CP ngày 17/11/1998, Nghị định số 98/2002/NĐ-CP ngày 27/11/2002 và Nghị định số 09/2011/NĐ-CP ngày 25/11/2011 của Chính phủ về Quy chế tạm giữ, tạm giam và các thông tư liên tịch, thông tư hướng dẫn. Bị can đưa vào trại tạm giam cơ bản thực hiện đúng lệnh, kiểm tra sức khỏe... góp phần tích cực phục vụ có hiệu quả công tác điều tra, bảo đảm quyền con người của bị can.

2.2.3.2. Bất cập, hạn chế

- Từ năm 2010 đến năm 2015, Viện kiểm sát đã hủy 394 quyết định khởi tố vụ án và 1.322 quyết định khởi tố bị can của Cơ quan điều tra các cấp; trong 6 tháng đầu năm 2016, Viện kiểm sát đã yêu cầu Cơ quan điều tra các cấp khởi tố 226 bị can, quyết định hủy bỏ 199 quyết định khởi tố bị can. Số các trường hợp này có chiều hướng gia tăng, năm sau cao hơn năm trước. Các trường hợp Viện kiểm sát hủy quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can của Cơ quan điều tra chủ yếu do Cơ quan điều tra áp dụng pháp luật chưa đúng, áp dụng căn cứ khởi tố sai.

- Viện kiểm sát nghiên cứu hồ sơ, xét quyết định khởi tố bị can đối với một số trường hợp còn kéo dài, chưa kịp thời đáp ứng công tác điều tra, xử lý tội phạm và ảnh hưởng đến quyền con người, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, điển hình là vụ Nguyễn Thị Hà (Đà Nẵng) bị khởi tố về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, 10 tháng sau Viện kiểm sát mới ra quyết định hủy bỏ Quyết định khởi tố bị can; vụ Nguyễn Thị Ánh Hồng phạm tội vận chuyển, buôn bán hàng cấm khởi tố ngày 08/10/2014 đến ngày 09/3/2016 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trang mới phê chuẩn Quyết định khởi tố bị can; vụ Trần Xuân Thọ cố ý gây thương tích, Công an thị xã Ninh Hòa, Khánh Hòa khởi tố ngày 26/01/2015 nhưng đến ngày 23/3/2016

Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa mới ra quyết định phê chuẩn Quyết định khởi tố bị can đối với Trần Xuân Thọ...

- Tình trạng bức cung, dụ cung, dùng nhục hình trong hoạt động điều tra vẫn còn xảy ra ở một số địa phương, vi phạm pháp luật nghiêm trọng, xâm phạm đến quyền con người, quyền công dân của người bị tình nghi thực hiện hành vi phạm tội, có trường hợp gây hậu quả nghiêm trọng dẫn đến chết người, gây bức xúc trong dư luận, có trường hợp là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến oan, sai. Thực tiễn cho thấy, trong các vụ án bị cáo bị kết tội oan thì ở mức độ nhiều hay ít thì họ đều bị truy bức hoặc dùng nhục hình để buộc phải nhận tội. Theo số liệu thống kê từ năm 2010 đến năm 2015, có 46 đơn tố cáo về bức cung, nhục hình trong hoạt động điều tra, trong đó đã giải quyết 40 đơn. Cơ quan điều tra Viện kiểm sát nhân dân tối cao đã khởi tố 26 vụ/40 bị can về các tội xâm phạm hoạt động tư pháp (quy định tại Chương XXII Bộ luật hình sự), trong đó 12 vụ/26 bị can nguyên là cán bộ, Điều tra viên Cơ quan điều tra trong Công an nhân dân bị Cơ quan điều tra Viện kiểm sát nhân dân tối cao khởi tố về tội dùng nhục hình; có 01 trường hợp bị khởi tố về tội bức cung; Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an khởi tố điều tra 03 vụ/05 bị can, Công an thành phố Hà Nội khởi tố điều tra 01 vụ/07 bị của Công an huyện Thạch Thất đánh chết người. Đáng lưu ý, xảy ra một số vụ dùng nhục hình gây hậu quả nghiêm trọng, làm chết người, gây bức xúc trong dư luận như các vụ: Điều tra viên (Công an Sóc Trăng) đã dùng nhục hình ép bị can Trần Văn Đở và 06 bị can khác phải khai theo ý chí của mình là đồng phạm trong vụ giết người, cướp tài sản dẫn đến việc khởi tố, bắt giam oan 07 người; 05 Công an ở Tuy Hòa (Phú Yên) dùng nhục hình dẫn đến cái chết của Ngô Thanh Kiều. Điều tra viên (Công an Bắc Giang) nhục hình nghiêm trọng đối với bị can Nguyễn Thị Nguyệt Nga. Cả ba vụ nhục hình trên đều được khởi tố, điều tra xử lý hình sự. Có nơi Điều tra viên còn mớm cung khi hỏi cung bị can. Chẳng hạn, Điều tra viên đã mớm cung bị can Nguyễn Toàn Thắng (Bình Phước) bị khởi tố về tội hiếp dâm trẻ em, "nếu nhận tội thì sẽ cho về thi tốt nghiệp phổ thông và đại học" trong khi kết luận giám định và các tài liệu khác không đủ căn cứ buộc tội. Thực tế cho thấy, các hành vi bức cung, dùng nhục hình thường diễn ra khi lấy lời khai mà bị can không nhận tội. Việc tố giác bức cung, nhục hình và việc điều tra chứng minh việc bức cung, dùng nhục hình thường gặp khó khăn do hành vi phạm tội xảy ra tại địa điểm, bối cảnh đặc biệt, khép kín,

chỉ có người lấy lời khai và người bị tình nghi phạm tội. Nhiều trường hợp khi ra tòa bị cáo mới khai bị bức cung, nhục hình hoặc khi người bị tạm giữ chết và có tố cáo gay gắt thì mới được phát hiện.

- Có tình trạng lạm dụng biện pháp tạm giam. Nhiều trường hợp tạm giam không có căn cứ, việc xác định căn cứ và sự cần thiết phải tạm giam chưa chính xác. Nhiều trường hợp, căn cứ tạm giam chưa được thể hiện cụ thể. Trong quá trình điều tra vụ án, khi đề nghị Viện kiểm sát phê chuẩn quyết định tạm giam, đa số các trường hợp trong công văn yêu cầu đều ghi căn cứ chung chung như "để đảm bảo cho công tác điều tra, xử lý", "thấy rằng cần thiết phải tạm giam bị can, không để bị can trốn", "không để bị can tiếp tục phạm tội"... mà ít đưa ra được những căn cứ cụ thể. Từ năm 2010 đến năm 2015, Viện kiểm sát các cấp không phê chuẩn lệnh bắt bị can để tạm giam 1.1.97 trường hợp (chiếm 1% tổng số lệnh bắt bị can để tạm giam) do thiếu căn cứ hoặc không cần thiết phải bắt bị can để tạm giam hoặc chuyển từ tạm giữ sang tạm giam đối với 548 trường hợp; có 545 người bị tạm giam sau đó chuyển xử lý hành chính do hành vi không cấu thành tội phạm. Đáng lưu ý, tình trạng tạm giam bị can về tội ít nghiêm trọng, tội nghiêm trọng còn nhiều, nhất là các bị can có hành vi phạm tội đánh bạc với số tiền nhỏ, gây thương tích nhẹ, vi phạm các quy định về an toàn giao thông... Có nhiều trường hợp quá tạm giam còn xảy ra, kéo dài do hồ sơ điều tra thiếu nhiều chứng cứ. Trong các vụ, hồ sơ bị can, bị cáo bị tạm giam phải kéo dài thời hạn tạm giam do phải xin ý kiến đường lối xử lý của các cơ quan tiến hành tố tụng các cấp. Việc quá thời hạn tạm giam gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến cuộc sống và tâm lý của người giam giữ. Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát đều có trách nhiệm vì sự vi phạm giam, giữ người quá thời hạn quy định trong giai đoạn điều tra các vụ án hình sự.

Bảng 2.6: Số trường hợp quá hạn tạm giam trên phạm vi cả nước từ năm 2010 đến năm 2014

Năm	Quá hạn tạm giam	Thuộc trách nhiệm của Cơ quan điều tra	Thuộc trách nhiệm của Viện kiểm sát
2010	*1399*	*242*	*38*
2011	*822*	*85*	*05*
2012	*387*	*58*	*53*
2013	*1051*	*15*	*21*
2014	*1324*	*95*	*72*

(Nguồn: Báo cáo của C44 - Bộ Công an về tổng kết công tác bắt, giam giữ, điều tra, xử lý tội phạm từ năm 2007 đến hết năm 2014)

Một số trường hợp bị can mắc bệnh tâm thần, phải chữa bệnh bắt buộc nên đã được tạm đình chỉ điều tra nhưng Cơ quan điều tra không đề nghị hủy bỏ ngay biện pháp tạm giam mà tiếp tục giam họ cho đến khi có Quyết định chữa bệnh bắt buộc; đặc biệt, đã xảy ra việc tạm giam người trái pháp luật như vụ Công an thành phố Mỹ Tho, Tiền Giang ra lệnh tạm giam đối với bị can Nguyễn Thanh Huy và Nguyễn Văn Công nhưng không có quyết định phê chuẩn hoặc không phê chuẩn của Viện kiểm sát đối với lệnh tạm giam, sau 4 ngày giam giữ, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Mỹ Tho, Tiền Giang đã trả tự do cho 02 đối tượng trên mà không rõ lý do và căn cứ pháp luật.

- Các biện pháp ngăn chặn không giam giữ như cấm đi khỏi nơi cư trú, bảo lĩnh, đặt tiền hoặc tài sản có giá trị để bảo đảm được áp dụng hạn chế trên thực tế. Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lươc cải cách tư pháp năm 2020 nêu rõ cần đổi mới biện pháp tạm giam, với ba nội dung quan trọng: 1. Xác định rõ căn cứ tạm giam; 2. Hạn chế việc áp dụng biện pháp tạm giam đối với một số loại tội; 3. Thu hẹp đối tượng người có thẩm quyền quyết định việc áp dụng biện pháp tạm giam về hạn chế áp dụng các biện pháp tạm giam. Đây là một trong những chủ trương quan trọng hướng tới việc bảo vệ các quyền con người, quyền tự do dân chủ, quyền công dân. Tuy nhiên, số bị can bị áp dụng các biện

pháp ngăn chặn bảo lĩnh, cấm đi khỏi nơi cư trú chiếm tỷ lệ nhỏ, kém phát huy hiệu quả trong thực tiễn. Ví dụ: Theo số liệu của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà nội, từ năm 2008 đến năm 2013 toàn thành phố Hà Nội có 64.253 bị can bị khởi tố, trong tổng số bị can bị khởi tố thì có tới 68,2% số đó bị tạm giam, số còn lại áp dụng biện pháp thay thế tạm giam như là: cấm đi khỏi nơi cư trú có 18,2 % và các biện pháp khác là 13,4 %, biện pháp đặt tiền hoặc tài sản có giá trị để bảo đảm hầu như không được áp dụng đối với bị can, bị cáo là người Việt Nam. Theo báo cáo số 870 /BC-UBTVQH13 ngày 20/5/2015 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIII về kết quả giám sát về "Tình hình oan, sai trong việc áp dụng pháp luật về hình sự, tố tụng hình sự và việc bồi thường thiệt hại cho người bị oan trong hoạt động tố tụng hình sự theo quy định của pháp luật (từ ngày 01/10/2011 đến ngày 30/9/2014) thì việc quyết định áp dụng biện pháp tạm giam còn nhiều, chiếm tỷ lệ 62,74% tổng số bị can; có nơi tỷ lệ này khá cao như thành phố Mỹ Tho (Tiền Giang) lên tới 90%. Còn để 495 người bị tạm giam sau đó chuyển xử lý hành chính do hành vi không cấu thành tội phạm. Đáng lưu ý, số bị can về "tội ít nghiêm trọng", "tội nghiêm trọng" bị tạm giam còn nhiều, có biểu hiện lạm dụng tạm giam bị can về các tội như đánh bạc với số tiền nhỏ, cố ý gây thương tích nhẹ, vi phạm các quy định về an toàn giao thông; phần lớn số trường hợp này đến khi xét xử được Tòa án cho hưởng án treo. Từ năm 2010 đến năm 2015, có 36.531 trường hợp thay đổi biện pháp ngăn chặn từ tạm giam sang biện pháp ngăn chặn khác còn thấp, chiếm tỉ lệ 32 % tổng số trường hợp Viện kiểm sát phê chuẩn lệnh bắt, tạm giam.

Trong điều kiện tâm lý xã hội ở nước ta hiện nay, khi một người vì lý do nào đó mà bị bắt, tạm giam thì sẽ ảnh hưởng lớn đến uy tín, danh dự và vì vậy rất khó để có thể đạt được hiệu quả trong hoạt động kinh doanh, hoạt động xã hội. Việc quá lạm dụng các biện pháp ngăn chặn tạm giam đối với bị can mà coi nhẹ các biện pháp ngăn chặn khác sẽ gây ra không chỉ hậu quả pháp lý, mà cả hậu quả xã hội không có lợi; ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, đến sự phát triển, tiến bộ của con người.

- Về nguyên tắc, người bị tạm giữ, tạm giam chưa phải là tội phạm nên chế độ tạm giữ, tạm giam khác với chế độ hình phạt tù. Tuy nhiên trên thực tế, buồng tạm giữ, tạm giam chật hẹp, xuống cấp đặc biệt là thiếu ánh sáng, quá tải do số lượng quá nhiều, xảy ra việc người tạm giữ, tạm giam ở cùng buồng và trong đó nơi

vệ sinh không được tách riêng; người thân của người bị bắt chỉ được thăm nuôi 2 lần/tháng (nhiều địa phương áp dụng vào ngày 15 và 30); người bị tạm giữ, tạm giam không được mặc đồ riêng mà mặc đồ như người đang chấp hành hình phạt tù, chưa kể đến hiện tượng "đại ca" xưng danh, bắt nạt lẫn nhau; tạm giữ tạm giam chung người chưa thành niên với người chưa thành niên; xảy ra hiện tượng trốn khỏi nơi giam giữ; số bị can chết trong quá trình giam giữ với nguyên nhân như tự sát, bệnh lý hoặc bị các bị can cùng phòng giam đánh rất cao (riêng sáu tháng đầu năm 2016 đã có 72 trường hợp chết trong nhà tạm giữ, trại tạm giam). Những vi phạm nêu trên cho đến nay vẫn chậm được khắc phục, ảnh hưởng không nhỏ đến sức khỏe, tính mạng của bị can. Đa phần những người bị tam giam, tâm lý chung là họ mong muốn được nhanh đưa đi ra xét xử, được cải tạo hoặc đưa đi chấp hành án trong môi trường có điều kiện tốt hơn. Đó là một thực trạng đòi hỏi những cán bộ thực thi pháp luật phải nhanh chóng thay đổi tư duy, nhận thức và tạo điều kiện về vật chất tốt hơn trong buồng tạm giữ, tạm giam, đối xử bình đẳng hơn với người bị tạm giam, nâng cao chất lượng công tác quản lý giam giữ

- Còn có những vi phạm trong bảo đảm quyền bào chữa của bị can; nhất là quyền được nhờ người khác bào chữa. Vi phạm quyền bào chữa của bị can là vi phạm thủ tục tố tụng nghiêm trọng. Vi phạm này thể hiện cụ thể ở nhiều dạng khác nhau như:

+ Cơ quan tiến hành tố tụng, nhất là Cơ quan điều tra ngại sự có mặt người bào chữa trong quá trình giải quyết vụ án. Vì vậy, còn có những trường hợp gây khó khăn cho người bào chữa trong việc thực hiện nhiệm vụ bào chữa của mình. Các vi phạm phổ biến là gây khó khăn trong việc cấp giấy chứng nhận người bào chữa, trong việc tiếp xúc với bị can, bị cáo, trong việc có mạt trong các cuộc hỏi cung bị can, trong việc nghiên cứu và ghi chép hồ sơ, tài liệu của vụ án;

+ Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát không yêu cầu cử người bào chữa cho bị can người chưa thành niên, cho bị can bị khởi tố, truy tố về tội có khung hình phạt tử hình. Trong nhiều trường hợp, Tòa án lại không coi đó là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng để trả hồ sơ điều tra bổ sung. Sở dĩ như vậy là vì một số Tòa án cho rằng các vi phạm này trong các giai đoạn điều tra, truy tố không phải là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng; một số khác quan niệm rằng chỉ cần Tòa án bảo đảm quyền bào chữa cho bị can, bị cáo là đủ mà không cần trả hồ sơ điều tra bổ sung.

Các quan niệm trên đều không chính xác. Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 (Điều 57) quy định cả Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát và Tòa án đều có trách nhiệm yêu cầu Đoàn luật sư cử người bào chữa cho bị can và người bào chữa có quyền tham gia tố tụng từ khi khởi tố bị can. Vì thế cho nên, việc Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát không yêu cầu Đoàn luật sư phân công Văn phòng luật sư cử người bào chữa cho họ hoặc đề nghị Uỷ ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam, tổ chức thành viên của Uỷ ban cử người bào chữa cho thành viên của mình là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Mặt khác, có những vụ án Cơ quan điều tra có yêu cầu Đoàn luật sư phân công Văn phòng luật sư cử người bào chữa cho họ hoặc đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức thành viên của Mặt trận cử người bào chữa cho thành viên của tổ chức mình nhưng thực tế việc tham gia này chỉ là về mặt hình thức.

- Đội ngũ Luật sư còn thiếu, tính chuyên nghiệp chưa cao; gần 80% vụ án hình sự hiện nay chưa có Luật sư tham gia nên chưa bảo đảm tranh tụng để tránh oan, sai. Sự tham gia tố tụng của người bào chữa có trường hợp gặp khó khăn do người tiến hành tố tụng thực hiện không đúng quy định về cấp Giấy chứng nhận cho người bào chữa. Cơ sở để bào chữa cho bị can, bị cáo chủ yếu vẫn là hồ sơ vụ án của Cơ quan điều tra. Luật sư chỉ định bào chữa cho bị can, bị cáo về tội mà Bộ luật hình sự quy định hình phạt tử hình chất lượng tranh tụng thấp. Có Luật sư vi phạm pháp luật, gây khó khăn cho hoạt động điều tra, truy tố, xét xử.

2.2.4. Nguyên nhân của bất cập, hạn chế

2.2.4.1. *Về hệ thống pháp luật bảo đảm quyền con người trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự*

Có thể nhận thấy các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 về quyền con người, quyền công dân tương đối đầy đủ. Trong Bộ luật tố tụng hình sự hiện hành đã có rất nhiều nguyên tắc thể hiện sự tôn trọng và bảo vệ các quyền con người trong tố tụng hình sự. Dựa trên các nguyên tắc này, trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự, Bộ luật tố tụng hình sự quy định về quyền và lợi ích hợp pháp của bị can. Một số quy định của pháp luật tố tụng hình sự cũng đưa ra các biện pháp nhằm bảo đảm thực hiện các quyền đó như trách nhiệm chứng minh tôi phạm thuộc về cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, quy định thẩm quyền trong giai đoạn điều tra, quy định trách nhiệm đối với cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong trường hợp làm oan sai.

Tuy nhiên một số quy định của Bộ luật tố tụng hình sự vẫn chưa đáp ứng được tốt các yêu cầu về quyền con người của bị can như:

- Địa vị tố tụng của người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng được quy định chưa thật phù hợp làm hạn chế việc bảo vệ quyền con người của bị can.

- Các quy định về việc thực hiện các quyền của người tham gia tố tụng, nhất là quyền của người bào chữa trong giai đoạn điều tra chưa được các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng tôn trọng.

- Các căn cứ áp dụng các biện pháp cưỡng chế tố tụng, nhất là biện pháp ngăn chặn không đầy đủ hoặc không rõ ràng.

- Bất cập trong quy định của Bộ luật tố tụng hình sự về thời hạn điều tra và tạm giam điều tra.

- Các quy định về việc bảo đảm quyền được bồi thường thiệt hại, phục hồi danh dự, quyền lợi của người bị oan sai do người tiến hành tố tụng gây ra trong giai đoạn điều tra chưa đầy đủ, thiếu cơ chế để bảo đảm quyền này trên thực tế.

Khi đánh giá về thực trạng pháp luật tố tụng hiện hành về bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự, có thể thấy chưa hoàn thiện, thiếu đồng bộ và còn nhiều sơ hở...

2.2.4.2. Về trình độ chuyên môn nghiệp vụ của cán bộ trong giai đoạn điều tra còn hạn chế và thiếu hụt về biên chế

Trước tình hình tội phạm ở nước ta hiện nay có nhiều diễn biến phức tạp, một số loại tội phạm có chiều hướng gia tăng, nổi lên một số loại tội phạm như: các tội phạm xâm phạm an ninh quốc gia; tội phạm về ma túy; tội phạm về môi trường; tội phạm tham nhũng; tội phạm về kinh tế; tội phạm mua bán người; tội phạm rửa tiền; tội phạm sử dụng công nghệ cao. đáng chú ý ở nhiều vụ có nhiều đối tượng tham gia, hoạt động có tổ chức, hoạt động phạm tội xuyên quốc gia, với những phương thức thủ đoạn mới gây nhiều khó khăn cho công tác đấu tranh của các lực lượng chức năng. Mục đích đặt ra đối với các hoạt động điều tra là phải tìm ra sự thật khách quan của vụ án. Do vậy, đây là một loại hoạt động đặc biệt quan trọng, đặc thù, phức tạp và khó khắn nên yêu cầu các cơ quan tiến hành tố tụng và những người tiến hành tố tụng phải làm việc bằng lương tâm và trách nhiệm, bên cạnh đó còn phải có nghiệp vụ chuyên ngành, kiến thức pháp luật, kiến thức thực tiễn, đạo đức nghề nghiệp để phát hiện bản chất nội dung vụ án. Tuy nhiên, thực tiễn cho

thấy công tác đấu tranh phòng chống tội phạm vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu của thực tiễn đặt ra.

Quyền con người có được bảo đảm hay không phụ thuộc rất lớn vào trách nhiệm và hoạt động của cơ quan tiến hành tố tụng. Một trong những nguyên nhân dẫn đến hiện tượng khởi tố, tạm giam, bức cung, nhục hình... đối với bị can không đúng thủ tục tố tụng là do trình độ năng lực của một phận cán bộ cơ quan tiến hành tố tụng còn hạn chế, ý thức pháp luật chưa được đề cao. Do nhận thức không đầy đủ về tính chất và vai trò, tầm quan trọng trong thực hiện cac biện pháp điều tra, áp dụng biện pháp ngăn chặn cũng như các quy định của pháp luật về trình tự thủ tục giải quyết các vụ án, làm cho việc vận dụng thiếu chính xác dễ dẫn đến những hoạt động tùy tiện trái pháp luật, xâm hại đến quyền con người của bị can.

Bên cạnh sự hạn chế trên hầu hết các cơ quan tiến hành tố tụng đều chưa có đủ số lượng những người tiến hành tố tụng theo biên chế. Cơ quan điều tra hiện nay thiếu 8.000 Điều tra viên, tình trạng 01 Điều tra viên thụ lý 20 đến 40 vụ án/năm là khá phổ biến, cá biệt có nơi 01 Điều tra viên phải thụ lý 60 vụ án/ năm (Công an quận Bình Tân, Phú Nhuận, quận 10 - thành phố Hồ Chí Minh, Công an thành phố Hà Tĩnh - tỉnh Hà Tĩnh...) Từ đó, những người tiến hành tố tụng phải thường xuyên đối phó với công việc nặng nề, phức tạp, nên một số bộ phận người tiến hành tố tụng không đảm bảo các quy định của pháp luật. Họ thường nhận định theo kinh nghiệm, án lệ, suy diễn mà không đi sâu nghiên cứu bản chất sự việc, có thói quen nhận thức và hành động theo phương châm lấy mục đích biện hộ cho hành vi, do đó có sự sai sót là không thể tránh khỏi.

2.2.4.3. Về cơ sở vật chất, kỹ thuật điều kiện làm việc của các cơ quan tiến hành tố tụng

Nhu cầu về cơ sở vật chất kỹ thuật đối với lĩnh vực này là rất lớn, bên cạnh những nhu cầu thông dụng, trang thiết bị phục vụ cho hoạt động tư pháp còn đòi hỏi vừa hiện đại vừa mang tính đặc chủng. Hầu hết cơ sở vật chất của các cơ quan tiến hành tố tụng đang xuống cấp, trụ sự làm việc thô sơ không bảo đảm cho công việc chuyên môn của người tiến hành tố tụng. Do phòng làm việc còn thiếu nên một phòng làm việc phải bố trí nhiều người, kèm theo các thiết bị còn thiếu để phục vụ cho công việc. Các trang thiết bị đi lại phục vụ cho hoạt động điều tra chưa bảo đảm, hầu hết những người tiến hành tố tụng đi công tác phải sử dụng phương tiện cá nhân.

Khoa học công nghệ không ngừng phát triển cao, các tiến bộ khoa học không ngừng cải tiến nhưng những người tiến hành tố tụng vẫn phải làm việc bằng phương pháp thủ công như đọc và chép, ghi bằng tay, nên có liên quan trực tiếp góp phần ảnh hưởng đến tiến độ giải quyết vụ án hoặc trực tiếp làm phát sinh lý do làm tăng tỷ lệ án tồn đọng.

Hầu hết các trại tạm giam đều quá tải, xuống cấp không đủ đảm bảo được đúng quy chế nhà tạm giữ, tạm giam. Từ đó dẫn đến sự vi phạm quyền con người của bị can như: trại tạm giam quá đông người, không đủ diện tích theo quy định không bảo đảm được nhiệt độ, ánh sáng. Nhiều nơi còn có sự sắp xếp người tạm giữ, tạm giam chung một phòng hay người chưa thành niên chung với người thành niên. Chính những bất cập đó vừa ảnh hưởng đến hiệu lực, hiệu quả hoạt động của cơ quan tiến hành tố tụng, vừa chưa đáp ứng với yêu cầu bảo đảm quyền con người.

2.2.4.4. Về cơ chế phối hợp trong hoạt động của các cơ quan trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự

Trong hệ thống các cơ quan tiến hành tố tụng ở nước ta, Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát là hai cơ quan không thể thiếu được. Mỗi cơ quan có chức năng, nhiệm vụ khác nhau nhưng đều xuất phát từ mục tiêu chung của hệ thống tố tụng hình sự là chủ động phòng ngừa, ngăn chặn tội phạm, phát hiện nhanh chóng, chính xác và xử lí công minh, kịp thời mọi hành vi phạm tội, không bỏ lọt tội phạm, không làm oan người vô tội, góp phần bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, tổ chức, bảo vệ trật tự pháp luật xã hội chủ nghĩa. Để thực hiện được mục tiêu chung đó, tất yếu giữa Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát phải tồn tại trong mối quan hệ chi phối, tác động hỗ trợ lẫn nhau trên cơ sở mục tiêu chung.

Ngoài sự chế ước lẫn nhau, giữa Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát tất yếu tồn tại sự hỗ trợ lẫn nhau mà lý luận tố tụng hình sự gọi là quan hệ phối hợp. Sự phối hợp này sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho cả hai bên hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình. Hoạt động kiểm sát của Viện kiểm sát ngoài mang tính chế ước, nó còn có ý nghĩa tác động bảo đảm giá trị pháp lí cho kết quả hoạt động điều tra của Cơ quan điều tra. Kết quả hoạt động điều tra tốt sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho Viện kiểm sát thực hiện chức năng công tố của mình... Tất nhiên, mối quan hệ phối hợp giữa Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát luôn được thực hiện trên cơ sở pháp lý và nhằm đến mục tiêu chung của hoạt động tố tụng hình sự. Như vậy, giữa Cơ quan điều tra và

Viện kiểm sát luôn tồn tại mối quan hệ chế ước lẫn nhau và phối hợp với nhau trên cơ sở qui định của pháp luật về chức năng nhiệm vụ của mỗi cơ quan và vì mục tiêu tố tụng nói chung.

Qua thực tiễn phối hợp trong hoạt động tư pháp cho thấy: bên cạnh những mặt tích cực, vẫn còn bộc lộ những hạn chế nhất định như: các quy định về sự phối hợp hoạt động giữa các cơ quan tư pháp cũng như giữa các cơ quan tư pháp và cơ quan bổ trợ tư pháp chưa đầy đủ, thiếu chặt chẽ, chưa xác định đầy đủ trách nhiệm giữa các cơ quan trong mối quan hệ này...Cho nên trong hoạt động tố tụng còn có hiện tượng đùn đẩy trách nhiệm giữa các cơ quan tư pháp, sự phối hợp nhiều khi bị biến tướng thành "thoả hiệp". Thậm chí, trong mối quan hệ này còn có sự lạm quyền, vi phạm pháp luật nên chất lượng, hiệu quả hoạt động của các cơ quan tư pháp chưa cao, thiếu sự "tâm phục, khẩu phục" của người tham gia tố tụng nói chung, của bị can nói riêng.

2.2.4.5. Ý thức pháp luật, trình độ hiểu biết pháp luật của nhân dân nói chung của bị can nói riêng còn thấp

Muốn thực hiện tốt quyền của mình thì ngay bản thân những người tham gia tố tụng cần phải có nhận thức nhất định về quyền và nghĩa vụ của mình trong tố tụng hình sự. Đây là vấn đề gặp nhiều vướng mắc hiện nay trong giải quyết các vụ án hình sự. Đại đa số người dân không nắm bắt được các quy định của pháp luật tố tụng hình sự khi tham gia với tư cách bị tình nghi thực hiện tội phạm - bị khởi tố trong vụ án hình sự. Rất nhiều vụ án hình sự không có người bào chữa tham gia để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị can. Trong quá trình điều tra vụ án, một trong những nguyên nhân chính là bị can không biết tầm quan trọng và lợi ích của họ khi có người bào chữa tham gia, do đó họ không mời người bào chữa. Những yếu kém trong nhận thức về pháp luật của bị can là một trong những nguyên nhân dẫn đến sự cẩu thả, tùy tiện, thiếu trách nhiệm trong việc tôn trọng và bảo vệ các quyền của những người tiến hành tố tụng.

Kết luận chương 2

Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 quy định hệ thống những biện pháp điều tra như: khám nghiệm hiện trường, khám xét, hỏi cung bị can, lấy lời khai của người bị hại, lấy lời khai của người làm chứng, đối chất, nhận dạng, thực nghiệm điều tra, trưng

cầu giám định. Đồng thời còn quy định những nguyên tắc chung và trình tự tố tụng tiến hành những hoạt động điều tra đòi hỏi phải được nghiêm chỉnh chấp hành trong thực tiễn. Các biện pháp điều tra trong tố tụng hình sự khi được áp dụng sẽ ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của công dân nên Bộ luật tố tụng hình sự quy định chặt chẽ căn cứ, thẩm quyền, thủ tục áp dụng các biện pháp này để bảo đảm và thúc đẩy quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự.

Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 là cơ sở pháp lý quan trọng cho hoạt động tố tụng trong đấu tranh phòng chống tội phạm. Trong những năm qua, hoạt động đấu tranh phòng chống tội phạm được thực hiện nhìn chung có hiệu quả; các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự về các hoạt động điều tra được chấp hành nghiêm chỉnh và thống nhất; quyền con người của người bị can cơ bản được thực hiện.

Tuy nhiên, từ góc độ bảo đảm quyền con người của bị can, hoạt động điều tra vụ án hình sự những năm qua còn những hạn chế: tỷ lệ người bị bắt, tạm giữ không đủ căn cứ vẫn ở mức cao; việc áp dụng biện pháp tạm giam còn biểu hiện lạm dụng; để xảy ra một số trường hợp quá hạn tạm giam; các biện pháp bảo lĩnh, đặt tiền hoặc tài sản để bảo đảm ít được áp dụng; tình trạng mớm cung, bức cung, nhục hình đối với bị can còn xảy ra; việc cấp giấy chứng nhận người bào chữa còn chưa kịp thời; việc tạm đình chỉ điều tra, tạm đình chỉ vụ án chiếm tỷ lệ không nhỏ... mà nguyên nhân của những hạn chế đó là do: (1) Pháp luật tố tụng hiện hành về bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự, có thể thấy chưa hoàn thiện, thiếu đồng bộ và còn nhiều sơ hở...; (2) Trình độ chuyên môn nghiệp vụ của cán bộ trong giai đoạn điều tra còn hạn chế và thiếu hụt về biên chế; (3) Cơ sở vật chất, kỹ thuật điều kiện làm việc của các cơ quan tiến hành tố tụng không bảo đảm; (4) cơ chế phối hợp trong hoạt động của các cơ quan trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự chưa đầy đủ, thiếu chặt chẽ, chưa xác định đầy đủ trách nhiệm giữa các cơ quan; (5) Ý thức pháp luật, trình độ hiểu biết pháp luật của nhân dân nói chung của bị can nói riêng còn thấp.

Việc phân tích thực trạng pháp luật, nghiên cứu thực tiễn điều tra ở nước ta, tìm ra những bất cập, nguyên nhân của chúng là cơ sở khoa học, thực tiễn quan trọng cho việc nâng cao hiệu quả hoạt động bảo đảm quyền con người bị can trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự ở nước ta thời gian tới cũng như bảo đảm quyền con ngươi trong tố tụng hình sự.

Chương 3
TĂNG CƯỜNG BẢO ĐẢM QUYỀN CON NGƯỜI CỦA BỊ CAN TRONG GIAI ĐOẠN ĐIỀU TRA VỤ ÁN HÌNH SỰ Ở NƯỚC TA HIỆN NAY

3.1. Phương hướng nâng cao bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự ở nước ta hiện nay

Từ sau Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng, sự nghiệp đổi mới do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo đã giành được những thắng lợi quan trọng trên nhiều lĩnh vực. Đời sống chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội của đất nước phát triển và quốc tế đánh giá cao. Nhiều chủ trương, chính sách mới về kinh tế được ban hành, đáp ứng yêu cầu mở cửa, hội nhập kinh tế quốc tế. Trong thời gian tới, tình hình đất nước và bối cảnh quốc tế đòi hỏi chúng ta phải tiếp tục thực hiện công cuộc đổi mới, phát huy sức mạnh của toàn dân tộc, đưa đất nước tiến nhanh và vững chắc theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Chúng ta thực hiện các mục tiêu nói trên trong bối cảnh tình hình trong nước và quốc tế có nhiều thuận lợi, cơ hội lớn đan xen với những khó khăn, thách thức cũng rất lớn.

Thuận lợi cơ bản của tình hình thế giới là cuộc cách mạng khoa học và công nghệ, đặc biệt là sự phát triển của khoa học công nghệ thông tin và công nghệ sinh học, sẽ có tác động rất lớn và tích cực đến việc thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Xu thế toàn cầu hóa sẽ dẫn đến việc tái cơ cấu nền kinh tế thế giới làm cho cuộc đấu tranh về trật tự kinh tế thế giới sẽ diễn ra gay gắt. Các quốc gia đang phát triển như nước ta nếu chủ động được trong tiến trình hội nhập, thì sẽ có cơ hội phát triển nhanh. Chúng ta cần tận dụng tối đa những thuận lợi, cơ hội của xu thế toàn cầu hóa và hội nhập, đồng thời phải hạn chế những mặt trái, tiêu cực do nó gây ra. Thuận lợi lớn nhất của tình hình trong nước là sự ổn định chính trị - xã hội là nền tảng vững chắc tạo ra môi trường thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Bên cạnh đó, sản xuất của chúng ta phát triển với nhịp độ khả quan, hệ thống pháp luật, cơ chế chính sách phù hợp đang phát huy trong đời sống kinh tế, xã hội. Quan hệ chính trị, kinh tế, ngoại giao của nước ta đã được mở rộng và nâng tầm trên trường quốc tế.

Khó khăn lớn nhất là trình độ phát triển kinh tế, trình độ quản lý kinh tế của nước ta còn thấp, chất lượng hiệu quả và sức cạnh tranh còn kém; trình độ công

nghệ nhìn chung còn lạc hậu so với các nước trong khu vực. Lĩnh vực xã hội còn nhiều tồn tại, các tệ nạn xã hội phát triển, nếu không khắc phục sớm, thì sẽ hạn chế lớn đến động lực phát triển.

Xu thế hội nhập kinh tế quốc tế và toàn cầu hóa kinh tế đòi hỏi mỗi quốc gia phải phát triển hệ thống pháp luật phải tương đồng với các nước ASEAN và các nước khác trong khu vực và phù hợp với thông lệ quốc tế. Đây có thể nói là yêu cầu mang tính khách quan, bởi lẽ nếu ta không phát triển hệ thống pháp luật, thì nước ta rất khó hội nhập kinh tế khu vực và thế giới.

Vì những lẽ đó, để phục vụ sự nghiệp đổi mới về kinh tế và thực hiện được các mục tiêu đã đề ra, cần tiến hành đồng bộ các biện pháp, phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, kết hợp giữa sự phát huy nội lực và nhân tố bên ngoài. Trong đó có việc nâng cao hiệu quả bảo vệ quyền con người là yêu cầu mang tính cấp thiết hiện nay.

Các giải pháp nâng cao hiểu quả quyền con người trong tố tụng hình sự nói chung và quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự nói riêng cần đi đúng hướng, cần quán triệt những vấn đề sau:

Thứ nhất, phải thực hiện đúng đường lối, chủ trương của Đảng, bám sát và phục vụ có hiệu quả các nhiệm vụ chính trị trong từng giai đoạn, bảo đảm quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp; phát huy dân chủ, tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, giữ vững bản chất của nhà nước ta là nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân.

Thứ hai, phải ngăn ngừa có hiệu quả và xử lý kịp thời, nghiêm minh các loại tội phạm, nhất là các loại tội xâm phạm an ninh quốc gia, tội phạm về tham nhũng, tội phạm có tổ chức; bảo vệ trật tự, kỷ cương, bảo đảm và tôn trọng quyền dân chủ, quyền và lợi ích hợp pháp của các tổ chức và công dân.

Thứ ba, phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn xã hội tham gia vào công tác tư pháp. Các cơ quan tư pháp phải dựa vào nhân dân để hoạt động, đồng thời phải là lực lượng nòng cốt, là chỗ dựa vững chắc của nhân dân trong đấu tranh phòng, chống tội phạm.

Thứ tư, xây dựng các cơ quan tư pháp trong sạch, vững mạnh, hiện đại, góp phần xây dựng Nhà nước pháp quyền. Để chống oan, sai, các cơ quan tư pháp cần

nâng cao chất lượng hoạt động, đề cao trách nhiệm của các cơ quan và cán bộ tư pháp trong việc áp dụng biện pháp cưỡng chế tố tụng hình sự. Tăng cường công tác kiểm sát bắt, giam, giữ, bảo đảm đúng pháp luật; những trường hợp chưa cần bắt, tạm giam, thì kiên quyết không phê chuẩn lệnh bắt bị can để tạm giam. Xây dựng, cải tạo, sửa chữa trại tạm giam bảo đảm đúng quy định của pháp luật. Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát các cấp phải chịu trách nhiệm về những oan, sai trong việc áp dụng biện pháp cưỡng chế tố tụng hình sự thuộc phạm vi, thẩm quyền của mình.

Tăng cường sự giám sát của Quốc hội, Hội đồng nhân dân, các tổ chức xã hội và của nhân dân đối với công tác tư pháp nói chung, việc áp dụng biện pháp cưỡng chế tố tụng hình sự nói riêng, tập trung vào việc chấp hành pháp luật trong lĩnh vực bắt, tạm giam, chống tra tấn, bức cung, mớm cung. Các cơ quan truyền thông đại chúng cần tích cực tham gia vào cuộc đấu tranh, phòng, chống tội phạm, biểu dương những cán bộ tư pháp dũng cảm đấu tranh, chống tội phạm, bảo vệ công lý, phê phán hành vi tiêu cực, vô trách nhiệm của một số cán bộ trong hoạt động tư pháp nói chung, trong việc áp dụng các biện pháp cưỡng chế tố tụng hình sự nói riêng.

Cải cách tư pháp là một chủ trương đúng đắn, sáng suốt của Đảng ta và đã được sự đồng tình, ủng hộ tích cực của nhân dân. Chính vì vậy, ngày 02/6/2005 Bộ Chính trị đã ra Nghị quyết số 49/NQ- TW về " Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020" nhằm tiếp tục đẩy mạnh hơn nữa việc cải cách tư pháp trong tiến trình xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Kết quả của nó sẽ góp phần làm cho công tác tư pháp có những chuyển biến mạnh mẽ, bảo vệ lợi ích của nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, tổ chức, hạn chế oan, sai trong các quá trình của tố tụng hình sự.

3.2. Giải pháp nâng cao bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự ở nước ta hiện nay

Để bảo đảm tốt hơn quyền con người trong tố tụng hình sự nói chung và quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra nói riêng, tác giả xin đưa ra một số giải pháp sau:

3.2.1. Triển khai thi hành Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Luật tổ chức cơ quan điều tra năm 2015 và Luật thi hành tạm giữ, tạm giam năm 2015

Kỳ họp thứ 10, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII

đã thông qua Luật thi hành tạm giữ, tạm giam số 94/2015/QH13, Luật tổ chức cơ quan điều tra hình sự số 99/2015/QH13 và Bộ luật tố tụng hình sự số 101/2015/QH13. Các đạo luật trên được ban hành đã sửa đổi, bổ sung một cách cơ bản những vướng mắc, khó khăn của pháp luật hiện hành về tố tụng hình sự, tổ chức cơ quan điều tra, tạm giữ, tạm giam; bảo đảm hơn nữa quyền con người trong tố tụng hình sự nói chung quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự nói riêng. Để triển khai thi hành hiệu quả các đạo luật trên, cần khẩn trương thực hiện các nội dung, nhiệm vụ sau:

- Tuyên truyền, phổ biến các đạo luật;

- Tổ chức rà soát văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến tố tụng hình sự, tổ chức cơ quan điều tra hình sự, tạm giữ tạm giam cần sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ để phù hợp với các đạo luật;

- Kiện toàn hệ thống Cơ quan điều tra các cấp;

- Xây dựng văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành các đạo luật; cụ thể như sau:

+ Đối với Bộ luật tố tụng hình sự số 101/2015/QH13: Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết việc thành lập và hoạt động của Hội đồng định giá tài sản; trình tự, thủ tục định giá tài sản; Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết trình tự, thủ tục, mức tiền phải nộp để bảo đảm thi hành án; việc tạm giữ, hoàn trả, nộp ngân sách nhà nước số tiền đã nộp; Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết việc niêm phong, mở niêm phong vật chứng; Thông tư liên tịch Bộ trưởng Bộ Công an, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao và Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định chi tiết trình tự, thủ tục, thời hạn, địa Điểm bị can đọc, ghi chép bản sao tài liệu hoặc tài liệu được số hóa liên quan đến việc buộc tội, gỡ tội hoặc bản sao tài liệu khác liên quan đến việc bào chữa; Thông tư liên tịch của Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành quy định của Bộ luật tố tụng hình sự về tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố; Thông tư liên tịch Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao quy định chi tiết trình tự, thủ tục, mức tiền đặt, việc tạm giữ, hoàn trả, tịch thu, nộp ngân sách nhà nước số tiền đã đặt

để bảo đảm; Thông tư liên tịch Bộ trưởng Bộ Công an, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn về việc thông báo, gửi, cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến người phạm tội; Thông tư liên tịch Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Tài chính, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về Trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng; Thông tư liên tịch Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Chánh án Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn trình tự, thủ tục thực hiện ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh việc hỏi cung bị can; sử dụng, bảo quản, lưu trữ kết quả ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh việc hỏi cung bị can trong quá trình Điều tra, truy tố, xét xử.

+ Đối với Luật tổ chức cơ quan điều tra hình sự số 99/2015/QH13: Nghị định của Chính phủ quy định về đồn Biên phòng ở vùng sâu, vùng xa; Nghị định của Chính phủ quy định chế độ báo cáo về Điều tra hình sự; Thông tư quy định về công tác Điều tra hình sự; các thông tư ban hành Quy chế làm việc của Hội đồng thi tuyển điều tra viên sơ cấp, điều tra viên trung cấp, điều tra viên cao cấp thuộc Công an nhân dân, Quân đội nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân tối cao; các thông tư quy định việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, cấp, thu hồi Giấy chứng nhận Thủ trưởng, Phó thủ trưởng Cơ quan điều tra, điều tra viên, cán bộ điều tra thuộc Công an nhân dân, Quân đội nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

+ Đối với Luật Luật thi hành tạm giữ, tạm giam số 94/2015/QH13: Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều của Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam; Nghị định của Chính phủ quy định xây dựng, thu thập, lưu trữ, xử lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu về thi hành tạm giữ, tạm giam; Bộ Công an tiến hành rà soát, xây dựng, ban hành các Thông tư hướng dẫn thi hành Luật hoặc chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan xây dựng văn bản hướng dẫn Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam.

- Đồng thời, Bộ Công an chủ trì phối hợp với các bộ, ngành liên quan khẩn trương xây dựng và triển khai Đề án về cơ sở vật chất, bộ máy, cán bộ và lộ trình cụ thể thực hiện việc ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh việc hỏi cung bị can theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự và Đề án về cơ sở vật chất, bộ máy, cán bộ và lộ

trình cụ thể thực hiện việc sao chép, số hóa tài liệu trong hồ sơ vụ án hình sự, giám định tư pháp và hoạt động điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án.

3.2.2. Tuân thủ nghiêm các quy định của pháp luật tố tụng hình sự về bảo đảm quyền con người của bị can

Tuân thủ nghiêm các quy định của pháp luật tố tụng hình sự về bảo đảm quyền con người của bị can được tiến hành dưới bốn hình thức: tuân thủ, chấp hành, sử dụng và áp dụng. Tuân thủ là sự kiềm chế của các chủ thể quan hệ pháp luật tố tụng hình sự để không vi phạm các quy định của pháp luật tố tụng hình sự. Chấp hành là sự thực hiện các nghĩa vụ một cách đầy đủ, nghiêm ngặt và thống nhất, bằng những hành vi tích cực của các chủ thể. Sử dụng là sự thực hiện các quyền pháp định của các chủ thể quan hệ pháp luật tố tụng hình sự, các chủ thể phải thực hiện một cách đúng đắn, có nghĩa thực hiện các quyền pháp định trọng phạm vi cho phép của pháp luật. Áp dụng là hoạt động mang tính tổ chức quyền lực của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc cá nhân được nhà nước trao cho quyền nhằm vận dụng các quy định của pháp luật pháp luật tố tụng hình sự cho từng cá nhân, tổ chức trong từng trường hợp cụ thể. Cả bốn hình thức tuân thủ, chấp hành, sử dụng, áp dụng các quy định của pháp luật tố tụng hình sự về bảo vệ quyền con người phụ thuộc rất lớn và trình độ nhận thức, ý thức pháp luật của cơ quan tiến hành tố tụng, những người tiến hành tố tụng hình sự và những người tham gia tố tụng hình sự. Do đó cần áp dụng đồng bộ các biện pháp pháp lý nhằm nâng cao ý thức pháp luật cho họ như; tăng cường tuyên truyền, phổ biến, giải thích và giáo dục pháp luật, đẩy mạnh công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện pháp luật xử lý kịp thời, nghiêm minh nhanh chóng mọi vi phạm.

3.2.3. Tăng cường mối quan hệ phối hợp, chế ước giữa Viện kiểm sát và Cơ quan điều tra trong đấu tranh phòng, chống tội phạm

Tăng cường quan hệ phối hợp giữa các đơn vị thực hành quyền công tố với các đơn vị thực hiện các khâu công tác khác trong ngành. Viện kiểm sát cần phối hợp chặt chẽ với Cơ quan điều tra ngay từ đầu khi có tố giác, tin báo tội phạm, khi có việc bắt giữ, khởi tố và trong suốt quá trình điều tra. Trong quan hệ phối hợp giữa Viện kiểm sát với Cơ quan điều tra cần phải đảm bảo nguyên tắc việc phối hợp được thực hiện trên cơ sở tôn trọng chức năng, nhiệm vụ của mỗi cơ quan theo quy định của pháp luật. Cần chú ý khắc phục hai thái cực, hoặc là quá nhấn mạnh quan

hệ phối hợp mà hạn chế tính độc lập trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mỗi bên hoặc là không chú trọng quan hệ phối hợp dẫn đến tình trạng "quyền anh, quyền tôi", máy móc, cứng nhắc gây khó khăn cho quá trình điều tra của Cơ quan điều tra. Xây dựng mối quan hệ phối hợp tốt trong nội bộ ngành Kiểm sát để phát huy được sức mạnh.

3.2.4. Nâng cao năng lực kiểm sát viên và điều tra viên - thước đo chuẩn mực bảo vệ quyền con người

Có thể khẳng định rằng trong giai đoạn điều tra, Kiểm sát viên và Điều tra viên có vị trí quan trọng trong việc bảo vệ quyền con người của bị can và những người tham gia tố tụng hình sự khác. Do vậy nâng cao năng lực cho kiểm sát viên và điều tra viên trên các mặt: nhận thức vai trò, vị trí của mình trong điều tra vụ án hình sự; trình độ chuyên môn; kiến thức ngoại ngữ, tin học, và kiến thức hiểu biết xã hội là điều kiện tiên quyết, thước đo chuẩn mực trong việc bảo vệ quyền con người cho những người tham gia tố tụng hình sự và bảo vệ quyền con người cho chính bản thân mình.

Để nâng cao chất lượng cán bộ đòi hỏi trước hết kiểm sát viên và điều tra viên phải tự rèn luyện ý thức chính trị. Việc rèn luyện ý thức chính trị luôn phải đi đôi với việc rèn luyện phẩm chất đạo đức của người cán bộ theo tinh thần lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh: "Công minh, chính trực, khách quan, thận trọng, khiêm tốn". Phải kiên quyết hơn nữa trong việc nâng cao ý thức trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp của kiểm sát viên và điều tra viên, đẩy mạnh công tác kiểm tra, hướng dẫn, chấm dứt hiện tượng chủ quan nóng vội trong việc thu thập, đánh giá và sử dụng chứng cứ. Trong hoạt động điều tra, cần chú ý không chỉ thu thập tài liệu chứng cứ buộc tội, mà còn phải thu thập các chứng cứ, tài liệu xác định vô tội; phải coi trọng việc nâng cao trình độ về chính trị, pháp luật nghiệp vụ điều tra, kiểm sát, kiến thức ngành nghề và kiến thức xã hội cần thiết.

Tổ chức tốt việc đào tạo trình độ đại học, bồi dưỡng chứng chỉ nghiệp vụ điều tra, kiểm sát cho đội ngũ kiểm sát viên và điều tra viên. Vấn đề chuẩn hóa đội ngũ kiểm sát viên và điều tra viên theo quy định của pháp luật nhất là việc đào tạo lại đối với số kiểm sát viên và điều tra viên chưa có trình độ đại học theo quy định cũng cần được khẩn trương tiến hành để đảm bảo số lượng cán bộ đạt tiêu chuẩn của pháp luật, đáp ứng yêu cầu công tác điều tra tội phạm trong tình hình mới.

Định kỳ hàng năm tổ chức cuộc thi, kiểm tra chất lượng kiểm sát viên và điều tra viên nhằm đánh giá một cách khách quan toàn diện về thực trạng đội ngũ kiểm sát viên và điều tra viên của các đơn vị địa phương về năng lực pháp luật, nghiệp vụ góp phần nâng cao hiệu quả điều tra và hạn chế đến mức thấp nhất tình trạng oan, sai trong điều tra, bắt, giam giữ không đúng quy định của pháp luật, đồng thời làm cơ sở để xem xét, phân loại thi đua đánh giá kiểm sát viên và điều tra viên đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới, các địa phương nên chủ động xây dựng phối kết hợp với các khoa nghiệp vụ của các cơ sở đào tạo trọng điểm như Học viện Cảnh sát nhân dân, Học viện An ninh nhân dân, Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội.. .tổ chức thi, kiểm tra chất lượng; chú trọng xây dựng các tình huống nghiệp vụ thường gặp hàng ngày và cách xử lý tình huống như: việc tiếp nhận, giải quyết tin báo tố giác, khám nghiệm hiện trường, hoạt động điều tra ban đầu; công tác khám xét, hỏi cung, lấy lời khai, trưng cầu giám định; phát hiện thu thập, củng cố, đánh giá chứng cứ.. .Qua cuộc thi, kiểm tra chất lượng Điều tra viên, Kiểm sát viên có điều kiện đánh giá đúng số cán bộ Điều tra viên, Kiểm sát viên còn hạn chế về pháp luật nghiệp vụ, năng lực để tập trung một lớp bồi dưỡng riêng cho số đó hoặc chuyển công tác.

Tạo điều kiện tốt hơn cơ sở vật chất và trang bị phương tiện làm việc cho đội ngũ Điều tra viên, Kiểm sát viên. Nhìn chung trong điều kiện hiện này, cơ sở vật chất và chế độ hỗ trợ công tác cho Điều tra viên, Kiểm sát viên còn khiêm tốn, nhất là phòng làm việc, bàn ghế phục vụ cho hỏi cung. Thực tế đã chứng minh, bị can rất sợ khi đến những nơi làm việc mà ở đó mọi "cảnh vật" đều uy nghiêm. Từ đó ngay cả cán bộ điều tra và Kiểm sát viên phải làm việc nghiêm túc hơn.

Muốn đạt được điều đó, chúng ta phải xây dựng nhà công vụ khang trang, phòng làm việc phục vụ hoạt động điều tra cũng như phương tiện hỗ trợ công tác điều tra đầy đủ hơn.

3.2.5. Nâng cao ý thức pháp luật cho người dân, đặc biệt là pháp luật về quyền con người

Thực tế cho thấy, một trong những nguyên nhân dẫn đến hành vi vi phạm pháp luật là trình độ hiểu biết pháp luật, ý thức pháp luật, sự tôn trọng pháp luật của một bộ phận nhân dân còn hết sức hạn chế. Trong thời gian qua, việc tuyên truyền pháp luật thông qua các phương tiện thông tin đại chúng và các phương tiện khác đã

đạt được những kết quả nhất định. Tuy nhiên, so với yêu cầu nâng cao trình độ, ý thức pháp luật cho nhân dân thì những kết quả đó vẫn chưa tương xứng. Chính vì vậy, việc nâng cao trình độ pháp luật cho nhân dân theo yêu cầu quản lý nhà nước bằng pháp luật hiện nay là đề cấp thiết.

Để làm tốt công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật cần có sự tìm hiểu về thái độ của người dân đối với pháp luật về quyền con người, họ hiểu pháp luật về quyền con người như thế nào? Pháp luật về quyền con người có vai trò gì trong cuộc sống của họ?... Có thể nói, phần lớn người dân thường cho rằng "pháp luật" là những mệnh lệnh mà người ta cần phải tuân thủ, là hình phạt, là trừng trị... người khác thì cho rằng, pháp luật chỉ là để giải quyết các tranh chấp. Người dân thường chỉ quan tâm tới pháp luật khi bản thân họ phải rơi vào tình thế sự việc miễn cưỡng, lợi ích bị xâm hại. dính líu tới pháp luật (kiện cáo, tranh chấp, bị phạt, bị cưỡng chế.). Bởi vậy, khi tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về quyền con người cần giải thích, phân tích cho người dân hiểu được rằng pháp luật không chỉ bao gồm các quy định cưỡng chế, thực thi pháp luật, biện pháp giải quyết tranh chấp. Pháp luật còn bao gồm các quy định bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân. Pháp luật là một môi trường thuận lợi tạo điều kiện cho con người giao dịch với nhau trong các lĩnh vực của đời sống xã hội, đảm bảo cho các thành viên trong xã hội phụ thuộc và gắn bó với nhau một cách hợp lý.

Ngày nay, quyền con người đã trở thành một quyền cơ bản trong hệ thống luật pháp các quốc gia trên thế giới. Tuy nhiên không phải vì vậy mà mọi công dân đều hiểu biết rõ ràng và đầy đủ về vấn đề này. Tại nước ta cũng vậy, trước tình hình thực tế đang diễn ra đòi hỏi Nhà nước và các cấp chính quyền từ địa phương đến trung ương phải có những biện pháp tuyên truyền tích cực cho mọi người để họ có thể tiếp nhận một cách có hệ thống và in sâu nhất về nhân quyền. Đối tượng tuyên truyền, phổ biến pháp luật là toàn dân, trình độ hiểu biết pháp luật chưa cao và mục tiêu của tuyên truyền, phổ biến pháp luật là làm cho các công dân hiểu mình là ai, mình làm gì và làm như thế nào, công dân hiểu và nắm được các quy định của pháp luật để giải quyết công việc, để bảo vệ quyền lợi của mình trước các cơ quan Nhà nước. Do vậy nội dung tuyên truyền cần được giải thích bằng ngôn ngữ đơn giản, càng dễ hiểu bao nhiêu càng tốt để tiếp cận được mọi đối tượng một cách hiệu quả, đặc biệt là các nội dung liên quan đến kiến thức pháp luật cơ bản, các khái niệm,

các quy phạm pháp luật.

Cung cấp đầy đủ, có hệ thống thông tin pháp luật về quyền con người trong từng lĩnh vực để phục vụ cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật. Bên cạnh việc thực hiện có hiệu quả các hình thức phổ biến, giáo dục pháp luật truyền thống, cần quan tâm khai thác có hiệu quả các văn bản pháp luật cập nhật, lưu trữ trên mạng tin học diện rộng của Chính phủ, mạng Internet. Xây dựng và đưa vào sử dụng rộng rãi các cơ sở dữ liệu pháp luật điện tử; tiếp tục củng cố và phát triển các hệ thống thông tin pháp luật về quyền con người phù hợp tại các cơ quan nhà nước, các tổ chức, đoàn thể, doanh nghiệp. Nâng cao khả năng hợp tác giữa các cơ quan, tổ chức làm công tác thông tin pháp luật tạo thành mạng lưới thông tin pháp luật về quyền con người thống nhất từ Trung ương đến địa phương. Hình thành các cơ quan đầu mối làm nhiệm vụ cung cấp thông tin pháp luật về quyền con người ở Việt Nam phục vụ nhu cầu trong nước, trong khu vực và thế giới phù hợp với những cam kết quốc tế của Việt Nam về minh bạch hoá pháp luật, trao đổi thông tin pháp luật...

3.2.6. Nâng cao văn hóa tố tụng trong giai đoạn điều tra

Văn hóa tố tụng hình sự là ứng xử phù hợp giữa các chủ quan hệ tố tố tụng hình sự với nhau và giữa họ với người khác. Sự phù hợp của cách thức ứng xử đó trước hết được đo bằng việc tuân thủ các quy định của pháp luật tố tụng hình sự, các văn bản liên quan và quan niệm truyền thống ứng xử của con người với con người. Ở nước ta trong giai đoạn hiện nay, khi mà Đảng và Nhà nước đang tiến hành công cuộc đổi mới, xây dựng Nhà nước pháp quyền của dân, do dân và vì dân, mở rộng dân chủ, thực hiện công bằng xã hội thì văn hóa tố tụng hình sự cần được đề cao và tiếp tục hoàn thiện. Xuất phát từ nguyên tắc suy đoán vô tội với nội dung: "Không ai bị coi là có tội và phải chịu hình phạt khi chưa có bản kết tội của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật" nên trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra và Điều tra viên, Viện kiểm sát và Kiểm sát viên đối xử với bị can như là một công dân mặc dù không ít trong số họ đang bị hạn chế tự do bởi biện pháp tạm giam, tạm giữ.

Trong quá trình điều tra các vụ án hình sự được coi là có văn hóa khi các Điều tra viên, Kiểm sát viên, người bào chữa tuân thủ các quy định trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự đối với nhau như những người cùng đang hướng tới một mục đích tìm ra sự thật, chân lý của vụ án, bảo vệ pháp chế, bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của công dân. Sẽ là không có văn hóa nếu Điều tra viên, Kiểm sát viên coi

người bào chữa là người đối lập với mình, gây khó khăn cho công việc của mình, luật sư - người bào chữa coi hoạt động của Điều tra viên và Kiểm sát viên đi ngược lại lợi ích của thân chủ.

Để văn hóa tố tụng nói chung và văn hóa trong giai đoạn điều tra nói riêng ngày càng được hoàn thiện cần thiết phải đào tạo để những người tiến hành tố tụng như: Điều tra viên, Kiểm sát viên, luật sự đạt tới một phông văn hóa nhất định trong đó bao gồm văn hóa nói chung và văn hóa tố tụng nói riêng. Chính vì thế để văn hóa điều tra thực sự có tác dụng với chất lượng của quá trình đi tìm sự thật của vụ án thì cần có những văn bản hợp thành hệ thống điều chỉnh cách thức ứng xử của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng để thể hiện sự tôn trọng và bảo vệ các quyền và nghĩa vụ cơ bản của các bên.

Quyền con người trong hoạt động điều tra vụ án hình sự luôn là đề tài không chỉ các nhà khoa học, các nhà thi hành tố tụng hình sự quan tâm mà còn có một số "nhà nghiên cứu, nhà bình luận, hay chính trị gia" lợi dụng một số sai phạm để xuyên tạc sự thật khách quan trong điều tra vụ án hình sự. Lực lượng Điều tra viên và Kiểm sát viên luôn khẳng định mục tiêu cuối cùng của bảo vệ con người chính là bảo đảm sự công bằng, bình đẳng, không làm oan người vô tội trong hoạt động điều tra vụ án hình sự.

3.2.7. Thành lập Cơ quan nhân quyền quốc gia Việt Nam

Việc thành lập Cơ quan quốc gia về quyền con người thời gian tới là yêu cầu khách quan, góp phần bảo đảm việc thực thi có hiệu quả các quy định của Hiến pháp, pháp luật về quyền con người nói chung, quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự nói riêng. Việt Nam rất cần có cơ quan nhân quyền như một tổ chức tương thích với các cơ quan nhân quyền của các quốc gia, quốc tế nhằm đối thoại, trao đổi, bảo vệ, đấu tranh làm giảm áp lực từ bên ngoài vu cáo, xuyên tạc về tình hình nhân quyền Việt Nam. Thành lập Cơ quan nhân quyền quốc gia thể hiện sự quan tâm và tính trách nhiệm của Đảng, Nhà nước ta trong thực thi các công ước quốc tế cơ bản về quyền con người mà Việt Nam đã ký kết hoặc tham gia. Bảo vệ, đấu tranh trên lĩnh vực quyền con người là nhiệm vụ lớn, cần có sự chỉ đạo tập trung, thống nhất, trực tiếp của một cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước, đồng thời đưa ra các chính sách tổng thể trong bảo đảm và thúc đẩy quyền con người.

Đây là một vấn đề lớn, cần có sự chỉ đạo trực tiếp của Thủ tướng Chính phủ và có sự tham gia, phối hợp của các bộ, ban, ngành, cơ quan liên quan để thành lập một bộ phận nghiên cứu, đề xuất cấp có thẩm quyền về đề án và việc triển khai xây dựng mô hình tổ chức Cơ quan nhân quyền quốc gia Việt Nam. Trước mắt, cần phải xây dựng, triển khai Đề án thành lập Cơ quan nhân quyền quốc gia Việt Nam.

Về công tác xây dựng Đề án, cần tập trung khảo sát, nghiên cứu về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, vai trò, vị trí và cơ cấu tổ chức của Cơ quan nhân quyền một số nước trên thế giới và trong khu vực; kinh nghiệm quốc tế trong việc thành lập Cơ quan nhân quyền quốc gia; tổng kết tình hình thực tiễn Việt Nam; đánh giá kết quả thực hiện các nghĩa vụ pháp lý quốc tế của Việt Nam theo các hiệp định, hiệp ước quốc tế song phương, đa phương về nhân quyền hiện hành, nhất là việc thực hiện các cơ chế nhân quyền quốc tế mà Việt Nam tham gia; dự báo ngắn hạn, trung hạn, dài hạn về việc thực hiện các nghĩa vụ pháp lý quốc tế; đánh giá thực trạng tình hình tổ chức bộ máy và kết quả thực hiện công tác nhân quyền từ Trung ương đến địa phương trong những năm qua; đề xuất mô hình tổ chức bộ máy, nhiệm vụ, chức năng, cơ chế hoạt động phù hợp với điều kiện kinh tế, xã hội của nước ta.

Về nội dung Đề án, cần đảm bảo mô hình tổ chức Cơ quan nhân quyền Việt Nam phù hợp với tình hình thực tiễn đất nước, có tính đến các tiêu chí và khuyến nghị của Liên hợp quốc và tương thích với pháp luật quốc tế, xây dựng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, vai trò, vị trí của Cơ quan nhân quyền trong hệ thống tổ chức bộ máy Nhà nước dưới sự lãnh đạo toàn diện, trực tiếp của Đảng; xây dựng cơ chế mối quan hệ của Cơ quan nhân quyền quốc gia với các bộ, ban, ngành ở Trung ương và địa phương, với các tổ chức nhân quyền trong khu vực và quốc tế; dự báo về tác động của Cơ quan nhân quyền đối với đời sống xã hội sau khi được thành lập...

Sau khi Đề án được hoàn thành và đi vào thực hiện, căn cứ kết quả của Đề án, khẩn trương chuẩn bị các điều kiện về nội dung, thủ tục, hồ sơ hoàn chỉnh trình Thủ tướng Chính phủ báo cáo cấp có thẩm quyền thành lập Cơ quan nhân quyền quốc gia Việt Nam.

Kết luận chương 3

Những vấn đề lý luận được nghiên cứu ở Chương 1, phân tích đánh giá thực trạng ở Chương 2, nhất là trên cơ sở làm sáng tỏ những hạn chế, bất cập của pháp luật tố tụng hình sự cũng như thực tiễn áp dụng và nguyên nhân của những bất cập, hạn chế đó cho phép tác giả đưa ra những giải pháp nâng cao hiệu quả việc bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự ở nước ta hiện nay.

Các giải pháp nâng cao hiểu quả bảo đảm quyền con người trong tố tụng hình sự nói chung và quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự nói riêng cần đi đúng hướng, cần quán triệt những vấn đề sau: (1) Phải thực hiện đúng đường lối, chủ trương của Đảng, bám sát và phục vụ có hiệu quả các nhiệm vụ chính trị trong từng giai đoạn, bảo đảm quyền lực nhà nước là thống nhất; (2) Phải ngăn ngừa có hiệu quả và xử lý kịp thời, nghiêm minh các loại tội phạm; bảo vệ trật tự, kỷ cương, bảo đảm và tôn trọng quyền dân chủ, quyền và lợi ích hợp pháp của các tổ chức và công dân; (3) Phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn xã hội tham gia vào công tác tư pháp; (4) Xây dựng các cơ quan tư pháp trong sạch, vững mạnh, hiện đại, góp phần xây dựng Nhà nước pháp quyền.

Những giải pháp nâng cao hiểu quả bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự cần thực hiện các giải pháp sau: triển khai thi hành Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Luật tổ chức cơ quan điều tra năm 2015 và Luật thi hành tạm giữ, tạm giam năm 2015; tuân thủ nghiêm các quy định của pháp luật tố tụng hình sự về bảo đảm quyền con người của bị can; tăng cường mối quan hệ phối hợp, chế ước giữa Viện kiểm sát và Cơ quan điều tra trong đấu tranh phòng, chống tội phạm; nâng cao năng lực kiểm sát viên và điều tra viên - thước đo chuẩn mực bảo vệ quyền con người; nâng cao ý thức pháp luật cho người dân, đặc biệt là pháp luật về quyền con người; nâng cao văn hóa tố tụng trong giai đoạn điều tra; thành lập Cơ quan nhân quyền quốc gia Việt Nam.

KẾT LUẬN

Thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, đất nước ta đã đạt được những thành tựu to lớn và có ý nghĩa lịch sử. Đất nước có những bước chuyển mình căn bản và toàn diện về mọi mặt, kinh tế tăng trưởng nhanh, đời sống nhân dân được cải thiện rõ rệt, hệ thống chính trị, khối đại đoàn kết dân tộc được củng cố và tăng cường. Chính trị xã hội ổn định, quốc phòng an ninh được giữ vững. Sức mạnh tổng hợp của quốc gia tăng lên rất nhiều, tạo nên thế và lực mới cho đất nước tiếp tục đi lên với những triển vọng tốt đẹp.

Tuy nhiên, do tác động tiêu cực bởi mặt trái của nền kinh tế thị trường, của quá trình hội nhập, của những khuyết điểm và yếu kém đã nảy sinh những vấn đề phức tạp, trong đó có tình hình tội phạm và một số tệ nạn xã hội có chiều hướng tăng với tính chất và mức độ phạm tội ngày càng nguy hiểm, hàng loạt các vụ án hình sự nghiêm trọng đã xảy ra. Việc nhận thức chân lý khách quan của vụ án hình sự là một quá trình hết sức phức tạp được tạo bởi các hoạt động thu thập, kiểm tra, đánh giá các chứng cứ do các chủ thể tiến hành tố tụng thực hiện phù hợp với các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Vì vậy quá trình chứng minh trong vụ án hình sự phải được thực hiện một cách khoa học nhằm xác đinh đúng người đúng tội, không bỏ lọt tội phạm hoặc không làm oan sai người vô tội bởi không giống như vụ án dân sự hoặc vụ án hành chính, vụ án hình sự có ảnh hưởng rất lớn tới quyền con người, tới sinh mạng chính trị và những quyền về nhân thân, tài sản khác của con người.... Chính vì vậy, quá trình đi tìm sự thật của vụ án đồng thời phải gắn bó với việc bảo vệ các quyền con người cơ bản ấy.

Luận văn mở đầu bằng cái nhìn một cách tổng quan nhất về quyền con người, và sự cần thiết của việc bảo vệ quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự, viện dẫn các quyền con người được pháp luật quốc tế công nhận trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự, để từ đó có cái nhìn khách quan nhất về chính sách pháp luật của nhà nước ta về việc bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự.

Trong lĩnh vực tố tụng hình sự, hoạt động của Cơ quan điều tra đóng vai trò rất quan trọng, là cơ quan tiến hành tố tụng đầu tiên trong toàn bộ hoạt động tố tụng

hình sự để thực hiện nhiệm vụ đấu tranh phòng, chống tội phạm, bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà nước, công dân. Việc điều tra trong tố tụng hình sự là gốc dễ để làm sáng tỏ sự thật khách quan của vụ án, có liên quan mật thiết và ảnh hưởng một cách trực tiếp đến nhiều mặt của quyền con người.

Hoạt động điều tra tội phạm là rất khó khăn, phức tạp và thường xuyên vận động, nên không thể tránh khỏi những hạn chế, thiếu sót và sai lầm, làm ảnh hưởng đến những quyền cơ bản nhất của con người như: bắt, giam giữ người trái pháp luật, việc thu thập chứng cứ chưa đầy đủ để chứng minh vụ án hình sự; việc kết luận vấn đề cần chứng minh chưa có căn cứ.. .từ đó dẫn đến việc phải trả lại hồ sơ để điều tra bổ sung; phải hủy án, nhiều trường hợp việc giải quyết vụ án còn chưa đúng người đúng tội hoặc bỏ lọt tội phạm...

Quan tâm đến con người, bảo đảm quyền con người trong mọi mặt của đời sống xã hội nói chung và của bị can trong giai đoạn điều tra hình sự nói riêng là việc phải giải quyết những bất cập còn hiện hữu. Trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự, có nhiều nguyên nhân dẫn đến những sai sót trong hoạt động của các cơ quan tiến hành tố tụng, trên cơ sở nghiên cứu một cách khá toàn diện và hệ thống vấn đề bảo vệ quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra ở cả phương diện lý luận và thực tiễn. Kết thúc luận văn, tác giả đã rút ra một số kết luận như đã nêu và đề xuất những kiến nghị nhằm góp phần vào hoàn thiện các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự hiện hành về giai đoạn điều tra nhằm bảo vệ hơn quyền con người của bị can nói riêng cũng như đề ra những giải pháp cụ thể nhằm nâng cao hiệu quả chất lượng hoạt động của cơ quan tiến hành tố tụng liên quan đến bảo vệ quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự ở nước ta hiện nay.

Hy vọng đề tài *"Quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự ở nước ta hiện nay"* sẽ góp phần làm hoàn thiện hơn hệ thống lý luận và thực tiễn của vấn đề bảo đảm quyền con người nói chung và bảo đảm quyền con người trong hoạt động tư pháp nói riêng ở nước ta hiện nay.

Do điều kiện nghiên cứu và khả năng của bản thân có hạn. Trong khi đó nội dung của đề tài lại phức tạp nên chắc chắn luận văn không tránh khỏi những hạn chế và thiếu sót nhất định, rất mong nhận được sự đóng góp của các các thầy, cô và những ai quan tâm đến vấn đề, đề tài này.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Ngọc Anh (2012), *Bình luận khoa học Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003,* NXB Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.

2. Vũ Ngọc Bình (2000), *Quyền con người trong quản lý tư pháp,* NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội

3. Báo cáo của Vụ kiểm sát việc tạm giữ, tạm giam và thi hành án hình sự trực thuộc VKSNDTC về tổng kết công tác kiểm sát việc tạm giữ, tạm giam, quản lý và thi hành án hình sự từ năm 2007 đến hết năm 2013

4. Bộ Chính trị, Nghị quyết 08 - NQ/TW ngày 02-01-2002 về "Một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới"

5. Bộ Chính trị, Nghị quyết 49 - NQ/TW ngày 02-6-2005 về "*Chiến lược Cải cách tư pháp đến năm 2020".*

6. Bộ ngoại giao Hoa Kỳ, tháng 3/2008, *Human Ringts in brief*- Ấn phẩm của chương trình thông tin quốc tế.

7. Nguyễn Ngọc Chí (2007), *Bảo vệ quyền con người bằng pháp luật tố tụng hình sự,* Tạp chí Khoa học, Kinh tế - Luật 23.

8. Công ước về các quyền dân sự, chính trị (ICCPR), năm 1966.

9. Công ước về các quyền kinh tế, xã hội văn hóa ICCSCR) năm 1966.

10. Các nguyên tắc về bảo vệ tất cả những người bị giam giữ hay tù dưới bất cứ hình thức nào (1988) (Được Đại Hội đồng Liên Hợp Quốc thông qua bằng Nghị quyết 43/173 ngày 9/12/1988).

11. Các nguyên tắc cơ bản về vai trò của Luật sư (1990), (Được thông qua tại Hội nghị lần thứ tám về Phòng chống tội phạm và xử lý người phạm tội của Liên Hợp Quốc, họp tại Havana, Cuba, từ ngày 27/8 đến 7/9/1990).

12. Công ước Châu Mỹ về quyền con người (Công ước này được các nước Châu Mỹ chấp thuận trong cuộc họp ở San José, Costa Rica ngày 22.11.1969, và bắt đầu có hiệu lực từ ngày 18.7.1978 sau khi Grenada nộp văn kiện phê chuẩn thứ 11 theo quy định)

13. Công ước châu Âu về bảo vệ quyền con người và Tự do cơ bản (Công ước được đưa ra ký kết ngày 4.11.1950 ở Roma. Được phê chuẩn và có hiệu lực từ ngày 3.9.1953)

14. Công ước Chống tra tấn và các hình thức trừng phạt hay đối xử tàn ác, vô nhân đạo hoặc hạ thấp nhân phẩm,1984 (Được Đại hội đồng Liên Hợp Quốc thông qua ngày 10/12/1984 theo Nghị quyết 39/46. Có hiệu lực từ ngày 26/6/1987).

15. Bùi Trung Dũng (2009), Hoạt động điều tra hình sự của ngành về an ninh quân đội - Thực trạng và giải pháp, Luận án tiến sĩ luật học, Hà Nội.

16. Bùi Kiên Điện (2008), *Điều tra vụ án hình sự nhìn từ một vụ án,* NXB Công an nhân dân, Hà Nội.

17. Nguyễn Ngọc Điệp (2001), Những điều cần biết về thủ tục khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử vụ án hình sự, Nxb. Công an nhân dân, Thành phố Hồ Chí Minh

18. Đỗ Văn Đương (2011), *Chứng cứ và chứng minh trong vụ án hình sự*, NXB Chính trị quốc gia- sự thật, Hà Nội.

19. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

20. Lê Thị Tuyết Hoa (2008), *Về các biện pháp ngăn chặn trong tố tụng hình sự,* Tạp chí kiểm sát số 18 & 20.

21. Nguyễn Quang Hiền (2008), *Bảo vệ quyền con người trong TTHS Việt Nam*, Luận án tiến sỹ luật học Viện nhà nước và pháp luật, Hà Nội

22. Nguyễn Duy Hùng (2009), Vấn đề đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo trong tố tụng hình sự, Nxb chính trị quốc gia, Hà Nội.

23. Ngũ Quang hồng (2011), Nghiên cứu so sánh về điều tra trong Luật tố tụng hình sự của Trung Quốc và Việt Nam, NXB Tư pháp, Hà Nội

24. Phạm Việt Hưng (4/2012), Cần sửa đổi bổ sung một số điều của BLTTHS năm 2003 về biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, Tạp chí Kiểm sát số 07.

25. Hướng dẫn về vai trò của Công tố viên (1990), (Được thông qua tại Hội nghị lần thứ tám về Phòng chống tội phạm và xử lý người phạm tội của Liên Hợp Quốc, họp tại Havana, Cuba, từ ngày 27/8 đến 7/9/1990).

26. Hiến chương Châu Phi về quyền con người và quyền dân tộc.

27. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, *Quyền con người - quyền công dân trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam.* Thông tin chuyên đề. Trung tâm thông tin tư liệu, tháng 5/1995.

28. Học viện tư pháp (2009), Giáo trình Kỹ năng giải quyết vụ án hình sự,

NXB Tư pháp

29. Nguyễn Đình Lộc (tháng 3/2000), *Bộ luật hình sự mới (năm 1999) và một số vấn đề cần quan tâm,* Tạp chí dân chủ và pháp luật. Số chuyên đề về Bộ luật hình sự của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

30. Hồ Chí Minh (1995), Toàn tập- tập 3, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, tập 3.

31. Trần Đình Nhã (1995), Về đổi mới tổ chức Cơ quan điều tra, Kỷ yếu đề tài khoa học cấp Bộ: *Những vấn đề lý luận và thực tiễn cấp bách của tố tụng hình sự Việt Nam,* Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Hà Nội.

32. Những nguyên tắc cơ bản trong việc đối xử với tù nhân, 1990 (Được Đại hội đồng Liên Hợp quốc thông quan và công bố theo Nghị quyết 45/111 ngày 14/12/1990)

33. Đỗ Ngọc Quang (2000), Cơ quan điều tra, Thủ trưởng cơ quan điều tra và điều tra viên trong Công an nhân dân. NXB Công an nhân dân, Hà Nội.

34. Quốc hội (1988), *Bộ luật tố tụng hình sự,* Hà Nội.

35. Quốc hội (2002), Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân, Hà Nội.

36. Quốc hội (2003), *Bộ luật tố tụng hình sự,* Hà Nội.

37. Quốc hội (2009), Bộ luật hình sự (sửa đổi, bổ sung), Hà Nội.

38. Quốc hội (2013), Hiến pháp nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam, Hà Nội.

39. Quy ước đạo đức của quan chức thi hành pháp luật (1979) (Được thông qua bởi Nghị quyết số 34/169 của Đại Hội đồng Liên Hợp Quốc ngày 17/12/1979).

40. Quy tắc chuẩn tối thiểu của Liên hợp quốc về tư pháp người chưa thành niên (Quy tắc Bắc Kinh) (1985) (Được thông qua theo Nghị quyết 40/33 ngày 29/11/1985 của Đại Hội đồng Liên Hợp Quốc).

41. Quy tắc của Liên hợp quốc về bảo vệ người chưa thành niên bị tước quyền tự do (1990).

42. Quy tắc tiêu chuẩn tối thiểu của LHQ về những biện pháp không giam giữ (Quy tắc Tôkiô), 1990 (Được Đại Hội đồng Liên Hợp Quốc thông qua bằng Nghị quyết 45/110 ngày 14/12/1990).

43. Quy tắc tiêu chuẩn tối thiểu về đối xử với tù nhân.

44. Hồ sỹ Sơn (2011), Bảo vệ quyền con người trong TTHS và một số đề xuất

hoàn thiện, Tạp chí luật học số 1.

45. Nguyễn Huy Thuật (2010), *Chiến thuật điều tra hình sự (Sách chuyên khảo),* Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.

46. Tuyên ngôn toàn thế giới về nhân quyền con người (UDHR) năm 1948.

47. Trường Đại học Luật Hà Nội (1999), *Từ điển Luật học,* NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

48. Trường đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh (2010), *Bảo đảm quyền con người trong tư pháp hình sự Việt Nam* (Sách chuyên khảo), NXB Đại học quốc gia TP Hồ Chí Minh.

49. Trường đại học Luật Hà Nội (2011), *Giáo trình Luật tố tụng hình sự Việt Nam,* NXB Công an nhân dân, Hà nội, 2011

50. Trịnh Tiến Việt, Những vấn đề pháp lý cơ bản về LHSQT và việc bảo vệ quyền con người- Tạp chí TAND kỳ II tháng 5- 2009 (số10).

51. Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2005), Công văn số 1505/2005/ VKSNDTC- V1 ngày 16/6 về việc vi phạm của Cơ quan điều tra, cơ quan xét xử án hình sự, Hà Nội.

52. Viện nghiên cứu quyền con người (2008), Bình luận và khuyến nghị chung của các ủy ban công ước thuộc Liên hợp quốc về quyền con người, NXB Công an nhân dân, Hà Nội.

53. Văn phòng cao ủy Liên hợp quốc về quyền con người (2009), *Các quy định và thực tiễn quốc tế về đảm bảo đảm quyền con người dành cho cảnh sát,* NXB Công an nhân dân.

54. Nguyễn Như Ý (2010), *Đại Từ điển Tiếng Việt,* Nxb. Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.